



2 Thông tin chung

- Thông tin khái quát
- Quá trình hình thành và phát triển
- Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh, bộ máy quản lý
- Nguồn lực

3 PTSC 21 năm Phát triển bền vững



1 Thông điệp lãnh đạo

4 Tình hình hoạt động năm 2014

- Kết quả đạt được năm 2014
- Tình hình tài chính
- Tình hình đầu tư thực hiện các dự án

Đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

- Đánh giá kết quả hoạt động SXKD
- Nhiệm vụ, giải pháp thực hiện năm 2015

Đánh giá của Hội đồng Quản trị

- Về hoạt động chung
- Về Ban Tổng Giám đốc
- Thách thức 2015



6 Chứng khoán PVS

- Danh sách cổ đông và giao dịch cổ đông nội bộ
- PVS - thông tin cơ bản
- PVS - vượt qua thách thức

7 Báo cáo tài chính

5 Quản trị công ty

- Hoạt động của HĐQT năm 2014 và kế hoạch năm 2015
- Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2014 và kế hoạch năm 2015
- Thù lao và các lợi ích
- Quản trị rủi ro





PVS
MÃ CHỨNG KHOÁN

Tên giao dịch: **Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam**

Tên giao dịch nước ngoài: **PetroVietnam Technical Services Corporation**

Tên giao dịch viết tắt: **PTSC**

Mã số doanh nghiệp: **0100150577**

Địa chỉ: Tầng 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM

Số điện thoại: (+84).8.39102828 Fax: (+84).8.39102929

Website: www.ptsc.com.vn



Dịch vụ cung ứng
tàu chuyên dụng dầu khí

Dịch vụ căn cứ
cảng dầu khí



Dịch vụ chế tạo và
xây lắp công trình dầu khí

Dịch vụ kho nổi, chứa,
xử lý và xuất dầu thô



Dịch vụ vận chuyển, lắp đặt,
đầu nổi, chạy thử, vận hành,
sửa chữa và bảo dưỡng các
công trình dầu khí

Dịch vụ khảo sát địa chấn,
địa chất công trình và
sửa chữa công trình ngầm





Ông Thái Quốc Hiệp
Chủ tịch Hội đồng quản trị



Kính thưa Quý vị Cổ đông!

Vượt qua thách thức của một năm 2014 với nhiều biến động, Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam đã tiếp tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao phó. Ngoài việc thực hiện thành công các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh, Tổng công ty cũng đã đạt được những tiến bộ đáng kể về mặt cải tiến, nâng cấp năng lực quản trị hệ thống, sử dụng hiệu quả các nguồn lực, góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, từng bước phát triển năng lực cạnh tranh trên thị trường, tích cực tham gia các công tác an sinh xã hội và phát triển cộng đồng. Chúng tôi tự hào vì tập thể Lãnh đạo, Cán bộ công nhân viên với tinh thần đoàn kết, quyết liệt, vượt mọi khó khăn đã tạo nên sức mạnh to lớn giúp Tổng công ty ngày càng phát triển năng động và vững mạnh. Thành quả trên còn ghi nhận dấu ấn của sự đồng hành hỗ trợ và chỉ đạo đúng đắn từ Công ty Mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam cũng như sự tin tưởng, ủng hộ của Quý cổ đông, Quý khách hàng và các đối tác của Tổng công ty.

Quý cổ đông kính mến!

Năm 2015 đã bắt đầu với những khó khăn rất lớn đối với các doanh nghiệp hoạt động trong ngành dầu khí. Ngoài một số vấn đề chung của nền kinh tế từ thời gian khủng hoảng chưa được khắc phục, mức độ cạnh tranh khốc liệt và đặc biệt là yếu tố giá dầu duy trì ở mức thấp, chưa ổn định từ cuối năm trước đang đặt chúng ta vào tình thế rất bất lợi.

Tuy vậy, bên cạnh những khó khăn, chúng ta vẫn có những thuận lợi đan xen. Để vượt qua những thách thức trước mắt, đòi hỏi những quyết tâm và nỗ lực lớn lao của toàn bộ máy trong việc kiên trì theo đuổi các mục tiêu xác định, tìm kiếm những yếu tố đột biến bên cạnh các giải pháp đã đề ra, sự thấu hiểu, hỗ trợ và chia sẻ của những khách hàng truyền thống, sự tiếp tục ủng hộ của quý cổ đông, nhất là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - vừa là Công ty Mẹ đồng thời là khách hàng rất quan trọng của Tổng công ty PTSC.

Chúc Tổng công ty chúng ta vượt qua thách thức, đạt được nhiều thành công trong năm mới 2015!

Trân trọng.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thái QUỐC HIỆP

PTSC 21 NĂM PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

21 NĂM xây dựng và phát triển bền vững, PTSC không chỉ tạo nên uy tín, thương hiệu dịch vụ kỹ thuật dầu khí hàng đầu trong nước và khu vực mà còn tạo dựng được giá trị văn hóa đặc trưng mang bản sắc PTSC: “Đoàn kết, Năng động, Sáng tạo, Chuyên nghiệp”. Những giá trị cốt lõi của văn hóa PTSC là sợi dây kết nối các thế hệ, sự truyền đạt của thế hệ trước và sự kế thừa của các thế hệ sau, cùng tạo nên sức mạnh để “Dám nghĩ, Dám làm, Dám chịu trách nhiệm” và vượt qua những khó khăn, thách thức. Với mục tiêu duy trì và tiếp tục phát triển bền vững, vươn tới những đỉnh cao mới và thành công mới, Tổng công ty đã đặt ra chiến lược phát triển bền vững tập trung vào các mục tiêu cốt lõi như sau:

- Duy trì và phát triển văn hóa doanh nghiệp
- Xây dựng Tổng công ty vững mạnh, với nguồn lực cơ sở vật chất hiện đại đạt trình độ công nghệ tiên tiến
- Xây dựng và phát triển nguồn nhân lực chuyên nghiệp, trình độ chuyên môn cao ngang tầm quốc tế
- Duy trì tốt việc áp dụng các hệ thống quản lý SK-AT-MT-CL trong toàn Tổng công ty
- Đóng góp, thúc đẩy vì sự phát triển của cộng đồng

Với chiến lược phát triển bền vững trên, Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam hoàn toàn tự tin phát huy vai trò “Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới” với những nền tảng và truyền thống quý báu của mình, tiếp tục đưa thương hiệu PTSC ngày càng lớn mạnh cả trong và ngoài nước.

DUY TRÌ VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

Văn hóa doanh nghiệp đóng một vai trò quan trọng trong sự phát triển ổn định, bền vững của mỗi doanh nghiệp. Chính vì vậy, trong suốt chặng đường phát triển của mình, những giá trị cốt lõi của văn hóa PTSC không ngừng được kế thừa và phát huy. Các thế hệ lãnh đạo và tập thể người lao động Tổng công ty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (Tổng công ty DVKT) qua các thời kỳ đã luôn khơi dậy và phát huy giá trị truyền thống, xây dựng, hình thành và phát triển thương hiệu dịch vụ kỹ thuật uy tín trong nước và quốc tế.

Phát huy những giá trị tốt đẹp đó, trong những năm qua, tập thể Tổng công ty DVKT đã thể hiện cao tinh thần Đoàn kết, Năng động, Sáng tạo và Chuyên nghiệp, Dám nghĩ, Dám làm, Dám chịu trách nhiệm; xây dựng môi trường lao động công bằng, văn minh; tạo động lực cho người lao động tự giác nỗ lực làm việc, phát huy tối đa khả năng của mình. Giá trị trên là đặc trưng, bản sắc văn hóa doanh nghiệp đã được các thế hệ gây dựng từ nhiều năm qua.

XÂY DỰNG TỔNG CÔNG TY VỮNG MẠNH, VỚI NGUỒN LỰC CƠ SỞ VẬT CHẤT HIỆN ĐẠI, ĐẠT TRÌNH ĐỘ CÔNG NGHỆ TIÊN TIẾN

Dầu khí là ngành công nghiệp tiên phong trong việc trang bị các nguồn lực cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị với công nghệ tiên tiến hàng đầu. Tổng công ty DVKT đã nhận ra việc đầu tư, trang bị cơ sở vật chất hiện đại là một yếu tố sống còn để có thể đáp ứng được những yêu cầu khắt khe nhất về kỹ thuật, tăng năng lực cạnh tranh và tạo dựng nền tảng cho sự phát triển bền vững.

Qua 21 năm hình thành và phát triển, Tổng công ty DVKT tự hào là đơn vị dịch vụ kỹ thuật dầu khí có cơ sở vật chất hàng đầu tại Việt Nam, với đội tàu dịch vụ, tàu khảo sát quy mô và hiện đại nhất, hệ thống căn cứ cảng dầu khí trải dài từ Bắc vào Nam, hệ thống các kho nổi chứa và xử lý dầu thô phục vụ cho các giàn khai thác, hệ thống nhà xưởng, kho bãi, trang thiết bị hiện đại phục vụ cho lĩnh vực công nghiệp cơ khí dầu khí... đáp ứng được đầy đủ các nhu cầu dịch vụ kỹ thuật cho ngành công nghiệp dầu khí.

Để có thể vươn ra được thị trường khu vực và thế giới, bắt kịp sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật, công nghệ dầu khí, Tổng công ty đã và đang không ngừng đầu tư những phương tiện, trang thiết bị mới, công nghệ hiện đại. Có thể kể đến kế hoạch đầu tư một loạt các tàu dịch vụ công suất lớn, chức năng DP mạnh, có khả năng hoạt động ở vùng nước sâu và thời tiết khắc nghiệt; các thiết bị khảo sát ngầm, các phương tiện nổi cho hoạt động xây lắp trên biển cũng đang được đẩy mạnh đầu tư; áp dụng công nghệ khai thác, quản lý cảng tiên tiến cho hệ thống cảng hiện hữu...

Tổng công ty DVKT tin tưởng rằng, với hệ thống cơ sở vật chất hiện có cùng định hướng đầu tư phát triển trong tương lai, vị thế là đơn vị dịch vụ kỹ thuật dầu khí hàng đầu tại Việt Nam sẽ tiếp tục được giữ vững, tạo tiền đề để vươn ra thị trường quốc tế.



PTSC 21 NĂM PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CHUYÊN NGHIỆP, TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN CAO NGANG TẦM QUỐC TẾ

Con người là chìa khóa thành công của doanh nghiệp, đặc biệt trong lĩnh vực dầu khí với những yêu cầu cao về trình độ, năng lực và kinh nghiệm thì yếu tố nguồn nhân lực lại có tính quyết định tới thành công hơn bao giờ hết. Trong những năm qua, Tổng công ty đã thành công trong việc tạo dựng nguồn nhân lực chất lượng cao để đáp ứng các hoạt động trong lĩnh vực dầu khí. Nhiều chức danh nếu trước đây chỉ chuyên gia nước ngoài mới có khả năng đảm nhận thì nay hầu hết đã được thay thế bởi người lao động trong nước như vị trí thuyền trưởng tàu dịch vụ, các chức danh phụ trách an toàn cao cấp trên các công trình dầu khí, giám đốc dự án xây lắp công trình dầu khí... Đặc biệt Tổng công ty đã xây dựng đội ngũ kỹ sư thiết kế, đảm nhận thiết kế chi tiết các công trình dầu khí đạt tiêu chuẩn quốc tế như giàn khai thác, giàn dầu giếng, chân đế giàn khoan...

Để đáp ứng những đòi hỏi công việc ngày càng phức tạp, khó khăn, Tổng công ty quyết tâm xây dựng, kiện toàn một đội ngũ nhân lực thấm nhuần bản sắc văn hóa PTSC, đồng đều về chuyên môn, có thể đảm nhận các vị trí nhân sự cấp cao trong ngành như OIC trên các tàu FSO/FPSO; vận hành và xử lý số liệu trên các tàu khảo sát địa chấn 2D, 3D; đảm nhận toàn bộ công tác thiết kế các cấu kiện dầu khí, công trình công nghiệp có quy mô lớn, công nghệ phức tạp trong tương lai.

Hiện nay, Tổng công ty đang triển khai chiến lược đào tạo phát triển nguồn nhân lực với các giải pháp như xây dựng môi trường học tập cho Người lao động ở mọi cấp độ, mọi vị trí; đào tạo nâng cao tay nghề thực tế trong môi trường SXKD; thực hiện các chương trình biệt phái cán bộ, tạo điều kiện cho nhân sự trẻ cọ xát, học hỏi kinh nghiệm; kết hợp với các trung tâm đào tạo có uy tín để đào tạo nâng cao khả năng đáp ứng nhu cầu công việc...

Với những kinh nghiệm và biện pháp phát triển nguồn nhân lực như trên, Tổng công ty tin tưởng sẽ sớm xây dựng được nguồn nhân lực đáp ứng được yêu cầu trong tình hình mới, đảm bảo năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững của Tổng công ty.



DUY TRÌ TỐT VIỆC ÁP DỤNG CÁC HỆ THỐNG QUẢN LÝ SỨC KHỎE - AN TOÀN - MÔI TRƯỜNG - CHẤT LƯỢNG TRONG TOÀN TỔNG CÔNG TY

Dịch vụ của Tổng công ty luôn được các khách hàng, nhà thầu dầu khí ghi nhận và đánh giá cao về chất lượng dịch vụ, an toàn, sức khỏe, môi trường. Đó chính là kết quả của việc xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý SK-AT-MT-CL hợp nhất theo các tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001, ISO 14001, OHSAS 18001 một cách nghiêm túc, triệt để đến từng Người lao động trong toàn Tổng công ty.

Tiếp nối những thành quả đã đạt được, Tổng công ty cam kết sẽ tiếp tục kiện toàn hệ thống quản lý SK-AT-MT-CL, đồng thời đầu tư các nguồn lực cần thiết để đạt được các yêu cầu về chất lượng sản phẩm dịch vụ và đảm bảo an toàn cho con người, môi trường và tài sản một cách cao nhất.

Bên cạnh đó, Tổng công ty không ngừng nỗ lực nhằm tạo dựng môi trường lao động và không gian làm việc vệ sinh, xanh-sạch-đẹp, cách ứng xử văn hóa, văn minh. Các mối nguy hại đến sức khỏe Người lao động như hóa chất, phóng xạ, nguồn nhiệt, tiếng ồn, sự căng thẳng, dụng cụ lao động... đều được xác định, đánh giá rủi ro và áp dụng biện pháp kiểm soát phù hợp đảm bảo không gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe Người lao động.

Các thành tích tiêu biểu về công tác SK-AT-MT-CL đã được ghi nhận như: Dự án Sư Tử Nâu hoàn thành đạt 3,5 triệu giờ an toàn, Dự án Sư Tử Vàng hoàn thành đạt mốc 1 triệu giờ an toàn, Dự án HRD hoàn thành đạt mốc 3 triệu giờ an toàn, Bằng khen của Bộ Công Thương khen tặng cho Tổng công ty đạt thành tích trong công tác an toàn vệ sinh lao động - phòng chống cháy nổ năm 2014... là những minh chứng rõ nét cho những cam kết của lãnh đạo Tổng công ty về chính sách Sức khỏe - An toàn - Môi trường - Chất lượng.

ĐÓNG GÓP, THÚC ĐẨY VÌ SỰ PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG

Cùng với các mục tiêu phát triển SXKD, công tác phát triển cộng đồng cũng luôn được Tổng công ty quan tâm. Tổng công ty đã không ngừng nỗ lực nhằm thúc đẩy sự phát triển của cộng đồng, xã hội thông qua các hoạt động An sinh xã hội (ASXH) trên khắp cả nước. Tổng công ty đã triển khai hiệu quả các chương trình ASXH của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tại các tỉnh, thành phố trên cả nước triển khai xây dựng hàng trăm ngôi nhà Đại đoàn kết, công trình trường học, công trình phòng tránh thiên tai cho các tỉnh miền Trung, hỗ trợ nhiều chương trình học bổng cho học sinh, sinh viên, hỗ trợ kịp thời các địa phương chịu ảnh hưởng của thiên tai, bão lụt...

Tổng giá trị dành cho công tác ASXH 5 năm qua lên đến hơn 191,5 tỷ đồng. Riêng năm 2014, Tổng công ty đã tiếp tục thực hiện tốt công tác ASXH qua các hoạt động như hỗ trợ cho các lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe cộng đồng, giáo dục, xóa đói giảm nghèo, hỗ trợ các gia đình chính sách, cơ sở vật chất cho các xã nghèo, vùng khó khăn... với tổng giá trị là 36 tỷ đồng.



THÔNG TIN CHUNG

21 NĂM PTSC

1993

- Thành lập Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC) trên cơ sở sáp nhập Công ty Dịch vụ Dầu khí (PSC) và Công ty Địa vật lý và Dịch vụ dầu khí (GPTS) nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của ngành Dầu khí nói chung và thị trường dịch vụ kỹ thuật dầu khí nói riêng với nhiệm vụ chính là cung cấp các dịch vụ kỹ thuật và lao động kỹ thuật dầu khí cho các nhà thầu dầu khí trong và ngoài nước.

1994-2005

- Tách một số bộ phận dịch vụ khách sạn thành lập Công ty Dịch vụ Tổng hợp dầu khí (Petrosetco); tách Xí nghiệp Dịch vụ kỹ thuật dầu khí biển và đội khoan thuộc Xí nghiệp Tàu dịch vụ dầu khí để thành lập Công ty Khoan và Dịch vụ khoan dầu khí (PVD).
- Mở rộng căn cứ cảng dịch vụ dầu khí PTSC Vũng Tàu. Thực hiện thành công khối nhà ở LQ-CPC 99 cho Xí nghiệp Liên doanh Vietsov-petro, đặt nền móng cho sự phát triển của loại hình dịch vụ cơ khí dầu khí.
- Triển khai hợp đồng vận hành, sửa chữa và bảo dưỡng các công trình dầu khí biển cho nhà máy Dinh Cổ, đường ống dẫn khí 2 phase dài 370 km và giàn công nghệ Lan Tây, đặt nền móng cho sự ra đời của dịch vụ O&M.
- Ký hợp đồng hợp tác kinh doanh FPSO Ruby Princess giữa PTSC, PVI và PVFC, mở đầu cho sự ra đời dịch vụ FSO/FPSO.

2006-2009

- Thực hiện quá trình cổ phần hóa, chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng.
- Công ty chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần và tổ chức hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con.
- Cổ phiếu của Tổng công ty (mã PVS) chính thức niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX).
- Đổi tên thành Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam.
- Cấu trúc lại mô hình Công ty mẹ - Công ty con theo hướng Công ty Mẹ trực tiếp thực hiện kinh doanh các lĩnh vực chính bằng việc chuyển các Đơn vị chủ chốt về trực thuộc Công ty Mẹ.
- Điều chỉnh lại lĩnh vực kinh doanh, chuyển lĩnh vực kinh doanh xăng dầu sang Tổng công ty PV Oil bao gồm toàn bộ PTSC Thái Bình, PTSC Nam Định và các bộ phận kinh doanh nhiên liệu của PTSC Đà Nẵng, PTSC Hải Phòng và PTSC Quảng Ngãi.

2010

- Tổng công ty được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới.
- Lần đầu tiên doanh thu của Tổng công ty đạt mức 1 tỷ USD.
- Phát hành cổ phiếu, tăng vốn điều lệ lên 2.978 tỷ VNĐ.
- Thực hiện tái cấu trúc theo chiến lược đã được phê duyệt.
- Thành lập Công ty PTSC G&S, đánh dấu sự phát triển của loại hình dịch vụ công nghệ cao, khảo sát địa chấn, địa chất và sửa chữa công trình ngầm.
- Thành lập PTSC Power, khẳng định năng lực thi công các dự án EPC trên bờ.

2011 - 2012

- Lợi nhuận sau thuế vượt 1.400 tỷ VNĐ.
- Phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên 4.467 tỷ VNĐ.
- Thành lập 2 công ty liên doanh: Công ty TNHH Khảo sát địa vật lý (PTSC CGGV) và Công ty PTSC South East Asia (PTSC SEA), đánh dấu sự tham gia của Tổng công ty trong lĩnh vực dịch vụ khảo sát địa chấn công nghệ cao 3D.
- Hạ thủy thành công kho nổi, chứa và xuất dầu thô, FSO PTSC Biển Đông 01.

2013

- Kỷ niệm PTSC 20 năm "Xây dựng và Phát triển" (09/02/1993-09/02/2013) và đón Huân chương Lao động hạng Nhất.
- Hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra với lợi nhuận lần đầu tiên vượt mức 2.000 tỷ VNĐ, đạt 227 % kế hoạch.
- Thực hiện thành công tăng Vốn điều lệ lên 4.467 tỷ VNĐ.
- Hoàn thành dự án FSO Biển Đông.
- Trúng thầu quốc tế dự án EPCC Maharaja Lela South tại Brunei cho khách hàng Total E&P và dự án Disconnect giàn Đại Hùng.
- Lần thứ 6 liên tiếp Tổng công ty nhận giải thưởng uy tín Sao Vàng Đất Việt.

2014

- Lần đầu tiên doanh thu vượt mức 30.000 tỷ đồng. Hoàn thành tất cả các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra.
- Kho nổi FPSO Lam Sơn đón dòng dầu đầu tiên tại mỏ Thăng Long - Đông Đô ngày 06/06/2014; Bàn giao Nhà máy nhiên liệu sinh học Bio-Ethanol Dung Quất ngày 06/08/2014.
- Ký kết các hợp đồng: Thuê và khai thác Bến cảng tổng hợp quốc tế Thị Vải ngày 07/03/2014; Cung cấp Dịch vụ thiết kế và thi công, tách, kéo, tái lắp đặt hệ thống giàn Đại Hùng 01 và phao Calm ngày 17/04/2014.
- Hạ thủy, bàn giao Khối thượng tầng Giàn công nghệ HRD ngày 29/11/2014. Đây là dự án chế tạo giàn công nghệ đầu tiên và lớn nhất thực hiện cho khách hàng nước ngoài thông qua thắng thầu quốc tế với nhiều đối thủ cạnh tranh đến từ khắp nơi trong khu vực, Ấn Độ và Trung Đông.



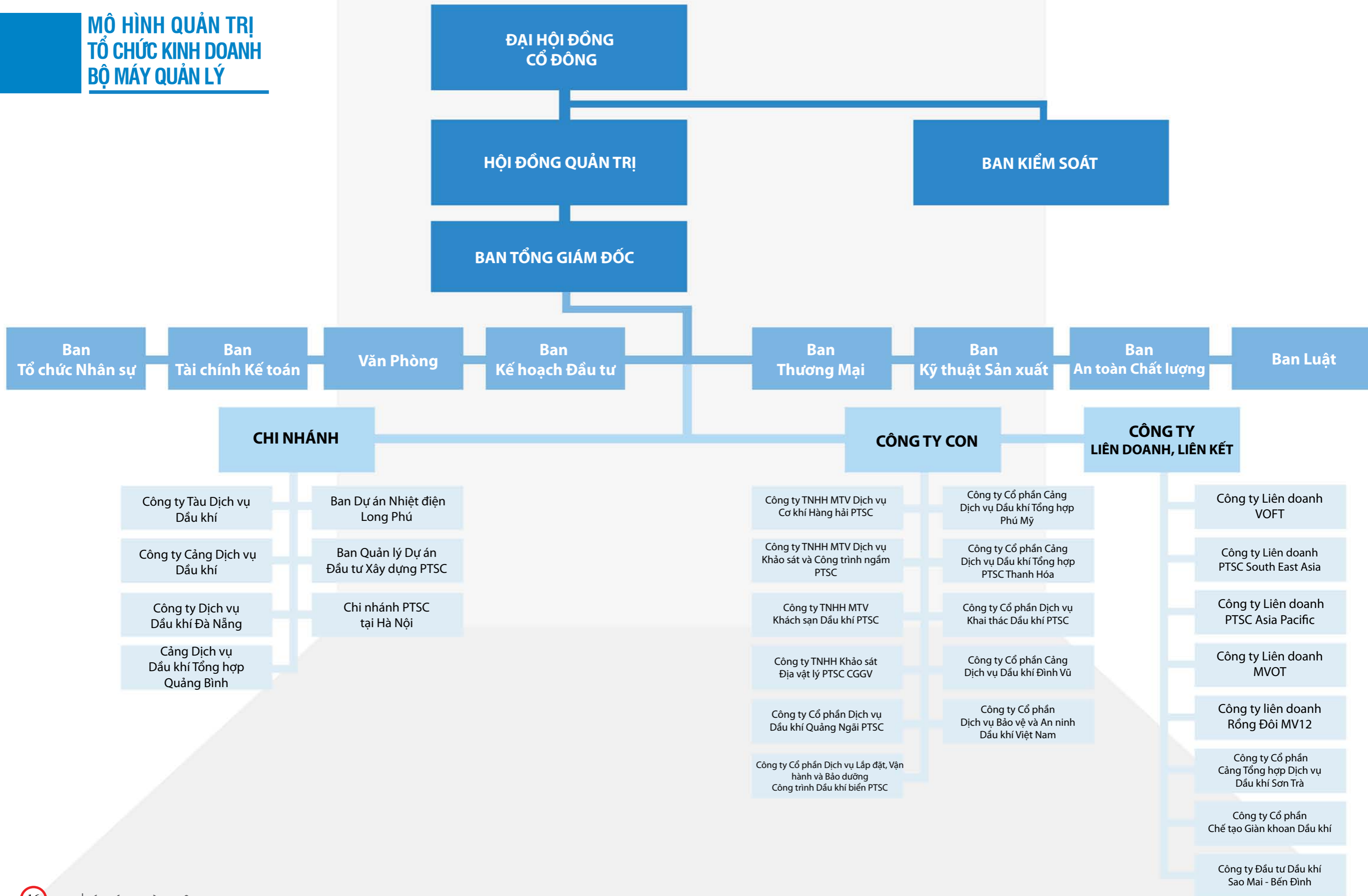
GIẢI THƯỞNG VÀ DANH HIỆU NĂM 2014

NĂM 2014, kinh tế trong nước và quốc tế dẫn ổn định tuy vẫn có nhiều thách thức, gây khó khăn và ảnh hưởng lớn đến hoạt động chung của ngành Dầu khí và tác động đến việc hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh của các đơn vị trong ngành. Với sự năng động sáng tạo, Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam đã biến thách thức thành cơ hội, không ngừng đổi mới, khẳng định vị thế hàng đầu trong ngành công nghiệp Dầu khí. Những giải thưởng Tổng công ty đạt được trong năm 2014 dưới đây là minh chứng sống động cho uy tín và năng lực của Tổng công ty.



- 15/4/2014** Tổng công ty đã vinh dự nhận giải **“Best Enterprises”** do tổ chức EBA (Hội đồng Kinh doanh Châu Âu) trao tặng. Giải thưởng nhằm tôn vinh các doanh nghiệp có chương trình, chính sách quản lý hiệu quả, đóng góp tích cực cho sự phát triển của xã hội.
- 17/6/2014** Tổng công ty đã vinh dự được trao giải **“Top 50 công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam năm 2014”**. Giải thưởng nhằm tôn vinh 50 doanh nghiệp có hiệu quả kinh doanh tốt nhất thị trường chứng khoán Việt Nam.
- 15/8/2014** Tổng công ty đã vinh dự nhận **“Cúp vàng Top ten Thương hiệu Việt ứng dụng khoa học và công nghệ”** lần 2 năm 2014. Chương trình nhằm tôn vinh các doanh nghiệp tích cực đổi mới áp dụng tiến bộ khoa học vào công tác sản xuất kinh doanh.
- 23/8/2014** Tổng công ty đã vinh dự được trao giải thưởng **“Sản phẩm, Dịch vụ Việt Nam được tin dùng”** năm 2014. Đây là giải thưởng tôn vinh các doanh nghiệp thuộc nhiều lĩnh vực ngành nghề tích cực ứng dụng khoa học công nghệ mới, đẩy mạnh phát triển sản xuất kinh doanh, tạo ra nhiều sản phẩm, hàng hóa dịch vụ chất lượng tốt, giá thành hợp lý, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.
- 30/8/2014** Ông Phan Thanh Tùng - Tổng Giám đốc Tổng công ty là một trong ba doanh nhân trẻ của ngành Dầu khí và trong 10 danh nhân trẻ tiêu biểu của Việt Nam đã vinh dự nhận **“Giải thưởng Sao Đỏ”** năm 2014. Giải thưởng tôn vinh các doanh nhân trẻ là những tấm gương tiêu biểu, đại diện cho thế hệ trẻ Việt Nam trí tuệ, năng động, luôn khát khao vươn lên, đóng góp vào công cuộc xây dựng đất nước.
- 03/10/2014** Tổng công ty là 1 trong số 30 **“Doanh nghiệp minh bạch nhất HNX”**, 1 trong số 15 doanh nghiệp có đóng góp tích cực cho thị trường chứng khoán tại HNX và vinh dự được nhận bằng khen của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- 13/10/2014** Ông Thái Quốc Hiệp – Chủ tịch HĐQT Tổng công ty đã vinh dự được nhận kỷ niệm chương **“Vi sự nghiệp kiểm toán Nhà nước”**. Đây là phần thưởng cao nhất của Kiểm toán Nhà nước trao cho cá nhân đã có nhiều đóng góp cho sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội đất nước, đạt được sự đánh giá cao của Kiểm toán Nhà nước trong nhiều năm qua.
- 17/11/2014** Liên doanh MVOT do Tổng công ty và MISC sở hữu, khai thác FSO Orkid đã được nhận giải thưởng **“Toàn cầu”**, đây là giải thưởng thường niên của Talisman Energy Inc. trao tặng cho các nhà thầu cung cấp dịch vụ đối với các hoạt động thăm dò và khai thác dầu khí của trên phạm vi toàn cầu có thành tích xuất sắc về an toàn trên 4 lĩnh vực.
- 23/12/2014** Tổng công ty vinh dự lần thứ 4 liên tiếp nhận được giải thưởng cao quý **“Thương hiệu Quốc gia”**. Thương hiệu quốc gia là chương trình duy nhất của Chính phủ Việt Nam gắn với 3 giá trị “Chất lượng - Đổi mới, sáng tạo - Năng lực tiên phong” được tổ chức với mục đích quảng bá hình ảnh, thương hiệu quốc gia thông qua thương hiệu của sản phẩm. Doanh nghiệp đạt giải là những doanh nghiệp duy trì được tốc độ tăng trưởng cao cả về lợi nhuận và doanh thu, giữ vững thị trường nội địa và phát triển thị trường xuất khẩu.

**MÔ HÌNH QUẢN TRỊ
TỔ CHỨC KINH DOANH
BỘ MÁY QUẢN LÝ**



BỘ MÁY QUẢN LÝ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



“Để vượt qua những thách thức trước mắt, đòi hỏi những quyết tâm và nỗ lực lớn lao của toàn bộ máy trong việc kiên trì theo đuổi các mục tiêu, tìm kiếm những yếu tố đột biến bên cạnh các giải pháp đã đề ra, sự thấu hiểu, hỗ trợ và chia sẻ của những khách hàng truyền thống, sự ủng hộ của quý cổ đông...”

Ông Thái Quốc Hiệp
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Sinh năm: 1958 tại Hà Tĩnh.
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Địa vật lý,
Kỹ sư Quản trị doanh nghiệp.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)



Ông Phan Thanh Tùng
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Sinh năm: 1970 tại Hải Phòng.
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản lý
Kỹ thuật, Kỹ sư Khai thác máy tàu biển,
Cử nhân Quản trị Kinh doanh,
Cử nhân Anh Văn.



Ông Nguyễn Văn Dân
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Sinh năm: 1956 tại Hải Phòng
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế
vận tải biển, Kỹ sư Điều khiển tàu biển.

BỘ MÁY QUẢN LÝ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)



Ông **Nguyễn Văn Mậu**
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Sinh năm: 1970 tại Hải Dương.
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Cử nhân Tài chính Kế toán.



Bà **Nguyễn Thanh Hương**
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Sinh năm: 1961 tại Hà Nội.
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế, Kỹ sư Điện.



Ông **Đoàn Minh Mẫn**
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Sinh năm: 1958 tại Bến Tre.
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán, Cử nhân Quản trị Kinh doanh.



Ông **Phạm Văn Dũng**
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Sinh năm: 1969 tại Hải Dương.
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Hàng hải, Kỹ sư Kinh tế.

BỘ MÁY QUẢN LÝ

BAN ĐIỀU HÀNH



“

Đặt mục tiêu phát triển doanh nghiệp vào đúng vị trí và tầm quan trọng của nó. Kế thừa, tận dụng tốt thành quả khoa học, công nghệ thế giới, đồng thời giữ gìn bản sắc văn hóa, xử lý, hòa nhập hài hòa giữa quá khứ và hiện tại để phát triển trong tương lai với hệ thống các cách thức, giải pháp tiên tiến.”

Ông Phan Thanh Tùng
TỔNG GIÁM ĐỐC

Sinh năm: 1970 tại Hải Phòng.
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản lý Kỹ thuật, Kỹ sư Khai thác máy tàu biển, Cử nhân Quản trị Kinh doanh, Cử nhân Anh Văn.

BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)



Ông Nguyễn Trần Toàn
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Sinh năm: 1964 tại Hải Phòng.
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Khai thác máy tàu biển, Kỹ sư Quản trị doanh nghiệp.



Ông Đỗ Quốc Hoan
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Sinh năm: 1969 tại Hải Phòng.
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế, Kỹ sư Kinh tế vận tải biển, Kỹ sư Điều khiển tàu biển.

BỘ MÁY QUẢN LÝ

BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)



Ông **Nguyễn Tấn Hòa**
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Sinh năm: 1956 tại Phú Thọ.
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng.



Ông **Lê Mạnh Cường**
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Sinh năm: 1974 tại Hải Dương.
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị
Kinh doanh, Kỹ sư Điều khiển tàu biển.



Ông **Nguyễn Hữu Hải**
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Sinh năm: 1962 tại Bắc Ninh.
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Vô tuyến điện,
Kỹ sư Quản trị Doanh nghiệp.



Ông **Nguyễn Văn Mậu**
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Sinh năm: 1970 tại Hải Dương.
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị
kinh doanh, Cử nhân Tài chính Kế toán.

BỘ MÁY QUẢN LÝ

BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)



Ông **Nguyễn Xuân Cường**
KẾ TOÁN TRƯỞNG

Sinh năm: 1977 tại Hà Nội.
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán.

BAN KIỂM SOÁT



Bà **Hồ Thị Oanh**
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Sinh năm: 1972 tại Thái Bình.
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán.



Ông **Triệu Văn Nghị**
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Sinh năm: 1983 tại Phú Thọ.
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế.



Bà **Bùi Thu Hà**
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Sinh năm: 1980 tại Thái Nguyên.
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán.

TỔ CHỨC LĨNH VỰC KINH DOANH

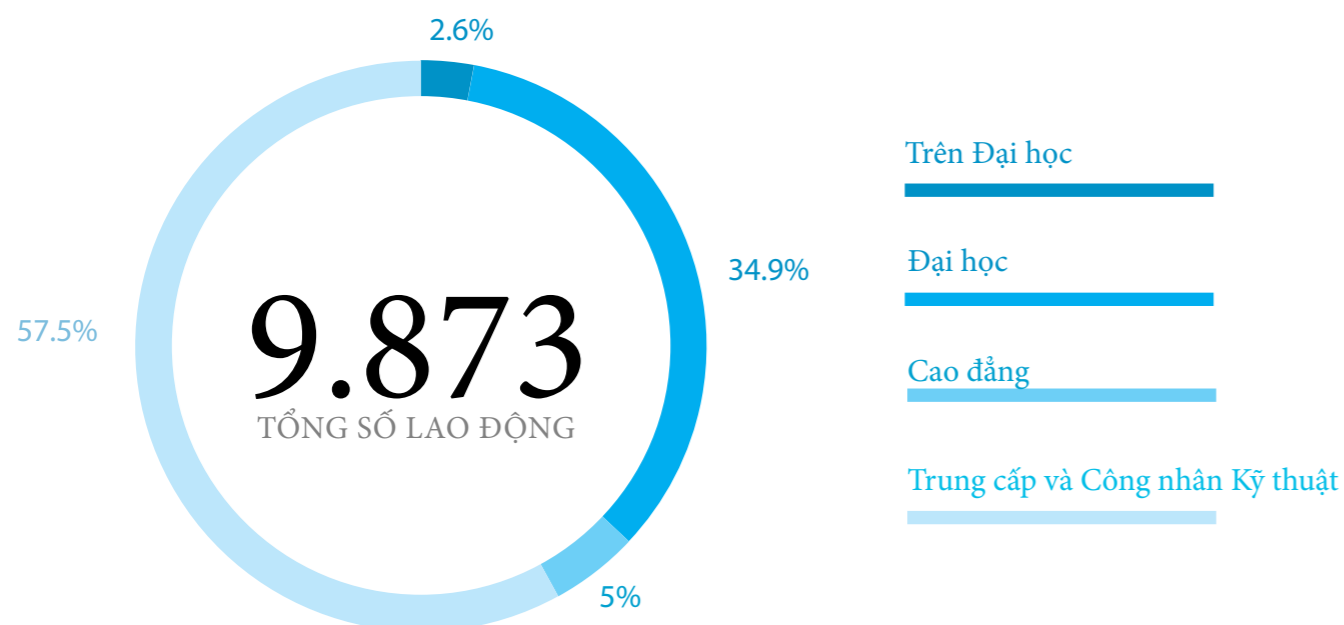
STT	TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	VỐN ĐIỀU LỆ / ĐẦU TƯ	TỶ LỆ NĂM GIỮ	HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHÍNH
LĨNH VỰC CUNG CẤP TÀU DỊCH VỤ CHUYÊN NGÀNH DẦU KHÍ					
1	Chi nhánh Tổng công ty - Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí	Số 73, đường 30/4, phường Thắng Nhất, Tp. Vũng Tàu	Trực thuộc Công ty Mẹ	-	Quản lý, khai thác và cung cấp các tàu dịch vụ đa năng AHTS/ tàu dịch vụ cung ứng, tàu trục mỏ, tàu DP, tàu kéo, tàu lặn, tàu khảo sát, tàu hộ tống, tàu vận chuyển LPG, tàu chống cháy.
LĨNH VỰC CĂN CỨ CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ					
1	Chi nhánh Tổng công ty - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	Số 65A, đường 30/4, phường Thắng Nhất, Tp. Vũng Tàu	Trực thuộc Công ty Mẹ	-	Quản lý, điều hành, kinh doanh, khai thác cảng dịch vụ dầu khí.
2	Chi nhánh Tổng công ty - Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Quảng Bình	Cảng Hòn La, Xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình	Trực thuộc Công ty Mẹ	-	Vận chuyển, bốc xếp, bảo quản và giao nhận hàng hóa; vận chuyển hàng hoá tại cảng biển; dịch vụ đại lý tàu biển và môi giới hàng hải.
3	Chi nhánh Tổng công ty - Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng	Số 11, đường 3/2, quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng	Trực thuộc Công ty Mẹ	-	Quản lý, kinh doanh dịch vụ phục vụ công tác thăm dò và khai thác dầu khí của nhà thầu dầu khí tại khu vực miền Trung.
4	Công ty CP Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ	Khu công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	350 tỷ đồng	59,61%	Dịch vụ quản lý, điều hành, kinh doanh, khai thác cảng (cho thuê kho tàng, nhà xưởng, phương tiện vận tải, nâng hạ nặng, cần); dịch vụ hậu cần.
5	Công ty CP Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa	Xã Nghi Sơn, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	400 tỷ đồng	54,69%	Kinh doanh khai thác cảng tổng hợp; đại lý tàu biển, môi giới hàng hải; kinh doanh tàu kéo, tàu lai dắt; cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; xây dựng công trình thủy lợi, công trình hạ tầng kỹ thuật.
6	Công ty CP Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	Lô 4H, đường Tôn Đức Thắng, phường Lê Hồng Phong, tỉnh Quảng Ngãi.	300 tỷ đồng	95,19%	Dịch vụ lai kéo, cho thuê tàu biển; dịch vụ kinh doanh khai thác cảng, môi giới hàng hải, căn cứ hậu cần dầu khí; xây dựng công trình công nghiệp, công trình kỹ thuật dân dụng khác; lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.
7	Công ty CP Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải II, quận Hải An, Tp. Hải Phòng	400 tỷ đồng	51%	Kinh doanh cảng biển; vận hành khai thác cụm cảng container và các dịch vụ hậu cần phục vụ hoạt động dầu khí; vận tải hàng hoá bằng đường bộ; vận tải đường thủy; kho bãi và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải.
8	Công ty CP Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình	Số 9-11, đường Hoàng Diệu, phường 1, Tp. Vũng Tàu	500 tỷ đồng	42,05%	Khai thác cụm cảng và khu kinh tế Sao Mai-Bến Đình, cụm cảng container; sản xuất, sửa chữa và cho thuê container; cho thuê các phương tiện vận tải kho bãi.
9	Công ty CP Cảng Tổng hợp Dịch vụ Dầu khí Sơn Trà	Đường Yết Kiêu, phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Tp. Đà Nẵng	250 tỷ đồng	49,95%	Bốc xếp hàng hóa; hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải.
LĨNH VỰC CHẾ TẠO, XÂY LẬP CÔNG TRÌNH CÔNG NGHIỆP DẦU KHÍ					
1	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	Số 31, đường 30/4, phường 9, Tp. Vũng Tàu	628 tỷ đồng	100%	Chế tạo, lắp ráp các cấu kiện, thiết bị dầu khí; bảo dưỡng, sửa chữa, đóng mới, hoàn cải các phương tiện nổi; quản lý, tổ chức thực hiện các hoạt động trong lĩnh vực cơ khí hàng hải; quản lý, tổ chức các hoạt động xây lắp công nghiệp, chế tạo, chạy thử và hoàn thiện các dự án công trình công nghiệp.
2	Chi nhánh Tổng công ty PTSC - Ban Dự án Nhiệt điện Long Phú	Ấp Thạnh Đức, xã Long Đức, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng	Trực thuộc Công ty Mẹ	-	Quản lý, tổ chức các hoạt động thiết kế, mua sắm, xây lắp, chạy thử và hoàn thiện các dự án nhà máy điện và các công trình công nghiệp.
3	Công ty CP Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	Số 65A2, đường 30/4, phường 9, Tp. Vũng Tàu	595 tỷ đồng	28,75%	Đóng mới, sửa chữa, hoàn cải giàn khoan khai thác dầu khí, tàu thủy, các phương tiện nổi.

TỔ CHỨC LĨNH VỰC KINH DOANH

STT	TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	VỐN ĐIỀU LỆ / ĐẦU TƯ	TỶ LỆ NẮM GIỮ	HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHÍNH
LĨNH VỰC CUNG CẤP, VẬN HÀNH KHO NỒI, CHỨA, XỬ LÝ VÀ XUẤT DẦU THÔ					
1	Công ty CP Dịch vụ khai thác Dầu khí PTSC	Tầng 6 - tòa nhà PetroVietnam, số 08, đường Hoàng Diệu, phường 1, Tp. Vũng Tàu	200 tỷ đồng	51%	Dịch vụ quản lý, khai thác các kho nổi chứa dầu thô (FSO), kho nổi chứa và xử lý dầu thô (FPSO); dịch vụ vận hành và bảo dưỡng các công trình khai thác dầu khí; cung ứng lao động chuyên ngành dầu khí.
2	Công ty Liên doanh PTSC Asia Pacific	No.18, Sungei Kadut Way, Singapore	119.996.426 USD	51%	Đầu tư kinh doanh kho nổi, chứa, xuất và xử lý dầu thô (FPSO).
3	Công ty Liên doanh Vietnam Offshore Floating Terminal	Suite 8,05 Level 8, The Garden North Tower, Mid valley City, Ling Karan Syed Putra 59200 Kuala Lumpur, Malaysia	54.640.000 USD	60%	Đầu tư kinh doanh kho nổi, chứa, xuất và xử lý dầu thô (FPSO).
4	Công ty Liên doanh Malaysia Vietnam Offshore Terminal	Suite 8.05 Level 8, The Garden North Tower, Mid valley City, Ling Karan Syed Putra 59200 Kuala Lumpur, Malaysia	35.222.268 USD	49%	Đầu tư kinh doanh kho nổi, chứa, xuất dầu thô (FSO).
5	Công ty Liên doanh PTSC South East Asia	No.18, Sungei Kadut Way, Singapore	37.329.582 USD	51%	Đầu tư kinh doanh kho nổi, chứa, xuất dầu thô (FSO).
6	Công ty Liên doanh Rồng Đồi	No.02, International Business Park, Unit 02-06/7 The Strategy Tower, Singapore	4.716.854 USD	33%	Đầu tư kinh doanh kho nổi, chứa, xuất dầu thô (FSO).
LĨNH VỰC VẬN CHUYỂN, LẮP ĐẶT, ĐẦU NỔI, CHẠY THỬ, VẬN HÀNH, SỬA CHỮA VÀ BẢO DƯỠNG CÁC CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ					
1	Công ty CP Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí Biển PTSC	Cảng hạ lưu PTSC, số 65A đường 30/4, phường Thắng Nhất, Tp. Vũng Tàu	400 tỷ đồng	84,95%	Dịch vụ vận chuyển, lắp đặt, đầu nổi, chạy thử, vận hành và bảo dưỡng, di dời và thu dọn các công trình dầu khí.
LĨNH VỰC KHẢO SÁT ĐỊA CHẤN PHỤC VỤ THĂM DÒ DẦU KHÍ; ĐỊA CHẤT CÔNG TRÌNH VÀ KHẢO SÁT SỬA CHỮA CÔNG TRÌNH NGẦM					
1	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khảo sát và Công trình ngầm PTSC	Số 9, Hoàng Diệu, phường 1, Tp. Vũng Tàu	300 tỷ đồng	100%	Khảo sát địa chất công trình, địa chất thủy văn; hoạt động phục vụ thăm dò và khai thác dầu khí; khảo sát địa chấn 2D, 3D; khảo sát và sửa chữa công trình ngầm.
2	Công ty TNHH Khảo sát Địa vật lý PTSC - CGGV	Phòng 460, tòa nhà PetroVietnam, số 08 Hoàng Diệu, phường 1, Tp. Vũng Tàu	56.211.765 USD	51%	Cung cấp dịch vụ thu nhận dữ liệu địa chấn 2D, 3D ngoài khơi trong và ngoài phạm vi lãnh thổ Việt Nam.
DỊCH VỤ KHÁC					
1	Công ty TNHH MTV Khách sạn Dầu khí PTSC	Số 9-11 Hoàng Diệu, phường 1, Tp. Vũng Tàu	20 tỷ đồng	100%	Kinh doanh du lịch và dịch vụ sinh hoạt cho các công ty dầu khí trong nước và nước ngoài tại Việt Nam.
2	Công ty CP Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	Tầng 9, tòa nhà Lucky Building số 66 đường Trần Thái Tông, Cầu Giấy, Hà Nội	20 tỷ đồng	51%	Kinh doanh dịch vụ bảo vệ.

NGUỒN LỰC

NHÂN LỰC



CHÍNH SÁCH LƯƠNG, THƯỜNG

- Chính sách lương, thưởng là một trong những chính sách quan trọng của Tổng công ty nhằm thu hút, duy trì và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, góp phần ổn định và phát triển sản xuất kinh doanh. Chính sách lương, thưởng được Tổng công ty định kỳ nghiên cứu điều chỉnh và sửa đổi nhằm phù hợp quy định hiện hành của pháp luật, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, mặt bằng thị trường lao động trong nước.
- Bên cạnh việc tuân thủ quy định của pháp luật và Công ty Mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Quy chế lương, thưởng của Tổng công ty đã và đang được cải tiến đáp ứng được yêu cầu trả lương cạnh tranh theo thị trường nhằm thu hút và giữ chân nhân tài, quản lý giỏi, chuyên gia giỏi trong lĩnh vực dịch vụ kỹ thuật dầu khí. Việc trả lương, thưởng thực hiện trên cơ sở đánh giá chung về kết quả sản xuất kinh doanh của Bộ phận/Đơn vị, mức độ hoàn thành công việc của từng Người lao động, thưởng định kỳ và đột xuất cho Người lao động có thành tích cao. Việc này đã tăng tính công bằng trong trả lương, thưởng, khuyến khích mỗi Người lao động nâng cao hiệu quả làm việc, sáng tạo, nâng cao trách nhiệm và Bộ phận/Đơn vị nâng cao hiệu quả quản lý, sản xuất kinh doanh nhằm đạt được mục tiêu chung của Tổng công ty.
- Trong những năm qua, thu nhập bình quân của Người lao động làm việc tại Tổng công ty không ngừng được nâng cao. Hiện nay, PTSC đã và đang là môi trường làm việc hấp dẫn đối với những Người lao động có năng lực, có trình độ và mong muốn được đóng góp, gắn bó lâu dài với Tổng công ty.
- Thông qua việc đẩy mạnh công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, áp dụng các chế độ thu hút và đãi ngộ nhân tài, Tổng công ty đã và đang xây dựng được đội ngũ lao động giỏi, chuyên gia chất lượng hàng đầu trong nước có khả năng cạnh tranh trong khu vực về thực hiện các dịch vụ tàu dầu khí, khảo sát công trình ngầm, các dự án cơ khí, xây lắp, sửa chữa, bảo dưỡng công trình dầu khí và công trình công nghiệp năng lượng.

CHÍNH SÁCH PHÚC LỢI

Bên cạnh chính sách lương, thưởng hấp dẫn thì chính sách phúc lợi của Tổng công ty không chỉ tuân thủ đúng, đủ theo yêu cầu pháp luật mà còn bổ sung thêm nhiều chế độ như: chế độ bảo hiểm con người kết hợp với mức bảo hiểm trách nhiệm cao, chế độ bồi dưỡng an toàn và khám sức khỏe định kỳ, thăm quan nghỉ mát hàng năm, khuyến học đối với con của Người lao động, chế độ hiếu/hi và các chương trình thăm hỏi động viên khi Người lao động có việc riêng đặc biệt, các chương trình văn thể mỹ của Tổng công ty phối hợp với Công đoàn tổ chức cho Người lao động.

CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO, PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

Tổng công ty chú trọng đến công tác đào tạo và phát triển nhân lực, xác định công tác thu hút nhân tài là nhiệm vụ quan trọng. Tổng công ty có những quy định, chủ trương khuyến khích và tạo điều kiện tốt nhất để Người lao động được đào tạo, tiếp cận và cập nhật tri thức mới, khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến trên thế giới, được kế thừa vốn tri thức, kinh nghiệm từ thế hệ đi trước, đội ngũ quản lý, chuyên gia giỏi. Tổng công ty duy trì liên tục hoạt động đào tạo nâng cao năng lực cho Người lao động để đáp ứng yêu cầu ngày càng khắt khe của hoạt động sản xuất kinh doanh và góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của Tổng công ty trên thị trường quốc tế.

Hàng năm, Tổng công ty triển khai kế hoạch đào tạo với nhiều nội dung cho tất cả các đối tượng, dưới nhiều hình thức đa dạng, chú trọng đào tạo chuyên môn sâu; đào tạo chuyên viên không biên giới ở nước ngoài, tăng cường đào tạo nội bộ, đào tạo thực tế tại các công trình sản xuất kinh doanh, đào tạo nâng cao tay nghề; hợp tác với các tổ chức đào tạo uy tín trong và ngoài nước. Năm 2014, Tổng công ty đã dành gần 20 tỷ đồng cho công tác đào tạo. Hoạt động đào tạo được kiểm soát theo quy trình chất lượng, có đánh giá sau đào tạo góp phần đảm bảo chất lượng, hiệu quả đào tạo cao.

Tổng công ty chủ trương duy trì, phát triển và cải tiến công tác đào tạo nội bộ, đào tạo bên ngoài phù hợp với nhu cầu sản xuất kinh doanh của các đơn vị. Xây dựng văn hóa, môi trường học tập rộng khắp cho Người lao động, đa chuyên môn, đa nghề, đa quốc gia.



NGUỒN LỰC

CƠ SỞ VẬT CHẤT

Tổng công ty sở hữu cơ sở vật chất kỹ thuật dầu khí hàng đầu tại Việt Nam, với 26 đơn vị thành viên, địa bàn hoạt động trải dài từ Bắc tới Nam, có khả năng thực hiện trọn gói dịch vụ cho các công tác thăm dò, khai thác dầu khí. Tổng giá trị tài sản cố định hợp nhất toàn Tổng công ty tính đến 31/12/2014 là 4.601 tỷ đồng.

Cơ cấu cụ thể như sau:

STT	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	NGUYÊN GIÁ	GIÁ TRỊ SỐ SÁCH CÒN LẠI
			Đvt: tỷ đồng
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	3.022	1.508
2	Máy móc thiết bị	1.438	711
3	Thiết bị, phương tiện vận tải	6.100	2.348
4	Dụng cụ quản lý văn phòng	109	31
5	TSCĐ khác	5	3
	TỔNG CỘNG	10.674	4.601

NGUỒN LỰC CƠ SỞ VẬT CHẤT CHÍNH CỦA PTSC

ĐỘI TÀU DỊCH VỤ

Tổng công ty hiện đang sở hữu, quản lý đội tàu dịch vụ dầu khí lớn nhất Việt Nam với tổng số 18 tàu bao gồm các tàu dịch vụ hiện đại như tàu kéo, thả neo và vận chuyển (AHTS), tàu định vị động học (DP), tàu hỗ trợ lặn khảo sát, tàu chống cháy, tàu trục mỏ, tàu bảo vệ... được vận hành bởi đội ngũ thuyền viên Việt Nam và nước ngoài có năng lực, giàu kinh nghiệm. Ngoài đội tàu hiện có, Tổng công ty còn thuê dài hạn 7 tàu trần hoạt động dưới thương hiệu PTSC và thường xuyên thuê ngắn hạn trên 40 tàu khác để đáp ứng các nhu cầu dịch vụ tàu cho hoạt động dầu khí tại Việt Nam và khu vực.

STT	TÊN TÀU	CÔNG SUẤT
1	Tàu SAPA	7.040 HP
2	Tàu Hoa Mai 93	5.200 HP
3	Tàu Dầu khí 101	1.600 HP
4	Tàu Dầu khí 105	1.600 HP
5	Tàu An Bang	7.040 HP
6	Tàu An Phong	7.040 HP
7	Tàu Phong Lan	5.300 HP
8	Tàu Phong Nha	5.300 HP
9	Tàu Bình Minh	5.506 HP
10	Tàu Bình An	8.000 HP
11	Tàu PTSC Vũng Tàu	7.200 HP
12	Tàu PTSC Thái Bình	8.000 HP
13	Tàu PTSC Hải Phòng	5.200 HP
14	Tàu PTSC Thăng Long	7.000 HP
15	Tàu PTSC Bạch Hổ	980 HP
16	Tàu PTSC Ngàn năm Thăng Long Hà Nội - 02	3.500 HP
17	Tàu PTSC Ngàn năm Thăng Long Hà Nội - 03	4.750 HP
18	Tàu PTSC 04	2.800 HP

KHO NỔ CHỨA, XUẤT DẦU THÔ (FSO) VÀ KHO NỔ CHỨA, XỬ LÝ VÀ XUẤT DẦU THÔ (FPSO)

Dịch vụ cung cấp kho nổi chứa, xử lý và xuất dầu thô (FSO/FPSO) là một trong những dịch vụ chiến lược mang tính ổn định, lâu dài do gắn liền với hoạt động khai thác các mỏ dầu. Hiện tại, Tổng công ty đang sở hữu và đồng sở hữu 5 FSO/FPSO phục vụ các hoạt động khai thác của khách hàng tại các mỏ trong và ngoài nước:

1. Tàu chứa FPSO Lam Sơn: sức chứa 350.000 thùng, Tổng công ty sở hữu 51% liên doanh với Công ty Yin-son, hoạt động tại mỏ Thăng Long – Đông Đô từ tháng 6/2014.
2. Tàu chứa FSO Biển Đông 1: sức chứa 350.000 thùng, Tổng công ty sở hữu 51% liên doanh với Công ty Yinson, hoạt động tại mỏ Hải Thạch và Mộc Tinh, Lô 05.2 và Lô 05.3 ngoài khơi Việt Nam từ tháng 6/2013.
3. Tàu chứa FPSO Ruby II: sức chứa 645.000 thùng, Tổng công ty sở hữu 60% liên doanh với nhà thầu MISC; hoạt động tại mỏ Hồng Ngọc cho nhà thầu PCVL từ tháng 6/2010.
4. Tàu chứa FSO Orkid: sức chứa 745.000 thùng, Tổng công ty sở hữu 49% liên doanh với nhà thầu MISC, hoạt động tại mỏ PM3 CAA cho nhà thầu TML từ tháng 3/2009.
5. Tàu chứa FSO MV12: sức chứa 300.000 thùng, Tổng công ty sở hữu 33% liên doanh với Công ty Modec và Mitsui, hoạt động tại mỏ Rồng Đồi cho KNOC từ năm 2007.

CĂN CỨ CẢNG PTSC

Hiện nay, Tổng công ty đang quản lý, vận hành và triển khai đầu tư hệ thống 08 căn cứ cảng dịch vụ dầu khí tại tất cả các trung tâm trên cả ba khu vực Bắc - Trung - Nam, đáp ứng tốt và đầy đủ các dịch vụ hậu cần căn cứ cảng cho các công ty và nhà thầu đang hoạt động thăm dò khai thác dầu khí tại Việt Nam cũng như các thành phần kinh tế khác tại địa phương.

STT	TÊN CẢNG	ĐỊA ĐIỂM	QUY MÔ
1	Cảng Hạ Lưu Vũng Tàu	Số 65A, đường 30/4, phường Thắng Nhất, Tp. Vũng Tàu	Diện tích: 82,2 ha Cầu cảng: 750m Trọng tải tối đa của tàu: 15.000 DWT
2	Cảng DVĐK Tổng hợp Phú Mỹ	Đường số 3, Khu công nghiệp Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Diện tích: 26,5 ha Cầu cảng: 385m x 27m. Trọng tải tối đa của tàu: 70.000 DWT
3	Cảng Sao Mai Bến Đình	Vũng Tàu	Diện tích: 163 ha
4	Cảng Dung Quất	Huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	Diện tích: 4,2 ha Cầu cảng: 210m Trọng tải tối đa của tàu: 50.000 DWT
5	Cảng Sơn Trà	Đường Yết Kiêu, quận Sơn Trà, Tp. Đà Nẵng	Diện tích: 10 ha Cầu cảng: 400m (giai đoạn 1: 200m) Trọng tải tối đa của tàu: 20.000 DWT Đang trong giai đoạn đầu tư
6	Cảng Hòn La	Huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình	Diện tích: 8,8 ha Cầu cảng: 215m Trọng tải tối đa của tàu: 20.000 DWT
7	Cảng Nghi Sơn	Huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá	Diện tích: 9,8 ha và dự kiến mở rộng Cầu cảng: 165m và 225m Trọng tải tối đa của tàu: 10.000 DWT và 30.000 DWT
8	Cảng PTSC Đình Vũ	Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải II, quận Hải An, Tp. Hải Phòng	Diện tích: 13,9 ha Cầu cảng: 250m Trọng tải tối đa của tàu: 20.000 DWT

NGUỒN LỰC

CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ CÔNG TÁC CHẾ TẠO, ĐÓNG MỚİ CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ

Lĩnh vực dịch vụ cơ khí chế tạo và xây lắp công trình biển là một trong số những loại hình dịch vụ quan trọng có đóng góp lớn nhất vào doanh thu, lợi nhuận của Tổng công ty. Để thực hiện các dự án, Tổng công ty hiện đang sở hữu khu căn cứ thi công chế tạo công trình dầu khí tại Vũng Tàu với điều kiện cơ sở vật chất, cảng bãi, kho hàng, thiết bị cầu kéo, thiết bị nâng hạ và các máy móc thiết bị cơ sở khác... luôn đáp ứng đầy đủ yêu cầu của khách hàng.

- Công trường thi công trên diện tích gần 21 ha, bao gồm xưởng, kho bãi thi công và văn phòng làm việc hiện đại: xưởng thi công lắp ráp (150.000m²), phân xưởng có mái che (19.000m²), xưởng phun làm sạch (8.000m²), xưởng sơn có mái che (3.500m²)...

- Cầu cảng chiều dài 410 mét (05 phân đoạn), chiều rộng 28 mét và công suất nâng từ 125 đến 1.000 tấn, mực nước sâu 10-15 mét, tải trọng trên cọc 263-271 tấn/cọc. Đặc biệt, cầu cảng thiết kế 03 đường trượt (6.000 tấn; 15.000 tấn và 25.000 tấn) và tải trọng phân phối trên khu vực mở là 50 tấn/m².

- Hàng loạt các phương tiện, máy móc thiết bị phục vụ các hoạt động thi công chế tạo công trình dầu khí như xe cầu từ 50 - 550 tấn, xe nâng, máy hàn, máy phát điện, máy nén khí cùng nhiều thiết bị dụng cụ chuyên dụng khác.

CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ CÔNG TÁC VẬN CHUYỂN, ĐẤU NỐI, XÂY LẮP, BẢO DƯỠNG, SỬA CHỮA CÁC CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ

Nguồn lực cơ sở vật chất phục vụ công tác vận chuyển, đấu nối, xây lắp, bảo dưỡng sửa chữa các công trình dầu khí biển đã được Tổng công ty đầu tư thời gian qua đã cơ bản đáp ứng các nhu cầu dịch vụ, gồm các cơ sở vật chất chủ đạo sau:

STT	TÊN PHƯƠNG TIỆN/THIẾT BỊ	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT
1	Sà lan nhà ở 300 chỗ PTSC Offshore 01	Sà lan không tự hành, chiều dài 111,6m, chiều rộng 31,7m, chiều cao mạn 7,3m, mớn nước 4,5 m, trọng tải 9.582 tấn, được trang bị một cầu lớn với sức nâng 300 tấn.
2	Sà lan 5000 tấn PTSC 01	Sà lan có thể vận chuyển các giàn WHP, chân đế, các cấu kiện... lên đến 5000 tấn phục vụ các công việc xây lắp, sửa chữa, bảo dưỡng, hoán cải ngoài khơi.
3	Xưởng cơ khí bảo dưỡng	Diện tích 11.462 m ² , được xây dựng từ năm 2009 với các trang thiết bị, máy móc hiện đại, có thể sửa chữa, bảo dưỡng và cung cấp các dịch vụ hoán cải, nâng cấp, chế tạo các cấu kiện có kết cấu lên đến 500 tấn.

CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ CÔNG TÁC KHẢO SÁT ĐỊA CHẤN, ĐỊA CHẤT CÔNG TRÌNH VÀ KHẢO SÁT SỬA CHỮA CÔNG TRÌNH NGẦM

Dịch vụ khảo sát địa chấn, địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng ROV (Remote Operated Vehicle) là loại hình dịch vụ kỹ thuật cao, phức tạp với các hoạt động cung cấp, quản lý, vận hành tàu khảo sát địa chấn 2D, 3D, khảo sát địa chất, cung cấp vận hành các phương tiện, thiết bị khảo sát chuyên dụng ROV. Tổng công ty hiện đang kiểm soát chi phối 01 công ty TNHH MTV và 01 công ty Liên doanh với nguồn lực cơ sở vật chất tương đối hoàn chỉnh, có khả năng thực hiện các nhiệm vụ khảo sát trên tất cả các vùng biển tại thêm lục địa Việt Nam và khu vực.

STT	TÊN PHƯƠNG TIỆN/THIẾT BỊ	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT
1	Tàu khảo sát địa chấn 2D Bình Minh 02	Có khả năng khảo sát trên tất cả các vùng biển thêm lục địa của Việt Nam và trong khu vực.
2	Tàu khảo sát địa chấn 3D Amadeus	Có khả năng khảo sát trên tất cả các vùng biển thêm lục địa của Việt Nam và trong khu vực.
3	Tàu khảo sát địa vật lý PTSC Surveyor	Có khả năng thực hiện công tác khoan khảo sát địa chất công trình trong vùng nước có độ sâu từ 7m đến 300m và có khả năng khảo sát địa vật lý trong vùng nước có độ sâu từ 7m đến 500m.
4	Tàu khảo sát PTSC Researcher	Có khả năng khảo sát địa vật lý trong vùng nước có độ sâu đến 1.000m, khảo sát hải dương trên tất cả các vùng biển thêm lục địa Việt Nam và khu vực.
5	Thiết bị khảo sát ROV Observation (02 thiết bị)	ROV Panther Plus 911 và ROV Panther Plus 954, là thiết bị lặn điều khiển từ xa dùng khảo sát, sửa chữa các công trình ngầm dưới nước có thể lặn sâu tới 2.000m.
6	Thiết bị khảo sát ROV WorkClass	ROV Quasar Compact 007 là thiết bị lặn điều khiển từ xa dùng khảo sát, sửa chữa các công trình ngầm dưới nước có thể lặn sâu tới 2.000m.



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

TẦM NHÌN

Trở thành tập đoàn dịch vụ kỹ thuật dầu khí với công nghệ cao, mang tầm quốc tế, luôn đổi mới và sẵn sàng đón nhận thách thức nhằm mang lại những giải pháp hữu hiệu, đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng.

QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

Phát triển nhanh, mạnh và bền vững, kết hợp phát triển kinh tế gắn chặt với đảm bảo an toàn, sức khỏe con người, bảo vệ môi trường và an ninh quốc phòng, hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước, tận dụng triệt để lợi thế là một thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam.

Hợp tác chặt chẽ với các đơn vị trong ngành nhằm khai thác và sử dụng tối đa nguồn lực tổng thể.

Liên doanh, liên kết với các công ty, đơn vị có năng lực trong và ngoài nước để giảm thiểu cạnh tranh, tránh đối đầu trực tiếp; từng bước tiếp thu, nhận chuyển giao công nghệ, tiến đến làm chủ công nghệ nhằm chiếm lĩnh thị trường trong nước và mở rộng phát triển ra nước ngoài.

MỤC TIÊU GIAI ĐOẠN 2016-2020

Xây dựng PTSC trở thành Tổng công ty mạnh có thương hiệu trong khu vực và trên thế giới với các lĩnh vực hoạt động chính: dịch vụ kỹ thuật dầu khí, dịch vụ khảo sát, hàng hải, công nghiệp, trong đó lấy dịch vụ kỹ thuật dầu khí làm then chốt và nền tảng. Phân đầu trở thành đơn vị dịch vụ kỹ thuật dầu khí, công nghiệp uy tín và thương hiệu hàng đầu của khu vực Đông Nam Á.

Đạt mức tăng trưởng doanh thu bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt **trên 6%/năm**.

Phân đầu tỷ suất lợi nhuận Công ty Mẹ sau thuế trên vốn điều lệ đạt **trên 15%/năm**, tỷ suất lợi nhuận Công ty Mẹ sau thuế trên vốn chủ sở hữu đạt **trên 10%/năm**, tỷ lệ chia cổ tức hàng năm đạt từ **10%-15%/năm**.



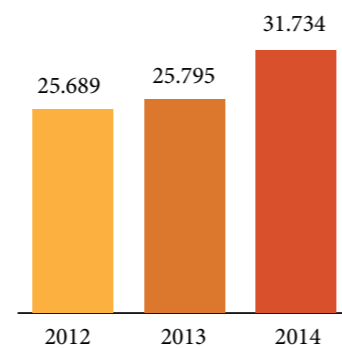
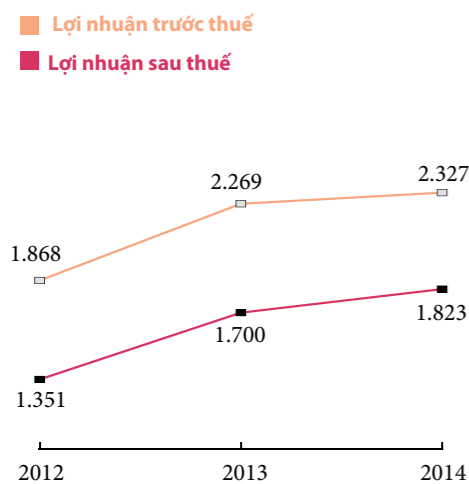
HOẠT ĐỘNG NĂM 2014

- Doanh thu đạt 31.734 tỷ đồng, đạt 126% kế hoạch, tăng 24% so với thực hiện 2013
- Lợi nhuận trước thuế đạt 2.327, đạt 212% kế hoạch năm, tăng 3% so với thực hiện 2013



KẾT QUẢ TOÀN TỔNG CÔNG TY PTSC

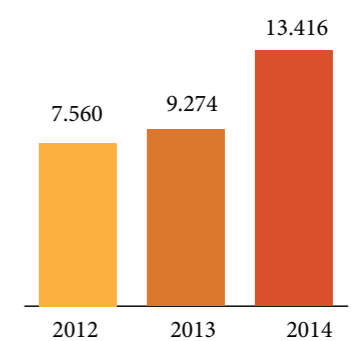
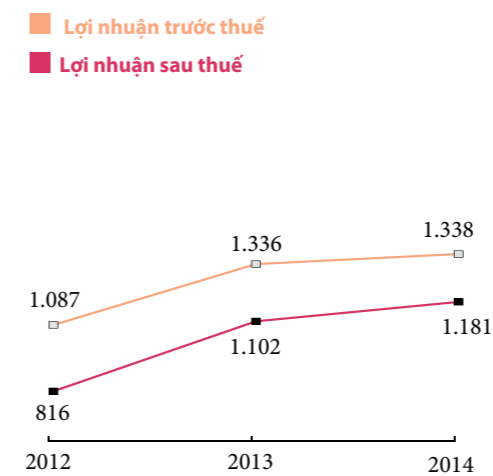
TT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	THỰC HIỆN 2013	KẾ HOẠCH NĂM 2014	THỰC HIỆN 2014	SO VỚI KẾ HOẠCH NĂM	SO VỚI THỰC HIỆN NĂM 2013
1	Doanh thu hợp nhất:	Tỷ đồng	25.688,9	25.200,0	31.734	126%	124%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	2.268,5	1.100,0	2.327	212%	103%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	1.699,7	825,0	1.823	221%	107,3%
4	Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN	Tỷ đồng	2.735	1.900	2.787,6	146,7%	101,9%



Doanh thu hợp nhất

KẾT QUẢ CÔNG TY MẸ PTSC

TT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	THỰC HIỆN 2013	KẾ HOẠCH NĂM 2014	THỰC HIỆN 2014	SO VỚI KẾ HOẠCH NĂM	SO VỚI THỰC HIỆN NĂM 2013
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	6.973,3	7.000,0	7.480,4	106,1%	107,3%
2	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	4.467,0	4.467,0	4.467,0	100,0%	100,0%
3	Doanh thu	Tỷ đồng	9.274,6	7.610,0	13.416,5	176,3%	144,7%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1.335,6	800,0	1.377,7	172,2%	103,2%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	1.102,0	700,0	1.181,3	168,8%	107,2%
6	Tỷ suất LNST/Vốn chủ sở hữu	%	15,8	10	14,9	149,0%	94,3%
7	Tỷ suất LNST/Vốn điều lệ (%)	%	24,7	15,7	26,4	168,8%	107,2%



Doanh thu Công ty Mẹ PTSC

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

CHỈ TIÊU	NĂM 2012	NĂM 2013	NĂM 2014
<i>* Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	1.27	1.36	1.37
TSLĐ/Nợ ngắn hạn			
Hệ số thanh toán nhanh	1.21	1.29	1.30
TSLĐ - Hàng tồn kho			
Nợ ngắn hạn			
<i>* Chỉ tiêu về vốn</i>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.63	0.59	0.59
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	2.12	1.71	1.67
<i>* Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
VÒNG QUAY HÀNG TỒN KHO			
Giá vốn hàng bán			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1.15	1.07	1.19
<i>* Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
Hệ số lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần	5.49%	6.69%	5.79%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	21.45%	20.55%	19.50%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản	6.33%	7.14%	6.90%
Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần	5.73%	7.49%	5.22%

CÔNG TÁC ĐẦU TƯ

Tổng giá trị thực hiện đầu tư cả năm 2014 của Công ty Mẹ là 147,8 tỷ đồng, đạt 10,4% kế hoạch năm. Một số công tác đầu tư chủ yếu thực hiện trong năm như sau:

- Thực hiện đầu tư tăng vốn điều lệ tại Công ty PTSC Đình Vũ.
- Thực hiện đầu tư mua Bến số 2 Cảng Tổng hợp Dung Quất, hiện đang thực hiện hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng và đồng thời triển khai một số hạng mục đầu tư bổ sung để sớm đưa vào khai thác sử dụng.
- Tổ chức triển khai đầu tư một số phương tiện thiết bị, kho xưởng tại các căn cứ cảng như trạm cân điện tử, gầu ngoạm, đệm va tại Cảng Hòn La; kho, xưởng, khu dịch vụ ... tại Cảng hạ lưu Vũng Tàu.
- Thực hiện thủ tục đầu tư các phương tiện máy móc thiết bị: 01 xe cầu 135 tấn, 02 cầu 70 tấn, 03 xe nâng 7 tấn và 03 xe đầu kéo 40 tấn với tổng giá trị khoảng 72 tỷ đồng. Các thiết bị này sẽ được bàn giao và giải ngân trong năm 2015.
- Công tác đầu tư 02 tàu dịch vụ 7.000-8.000 BHP với tổng mức đầu tư 46 triệu USD đã được triển khai và hoàn thành các thủ tục đầu tư trong năm 2014 và sẽ được tính toán triển khai đầu năm 2015, để tận dụng cơ hội ảnh hưởng do giá dầu sụt giảm.
- Kế hoạch góp vốn 10 triệu USD còn lại vào công ty liên doanh đầu tư FPSO cho Lam Sơn JOC không thực hiện do các bên đã cân đối nguồn vốn cho dự án, tạo điều kiện dành vốn cho các khoản đầu tư khác.

**ĐẦU TƯ NĂM
2014 ĐẠT
147,8
tỷ đồng**



ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

THUẬN LỢI

- Tổng công ty tiếp tục nhận được sự quan tâm, ủng hộ và chỉ đạo sát sao của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam trong công tác sản xuất kinh doanh.
- PTSC đã tạo dựng được thương hiệu nhất định trong nước và khu vực, thiết lập được nhiều mối quan hệ hợp tác lâu dài và tin cậy lẫn nhau với các đối tác chiến lược mạnh ở nước ngoài.
- Đội ngũ cán bộ lãnh đạo của Tổng công ty đã từng trải qua nhiều năm kinh nghiệm thực tế trong lĩnh vực dịch vụ kỹ thuật dầu khí, có trình độ, tâm huyết và hết lòng vì sự phát triển của đơn vị.

KHÓ KHĂN

- Các cam kết quốc tế (WTO, TPP...) dần có hiệu lực, tạo môi trường hội nhập, cạnh tranh khốc liệt ở thị trường trong và ngoài nước.
- Các nước đều có hàng rào kỹ thuật, chính sách bảo hộ nền kinh tế, doanh nghiệp trong nước một cách mạnh mẽ, đặc biệt đối với thị trường ngành công nghiệp dầu khí, trong khi cơ chế chính sách bảo hộ của Việt Nam còn nhiều bất cập và trong quá trình sửa đổi và hoàn thiện, chưa đủ mạnh để bảo vệ các doanh nghiệp trong nước có sức cạnh tranh thấp.
- Luật đấu thầu mới đang tạo thêm nhiều áp lực cho Tổng công ty. Trong đấu thầu, Tổng công ty hiện hầu như không có bảo hộ hay lợi thế, nhiều công việc, dự án phải cạnh tranh bình đẳng nhưng không sòng phẳng với tư nhân trong và ngoài nước.
- So với yêu cầu phát triển nhanh của thực tế SXKD, Tổng công ty vẫn còn thiếu nhiều chức danh bậc cao, các chuyên gia, cán bộ kinh tế kỹ thuật, quản lý có kinh nghiệm.
- Nguồn lực cơ sở vật chất của Tổng công ty vẫn còn hạn chế so với yêu cầu hiện nay của thị trường gây khó khăn, giảm tính chủ động trong hoạt động SXKD.

31.734 TỶ ĐỒNG
DOANH THU HỢP NHẤT

KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Trong bối cảnh đó, Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam đã triển khai hàng loạt các chương trình hành động, giải pháp thiết thực nhằm tận dụng tối đa lợi thế sẵn có cũng như khắc phục khó khăn, nỗ lực phấn đấu thực hiện và hoàn thành xuất sắc, vượt mức các nhiệm vụ chỉ tiêu kế hoạch năm 2014 với kết quả thực hiện doanh thu, lợi nhuận năm 2014 cao nhất từ trước đến nay: doanh thu hợp nhất là 31.734 tỷ đồng, đạt 126% kế hoạch năm, tăng 24% so với cùng kỳ năm trước và lợi nhuận trước thuế đạt 2.327 tỷ đồng, đạt 212% kế hoạch năm, tăng 3% so với cùng kỳ năm trước.

CÔNG TÁC SẢN XUẤT KINH DOANH

DỊCH VỤ CUNG ỨNG TÀU CHUYÊN DỤNG

Trong năm 2014, Tổng công ty đã tổ chức khai thác an toàn hiệu quả các tàu dịch vụ của Tổng công ty với tổng số ngày làm việc là 6.924 ngày, tăng 5,6% so với thực hiện năm 2013, đạt hiệu suất làm việc trên 87%, đáp ứng đầy đủ các hợp đồng cung cấp tàu dài hạn của khách hàng. Bên cạnh đó, Tổng công ty cũng đã phối hợp tốt cùng các đơn vị của Bộ Quốc phòng để cung cấp tàu trực an ninh, trực bảo vệ cho các hoạt động thăm dò của Tập đoàn, trực an ninh cho các mỏ của khách hàng, góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển đảo.

Tại Dung Quất, Tổng công ty đã phối hợp chặt chẽ với các đối tác và cơ quan hữu quan tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ cung cấp tàu lai dắt và trực ứng cứu sự cố tràn dầu cho NMLD Dung Quất; thực hiện lai dắt tuyệt đối an toàn cho hơn 4.000 lượt tàu ra/vào tại Phao rót dầu không bến (SPM), cảng xuất sản phẩm NMLD Dung Quất (Jetty) và Bến số 1 - cảng Dung Quất làm hàng, giảm 27% so với thực hiện năm 2013.

Doanh thu từ loại hình dịch vụ này năm 2014 là 7.068,6 tỷ đồng, đạt 130,9% kế hoạch năm, tăng 22,6% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận gộp đạt 651,4 tỷ đồng, giảm 14,6% so với cùng kỳ năm trước.

Doanh thu 7.068,6 tỷ đồng, đạt 130,9% kế hoạch năm.

DỊCH VỤ QUẢN LÝ, VẬN HÀNH, KHAI THÁC TÀU CHỨA FSO/FPSO

Trong năm 2014, Tổng công ty đã tiếp tục thực hiện tốt công tác quản lý, khai thác, vận hành tàu FPSO Ruby II (uptime 99,99%), FSO PTSC Biển Đông 1 (uptime 100%), FPSO Lam Sơn (uptime 99,90%), hoạt động an toàn, hiệu quả và đáp ứng yêu cầu của khách hàng. Tổ chức thực hiện First Oil thành công kho nổi FPSO Lam Sơn vào ngày 06/06/2014, đảm bảo an toàn, chất lượng và tiến độ.

Bên cạnh đó, Tổng công ty cũng đã thực hiện tốt các hợp đồng cung cấp nhân sự làm việc trên các tàu FSO MV12 cho Modec (21 thuyền viên), FSO Orkid cho MVOT (30 thuyền viên) và FPSO Thai Binh VN (36 thuyền viên), đảm bảo đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của khách hàng.

Trong công tác nghiên cứu triển khai thực hiện các dự án FSO/FPSO mới, Tổng công ty đã tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các bên liên quan, theo dõi thông tin phản hồi từ khách hàng các dự án FSO Yetagun tại Myanmar, FPSO Cá Rồng Đỏ... Doanh thu từ loại hình dịch vụ này năm 2014 là 2.847,9 tỷ đồng, đạt 126,6% kế hoạch năm, tăng 143,5% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận gộp đạt 148,9 tỷ đồng, giảm 14,8% so với cùng kỳ năm trước.

Doanh thu 2.847,9 tỷ đồng, đạt 126,6% kế hoạch năm.

DỊCH VỤ CƠ KHÍ DẦU KHÍ

Dịch vụ cơ khí dầu khí trong năm 2014 tiếp tục có những đóng góp đáng kể vào kết quả SXKD chung của toàn Tổng công ty.

- Tổ chức thực hiện các dự án cơ khí chế tạo, đóng mới các công trình dầu khí ngoài khơi đảm bảo chất lượng, tiến độ, đáp ứng các yêu cầu của khách hàng, cụ thể: hoàn thành dự án Dừa của POVO, dự án Sư Tử Nâu, dự án Sư Tử Vàng Tây Nam của Cửu Long JOC, dự án HRD của Tập đoàn dầu khí Ấn Độ, dự án TGT H05 Jacket & Drilling Wellbay Module I của Hoàng Long JOC; tổ chức triển khai thực hiện đúng tiến độ các dự án Maharaja Lela South của Total-Brunei, dự án TGT H05 - EPCI Topside của Hoàng Long JOC, các gói thầu B2, SMP9 Dự án Nhà máy LHD Nghi Sơn, dự án đóng mới giàn Tam Đảo 05 cho VSP...

- Tại Quảng Ngãi, Tổng công ty đã phối hợp tích cực với Viện Kinh tế Xây dựng - Bộ Xây dựng, cùng các cơ quan kiểm toán để thẩm tra Tổng mức đầu tư hiệu chỉnh và hiệu quả kinh tế dự án Bio-ethanol Dung Quất.

- Dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú 1: Tổng công ty đã tích cực làm việc với các bên liên doanh để tìm và thống nhất giải pháp để có thể tiếp tục triển khai dự án. Ngày 31/12/2014, Chủ đầu tư đã đồng ý ký phụ lục Điều chỉnh Hợp đồng EPC giữa PVN và Liên danh nhà thầu PM-PTSC. Sau khi có thông báo ngừng triển khai dự án với liên doanh PM-BTG-PTSC, hiện nay các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ mở bảo lãnh theo Hợp đồng và bắt đầu triển khai Dự án theo kế hoạch.

- Dự án Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1: Tổng công ty đã đàm phán, thống nhất về phạm vi công việc của Tổng công ty. Ngày 26/12/2014, Tổng công ty đã ký Biên bản thống nhất phạm vi công việc với Tổng thầu Lilama, theo đó tổng giá trị Tổng công ty sẽ thực hiện trong dự án NMNĐ Sông Hậu 1 là khoảng 1.300 tỷ VNĐ.

Doanh thu từ loại hình dịch vụ này năm 2014 là 13.802,1 tỷ đồng, đạt 152,1% kế hoạch năm, tăng 36,5% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận gộp đạt 515,9 tỷ đồng, tăng 8,6% so với cùng kỳ năm trước.

Doanh thu 13.802,1 tỷ đồng, đạt 152,1% kế hoạch năm.

CÔNG TÁC SẢN XUẤT KINH DOANH

DỊCH VỤ CĂN CỨ CẢNG DẦU KHÍ

Với vai trò là dịch vụ truyền thống, nền tảng và mang tính chiến lược của Tổng công ty, trong năm 2014, Tổng công ty tiếp tục duy trì và thực hiện tốt các hợp đồng cung cấp dịch vụ căn cứ tại Cảng Hạ lưu Vũng Tàu, Cảng Dịch vụ dầu khí tổng hợp Phú Mỹ, Cảng Hòn La-Quảng Bình, Bến số 1 Cảng Dung Quất-Quảng Ngãi, Cảng Nghi Sơn-Thanh Hóa, Cảng Đình Vũ-Hải Phòng. Cụ thể kết quả thực hiện dịch vụ tại các căn cứ cảng của Tổng công ty trong năm như sau:

Doanh thu 2.350,5 tỷ đồng, đạt 132,9% kế hoạch năm.

	THỰC HIỆN 2013	KẾ HOẠCH NĂM 2014	THỰC HIỆN 2014
Cảng Hạ Lưu Vũng Tàu			
1 - Số lượt tàu xuất/ nhập cảng (lượt)	2.697	2.700	3.137
- Khối lượng hàng hóa xếp dỡ (tấn)	228.098	220.000	290.912
Cảng DVDK TH Phú Mỹ			
2 - Số lượt tàu xuất/ nhập cảng (lượt)	800	900	1.275
- Khối lượng hàng hóa xếp dỡ (tấn)	1.903.000	2.100.000	2.779.000
Cảng Hòn La - Quảng Bình			
3 - Số lượt tàu xuất/ nhập cảng (lượt)	315	450	511
- Khối lượng hàng hóa xếp dỡ (tấn)	715.000	1.000.000	1.400.000
Bến số 1 Cảng Dung Quất - Quảng Ngãi			
4 - Số lượt tàu xuất/ nhập cảng (lượt)	62	58	75
- Khối lượng hàng hóa xếp dỡ (tấn)	1.621.041	1.484.500	1.303.300
Cảng Nghi Sơn - Thanh Hóa			
5 - Số lượt tàu xuất/ nhập cảng (lượt)	500	510	530
- Khối lượng hàng hóa xếp dỡ (tấn)	2.125.000	2.200.000	2.600.000
Cảng Đình Vũ - Hải Phòng			
6 - Số lượt tàu xuất/ nhập cảng (lượt)	220	220	265
- Khối lượng hàng hóa xếp dỡ (tấn)	241.419	240.000	264.421



Cảng Hạ Lưu Vũng Tàu



Cảng DVDK TH Phú Mỹ



Cảng Hòn La



Cảng Dung Quất



Cảng Nghi Sơn



Cảng Đình Vũ

Bên cạnh đó, Tổng công ty cũng đã tích cực thực hiện đầu tư dự án cảng Sơn Trà theo kế hoạch. Dự kiến sẽ đưa vào khai thác trong quý II/2015.

Doanh thu từ loại hình dịch vụ này năm 2014 là 2.350,5 tỷ đồng, đạt 132,9% kế hoạch năm, tăng 45,9% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận gộp đạt 454,3 tỷ đồng, tăng 38,0% so với cùng kỳ năm trước.

CÔNG TÁC SẢN XUẤT KINH DOANH

DỊCH VỤ VẬN CHUYỂN, LẮP ĐẶT, ĐẤU NỐI, VẬN HÀNH, SỬA CHỮA VÀ BẢO DƯỠNG (O&M) CÁC CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ

Trong năm qua, Tổng công ty đã tiếp tục triển khai thực hiện tốt các dự án vận chuyển, lắp đặt, đấu nối, vận hành, sửa chữa và bảo dưỡng (O&M) các công trình dầu khí như: dự án thu gom và phân phối khí mỏ Thái Bình – Hàm Rồng, Lô 102-106, giai đoạn 1 cho PVGAS, dự án HUC Sư Tử Nâu, dự án Disconnection, Towing And Re-Installation Dai Hung Fpu & Calm Buoy System At Dai Hung Oil Field, Block 05.1a, dự án COW ZAWKITA, gói thầu lắp đặt hệ thống đường ống nội mỏ P17 & P18 cho JVPC...

Đối với công tác cung cấp các dịch vụ vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng các công trình dầu khí, Tổng công ty đã tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện tốt các hợp đồng dịch vụ, đáp ứng yêu cầu của các khách hàng như: Nhà máy lọc dầu Dung Quất, Cù Long JOC, PCVL, EMAS, Hoàng Long JOC, TNK, Biển Đông POC, COSALT, NCSP..., đồng thời duy trì thực hiện tốt các hợp đồng cung cấp nhân lực dài hạn cho khách hàng JVPC.

Tổ chức khai thác an toàn, hiệu quả sà lan nhà ở PTSC Offshore 1 và sà lan vận chuyển PTSC 01. Tổng số ngày làm việc của sà lan nhà ở PTSC Offshore 1 đạt 237 ngày, sà lan vận chuyển PTSC 01 đạt 67 ngày.

Doanh thu từ loại hình dịch vụ này năm 2014 là 5.230,9 tỷ đồng, đạt 149,5% kế hoạch năm, tăng 28,7% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận gộp đạt 632,3 tỷ đồng, tăng 45,3% so với cùng kỳ năm trước.

Doanh thu 5.230,9 tỷ đồng, đạt 149,5% kế hoạch năm.

DỊCH VỤ KHẢO SÁT ĐỊA CHẤN, ĐỊA CHẤT CÔNG TRÌNH VÀ KHẢO SÁT SỬA CHỮA CÔNG TRÌNH NGẦM BẰNG ROV

Trong năm 2014, công tác khai thác các tàu khảo sát địa chấn 2D Bình Minh 02 và tàu khảo sát địa chấn 3D Amadeus gặp nhiều khó khăn. Tổng khối lượng thu nổ địa chấn 2D của tàu Bình Minh 02 thực hiện trong năm là 23.406 km tuyến, tăng 8% so với thực hiện năm 2013; khối lượng thu nổ địa chấn 3D của Tàu Amadeus thực hiện trong năm là 4.886 km², giảm 41% so với thực hiện năm 2013. Điều này đã gây ảnh hưởng đáng kể đến hiệu quả lợi nhuận năm 2014 của loại hình dịch vụ này.

Đối với công tác khảo sát địa chất công trình, Tổng công ty đã tổ chức khai thác hiệu quả tàu khảo sát PTSC Surveyor, PTSC Researcher và kết hợp với các tàu địa vật lý thuê ngoài khác để thực hiện tốt dịch vụ cho các khách hàng như: dự án Khảo sát tại lô 05-1b & 05-1c cho Idemitsu, 09-1 cho Vietsovpetro, dự án khảo sát Hải Dương tại lô 117-119 cho Exxon Mobil, khảo sát ROV tuyến ống 18” PM3- Cà Mau, tuyến ống STV-RĐ-BH-LH năm 2014 với tổng số khối lượng gần 600km đường ống và sửa chữa 80 điểm treo ống cho PVGas; dự án “ROV Khảo sát Inwater” cho Biển Đông POC; dự án ROV Concrete Mattress Installation cho khách hàng Premier Oil (đây là dự án lần đầu tiên Tổng công ty thực hiện hoàn toàn từ khâu chế tạo đến khâu lắp đặt Concrete Mattress tại worksite trong điều kiện thời tiết xấu và đã thành công, được khách hàng đánh giá cao). Tổng số ngày hoạt động trên biển của các thiết bị ROV là 1.392 ngày, tăng 22% so với thực hiện năm 2013; trong đó, tỷ trọng sử dụng ROV của Tổng công ty là 25%.

Doanh thu từ loại hình dịch vụ này năm 2014 là 3.471,3 tỷ đồng, đạt 99,2% kế hoạch năm, giảm 35,7% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận gộp đạt 10,5 tỷ đồng, giảm 97,5% so với cùng kỳ năm trước.

Doanh thu 3.471,3 tỷ đồng, đạt 99,2% kế hoạch năm.



CÔNG TÁC SẢN XUẤT KINH DOANH

DỊCH VỤ KHÁC

Các dịch vụ khác như dịch vụ kinh doanh khách sạn, dịch vụ bảo vệ... vẫn tiếp tục được duy trì ổn định.

Doanh thu 662,4 tỷ đồng, đạt 186,2% kế hoạch năm.

- Tổ chức khai thác ổn định, hiệu quả khách sạn Đà Nẵng Petro, khách sạn Dầu khí Vũng Tàu đảm bảo đáp ứng các nhu cầu dịch vụ khách sạn, tổ chức hội thảo, hội nghị... của Tập đoàn, các Đơn vị trong và ngoài ngành, các công ty lữ hành cũng như khách du lịch tại địa phương.

- Tổ chức triển khai hiệu quả, an toàn các Hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo vệ đã ký kết, đảm bảo an ninh an toàn cao nhất tại các mục tiêu bảo vệ, đặc biệt là các mục tiêu trọng điểm.

Doanh thu từ loại hình dịch vụ này năm 2014 là 662,4 tỷ đồng, đạt 186,2% kế hoạch năm, tăng 6,4% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận gộp đạt 32,4 tỷ đồng, giảm 51,4% so với cùng kỳ năm trước.



CÔNG TÁC XÂY DỰNG HỆ THỐNG QUẢN LÝ, TỔ CHỨC

CÔNG TÁC KIẾN TOÀN HỆ THỐNG QUẢN LÝ

- Thực hiện rà soát và kiện toàn chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban Tổng công ty theo hướng tăng cường vai trò của bộ máy giúp việc nhằm nâng cao năng lực quản lý, điều hành, đáp ứng vai trò trực tiếp sản xuất của Công ty Mẹ.
- Triển khai rà soát toàn bộ hệ thống văn bản quản trị và tiến hành sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định cũng như yêu cầu của đề án Tái cấu trúc; tiến hành sửa đổi và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Điều lệ, sửa đổi các quy chế quản trị nội bộ theo hướng phân cấp và xác định rõ thẩm quyền, nhiệm vụ của các thành phần trong bộ máy đối với từng lĩnh vực cụ thể: Đầu tư, Đầu thầu, Tài chính, Nhân sự, Công nợ...;
- Xây dựng hoàn chỉnh Hệ thống quản lý Sức khỏe-An toàn-Môi trường-Chất lượng hợp nhất toàn Tổng công ty theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008, ISO 14001:2004, OHSAS 18001:2007. Quyết liệt triển khai các chương trình, đề mục cải tiến trong toàn Tổng công ty ở mọi lĩnh vực công tác.
- Tiếp tục triển khai rà soát, hoàn thiện hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật, quán triệt chỉ đạo, triển khai quyết liệt chương trình thực hành tiết kiệm chống lãng phí nhằm nâng cao hiệu quả SXKD.

CÔNG TÁC TỔ CHỨC, PHÁT TRIỂN NGUỒN LỰC VÀ CÔNG TÁC KHÁC

- Xây dựng và triển khai thực hiện các kế hoạch tuyển dụng, đào tạo phù hợp với thực tế sản xuất kinh doanh. Tổng số lao động của toàn Tổng công ty đến hiện tại là 9.873 người.
- Tổ chức cho trên 6.500 lượt CBCNV tham dự các khóa đào tạo theo kế hoạch và theo yêu cầu chuyên môn với tổng kinh phí 20 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch năm.
- Công tác an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ được kiểm tra thường xuyên, chặt chẽ, đảm bảo tuyệt đối an toàn trong sản xuất kinh doanh dịch vụ. Các chất thải và rác công nghiệp, rác độc hại được quản lý và xử lý theo đúng quy định...



NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN NĂM 2015

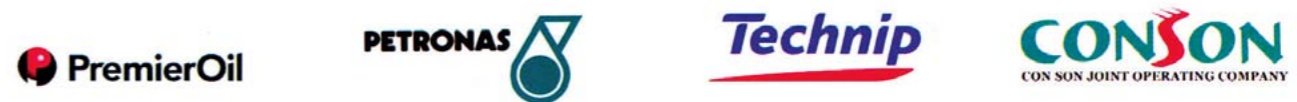
CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2015

TT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH 2015
* Kế hoạch tài chính toàn Tổng công ty (hợp nhất)			
1	Doanh thu hợp nhất	Tỷ đồng	27.000
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1.300
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	965
4	Năng suất lao động bình quân (tính theo doanh thu)	Triệu đồng/ng/tháng	244
* Kế hoạch Công ty Mẹ			
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	4.467
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	11.630
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	920
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	800
5	Tỷ lệ chia cổ tức	%	12%
6	Thực hiện đầu tư	Tỷ đồng	1.929

NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

- Tập trung nguồn lực để phát triển các hoạt động SXKD thuộc 6 lĩnh vực dịch vụ chính, đảm bảo cung cấp dịch vụ kỹ thuật dầu khí chuyên ngành chất lượng cao, uy tín cho các nhà thầu dầu khí.
- Xây dựng và liên tục hoàn thiện Đề án Năng lực cạnh tranh với mục tiêu là chất lượng dịch vụ và giá cả của Tổng công ty phải cạnh tranh được với các đơn vị khác trong nước và trong khu vực.
- Cải tiến và đẩy mạnh công tác marketing, tập trung vào một số thị trường khả thi nhất như Malaysia, Australia, Ấn Độ, Brunei, Myanmar... cùng các giải pháp tăng cường kết nối hệ thống chuyên nghiệp, phát huy sức mạnh tổng hợp, vai trò đầu mối trong công tác của Tổng công ty, tăng cường củng cố, phát triển các mối quan hệ, hợp tác liên doanh liên kết... để có thêm được các hợp đồng dịch vụ, công việc, dự án, thiết kế chi tiết công trình dầu khí, bổ sung cho doanh thu thiếu hụt do khu vực dịch vụ trong nước suy giảm.
- Tăng cường công tác phát triển kinh doanh, tham gia chào giá chào thầu các dự án thuộc khu vực công nghiệp mà Tổng công ty có thể tham gia, các dự án EPC/EPCI công trình dầu khí biển ngoài Việt Nam, chế tạo tại Việt Nam chuyển ra nước ngoài, kể cả các công trình công nghiệp ở nước ngoài.
- Chú trọng thực hiện các giải pháp ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật nhằm nâng cao năng suất lao động, đồng thời từng bước nâng cao khả năng cung ứng, cạnh tranh về giá cả và chất lượng dịch vụ. Đổi mới và hoàn thiện phương thức quản trị doanh nghiệp, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản trị doanh nghiệp. Nghiên cứu, tìm hiểu, tiếp cận công nghệ, thiết bị hiện đại đáp ứng công tác dịch vụ khai thác ở vùng nước sâu để có lộ trình củng cố nâng cao nhân lực và vật lực.
- Tiếp tục đẩy mạnh việc tận dụng các cơ hội sản xuất kinh doanh, phát triển sản phẩm hàng hóa (chế tạo, sản xuất), dịch vụ mới như công trình ngầm (subsea), cắt hủy giếng khoan và thu dọn mỏ, đầu tư hợp lý và hiệu quả cho bảo dưỡng sửa chữa nhỏ công trình biển.
- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện công tác tái sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp, đảm bảo hoàn thành tái cấu trúc tổng thể Tổng công ty theo Phương án Tái cấu trúc được phê duyệt.
- Đánh giá toàn diện về hệ thống quản lý khai thác cảng của Tổng công ty, hệ thống hóa và nâng cấp công nghệ khai thác cảng tiên tiến, chuyên nghiệp, tăng năng lực cạnh tranh, có hiệu quả, sản xuất kinh doanh phát triển ổn định, bền vững.
- Đẩy mạnh hoàn thiện hệ thống định mức tổng thể trong tất cả các lĩnh vực hoạt động kết hợp với tăng cường công tác tiết kiệm chống lãng phí, hoàn thiện quy định rõ ràng, dễ làm cho việc áp dụng khen thưởng và kỷ luật liên quan.
- Tăng cường quy định rõ ràng, dễ làm, khả thi của các quỹ khoa học công nghệ, hội đồng, khen thưởng cho các sáng kiến, cải tiến, hợp lý hóa, mang lại hiệu quả cho sản xuất kinh doanh và các hoạt động.
- Duy trì tốt việc áp dụng các hệ thống quản lý SK-AT-MT-CL trong toàn Tổng công ty. Xây dựng cách thức quản lý, kết nối nguồn lực toàn Tổng công ty đảm bảo công tác đào tạo, chủ động nguồn lực cho các dự án của toàn Tổng công ty trong các giai đoạn cao điểm, triển khai thực hiện các chương trình biệt phái cán bộ, tạo điều kiện để các nhân sự trẻ trong Tổng công ty có cơ hội cọ xát, học hỏi, tích lũy kinh nghiệm, đặc biệt đối với các đơn vị mới thành lập, nhân sự còn thiếu kinh nghiệm thực hiện dự án.
- Phát huy giá trị văn hóa PTSC "Đoàn kết, Năng động, Sáng tạo và Chuyên nghiệp", xây dựng môi trường lao động công bằng, văn minh; tạo động lực cho Người lao động tự giác nỗ lực làm việc, phát huy tối đa khả năng của mình.

ĐỐI TÁC, KHÁCH HÀNG



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY



ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ HOẠT ĐỘNG NĂM 2014

Vượt qua những khó khăn, thách thức của thị trường cũng như các yếu tố biến động về địa chính trị liên quan trực tiếp đến địa bàn, lĩnh vực SXKD, Tổng công ty tiếp tục đạt được những thắng lợi quan trọng trên các mặt hoạt động. Hội đồng quản trị đánh giá năm 2014 thực sự là một năm rất thành công, tạo đà thuận lợi để chuẩn bị đối phó với những thách thức to lớn trong các năm tiếp theo, thể hiện ở những điểm chính như sau:

- Tình hình tài chính của Tổng công ty ổn định; thực hiện vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra, duy trì và phát huy được thế mạnh của đơn vị cung cấp dịch vụ kỹ thuật dầu khí hàng đầu tại Việt Nam, bước đầu khẳng định được thương hiệu trên thị trường khu vực; tuân thủ đầy đủ quy định pháp luật trong quá trình hoạt động.
- Thực hiện quyết liệt tái cấu trúc, cải tiến hệ thống quản lý, bước đầu khẳng định vai trò chủ đạo, trực tiếp thực hiện SXKD của Công ty Mẹ đối với toàn tổ hợp. Việc kiện toàn bộ máy, nghiên cứu và áp dụng các giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh trong tất cả các lĩnh vực kinh doanh đang tạo những chuyển biến mới, chuẩn bị những điều kiện cần thiết thích ứng với môi trường hội nhập, cạnh tranh khốc liệt trước mắt.
- Đội ngũ lãnh đạo có năng lực tốt, đoàn kết, tâm huyết và quyết liệt trong quá trình quản lý, điều hành Tổng công ty. Nguồn nhân lực được bổ sung về số lượng, áp dụng các cơ chế phù hợp để thu hút nguồn lao động chất lượng cao, đảm bảo việc làm và chăm lo tốt đời sống Người lao động.

Ngoài những kết quả đã đạt được trong năm qua, Tổng công ty cần tiếp tục áp dụng các biện pháp xử lý những tồn tại làm giảm khả năng cạnh tranh, đặc biệt trong giai đoạn khó khăn hiện nay như: cải tiến và nâng cấp hệ thống quản lý Công ty Mẹ phù hợp yêu cầu trực tiếp thực hiện công tác SXKD; kịp thời triển khai đầu tư hiện đại hóa cơ sở hạ tầng, trang thiết bị thuộc nhóm lĩnh vực chính; xây dựng, củng cố năng lực nghiên cứu, đánh giá và dự báo thông tin thị trường nhằm tăng khả năng cạnh tranh khi thị trường hội nhập hoàn toàn; đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ, khách hàng để giảm dần phụ thuộc vào khách hàng nhóm ngành dầu khí, nhằm hạn chế tác động, rủi ro từ biến động giá dầu đến SXKD như hiện nay.

ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc, đứng đầu là Tổng Giám đốc đã thể hiện sự quyết liệt, nỗ lực cao nhất trong quá trình điều hành hoạt động SXKD của Tổng công ty, quản lý và sử dụng hiệu quả, tiết kiệm nguồn lực của Tổng công ty, tuân thủ đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ và các Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT. Hội đồng Quản trị đánh giá cao nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc giúp Tổng công ty vượt qua khó khăn, hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ trong năm 2014. Các kết quả hoạt động nổi bật của Ban Tổng Giám đốc thể hiện ở các mặt sau:

- Chủ động nghiên cứu, đề xuất các giải pháp và triển khai kịp thời các quyết sách, chỉ đạo của cấp trên để tháo gỡ khó khăn, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu quan trọng của năm tài chính 2014; điều hành quyết liệt, linh hoạt và sâu sát trong mọi hoạt động của Tổng công ty. Thúc đẩy tinh thần làm việc và phong trào cải tiến, sáng tạo trong lao động quản lý và SXKD.
- Giữ vững thị trường truyền thống, tích cực tìm kiếm mở rộng thị trường mới, có các giải pháp cụ thể để nâng cao chất lượng, đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ, giảm chi phí và đẩy mạnh công tác phát triển dịch vụ ra nước ngoài.

- Đẩy mạnh áp dụng công nghệ hiện đại vào quản lý, điều hành; nâng cao hiệu lực, hiệu quả của bộ máy quản lý giúp tiết giảm chi phí.

- Xây dựng và áp dụng chính sách đãi ngộ lao động phù hợp, thu hút được lao động chất lượng cao. Tích cực thực hiện đào tạo, nâng cao trình độ lao động đáp ứng nhu cầu SXKD.

Bên cạnh những kết quả đáng ghi nhận nêu trên, HĐQT cùng Ban Tổng Giám đốc cần rà soát lưu ý một số nhiệm vụ, kế hoạch năm 2014 như sau:

- Công tác triển khai đầu tư chưa đạt kế hoạch đề ra. Mặc dù nguyên nhân chủ yếu từ các yếu tố khách quan, Ban Tổng Giám đốc vẫn cần có đánh giá, giải pháp cụ thể hơn nữa nhằm đảm bảo việc triển khai đầu tư phù hợp với tình hình khó khăn hiện nay và năng lực SXKD trong thời gian tới.

- Quy mô bộ máy điều hành, định biên lao động Công ty Mẹ trong năm 2014 tăng nhanh, chất lượng chưa đồng đều ở các bộ phận, cần có giải pháp nhằm đảm bảo năng suất lao động và duy trì, phát huy truyền thống văn hóa doanh nghiệp của Tổng công ty.



THỬ THÁCH 2015

Giá dầu thô thế giới đột ngột giảm mạnh vào cuối năm 2014 và tiếp tục duy trì ở mức thấp trong những tháng đầu năm 2015. Biến động này vừa đem lại nhiều thuận lợi cho một số ngành kinh tế nhưng mặt khác lại ảnh hưởng nặng nề, toàn diện đối với ngành công nghiệp dầu khí thế giới nói chung và ngành công nghiệp dầu khí Việt Nam nói riêng. Với các phân tích, dự đoán về nguyên nhân của sự khủng hoảng giá dầu từ tranh chấp địa chính trị trên thế giới, ngành công nghiệp khai thác dầu từ đá phiến tại Mỹ không ngừng gia tăng sản lượng... dẫn tới nguồn cung dầu mỏ dư thừa so với nhu cầu thực tế. Từ đó, giá dầu có thể tiếp tục giảm hoặc duy trì ở mức thấp và khả năng phục hồi trong thời gian tới là khó xảy ra.

Ảnh hưởng tiêu cực này đã làm các hoạt động thăm dò, khai thác, đầu tư trong lĩnh vực dầu khí phải cắt giảm hoặc tạm ngừng thực hiện kéo theo hoạt động của các công ty dịch vụ dầu khí bị giảm sút nghiêm trọng, trong đó có Tổng công ty. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định đây là thách thức lớn nhất mà Tổng công ty phải đối mặt trong năm 2015. Ảnh hưởng này tác động tới tất cả các lĩnh vực kinh doanh chính của Tổng công ty như sau:

- Dịch vụ tàu chuyên ngành dầu khí đối mặt với sức ép giảm giá thuê và hạn chế tối đa nhu cầu thuê tàu phát sinh từ các nhà thầu. Nhu cầu dịch vụ giảm cùng sự cạnh tranh khốc liệt với các công ty tư nhân có lợi thế về cơ chế quản lý là bài toán khó giải cho Tổng công ty thời gian tới trong việc duy trì, mở rộng thị phần.

- Dịch vụ kho chứa nổi FSO/FPSO là lĩnh vực ít chịu ảnh hưởng nhất đối với tác động của giá dầu giảm do các hợp đồng cho thuê FSO/FPSO có thời hạn dài. Tuy nhiên, mảng dịch vụ O&M các kho nổi sẽ bị tác động mạnh do các chủ mô cắt giảm chi phí. Ngoài ra, nhu cầu đầu tư phát triển mở sẽ không còn sôi động nếu giá dầu duy trì ở mức thấp dẫn đến khả năng phát triển thêm các kho chứa cũng sẽ chậm lại và ảnh hưởng đến các chỉ tiêu chiến lược của Tổng công ty trong thời gian tới đối với lĩnh vực này.

- Dịch vụ cơ khí dầu khí và dịch vụ vận chuyển, lắp đặt, đầu nối, vận hành và bảo dưỡng công trình dầu khí biển được dự đoán sẽ chịu tác động mạnh bởi giá dầu giảm. Với những hợp đồng đã được lên kế hoạch triển khai, Tổng công ty tham gia thực hiện thì nguy cơ sẽ bị gián tiến độ do giá dầu thấp hơn kỳ vọng đầu tư. Đối với các dự án đang trong quá trình chuẩn bị triển khai đầu thầu, áp lực bị cắt giảm khối lượng công việc, giảm giá là vô cùng lớn. Đây là lĩnh vực dịch vụ chiếm tỉ trọng doanh thu, lợi nhuận cao

nhất trong Tổng công ty, nên việc sụt giảm trên sẽ là khó khăn cho việc hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch của Tổng công ty.

- Dịch vụ căn cứ cảng dầu khí: Hầu hết mảng dịch vụ căn cứ cảng dầu khí của Tổng công ty như cho thuê kho bãi, nhà xưởng, thiết bị, các hoạt động hậu cần... cho các nhà thầu chính (Oil Operators), các nhà thầu dịch vụ (Oilfield Service Contractor) dự kiến đều chịu ảnh hưởng giảm. Đến nay, Tổng công ty đã nhận được nhiều văn bản yêu cầu giảm giá từ các khách hàng như Con Son JOC, Lam Son JOC, Premier Oil... Đối với các cảng tổng hợp (Cảng PTSC Phú Mỹ, Cảng PTSC Đình Vũ, Cảng PTSC Thanh Hóa, Cảng Hòn La...) có thể được hưởng lợi từ giá dầu giảm bởi lượng hàng qua cảng dự kiến tăng lên do kinh tế sôi động trở lại. Tuy nhiên, tỷ trọng doanh thu, lợi nhuận của nhóm cảng tổng hợp trong tổng doanh thu dịch vụ cảng của Tổng công ty không lớn, các cảng tổng hợp chủ yếu đang trong giai đoạn mới đầu tư và đi vào hoạt động nên kết quả kinh doanh chưa thể như kỳ vọng. Nhìn chung, kết quả hoạt động của dịch vụ cảng sẽ suy giảm.

- Dịch vụ khảo sát địa chấn, địa chất công trình và khảo sát, sửa chữa công trình ngầm bằng ROV: đây là lĩnh vực dịch vụ chịu ảnh hưởng nặng nề nhất. Các hoạt động khảo sát địa chấn 2D, 3D bị thu hẹp, cắt giảm nghiêm trọng, trong khi các thiết bị, tàu khảo sát trên thế giới đang dư thừa dẫn tới cạnh tranh khốc liệt. Giá dịch vụ bị các nhà cung cấp đưa ra dưới điểm hòa vốn.

Bên cạnh những thách thức vô cùng to lớn do giá dầu suy giảm, Tổng công ty còn đối mặt với những khó khăn do lộ trình hội nhập theo các cam kết quốc tế (WTO, TPP, FTAs...) của Việt Nam. Đây vừa là cơ hội, đồng thời là thách thức đối với Tổng công ty trước sự cạnh tranh của các doanh nghiệp nước ngoài trên thị trường dịch vụ dầu khí. Ngoài ra, các quy định về đầu thầu mới ra đời gây áp lực lớn lên hoạt động của Tổng công ty trong quá trình tham gia đấu thầu cung cấp dịch vụ do môi trường cạnh tranh thiếu lành mạnh của một số doanh nghiệp tư nhân.

Trước những thách thức khó khăn phải đối diện trong năm 2015, bằng những sách lược cụ thể của Ban lãnh đạo, sự đồng lòng, quyết tâm của tập thể Người lao động cùng nỗ lực mạnh mẽ sẵn có, tin rằng con tàu Tổng công ty vẫn sẽ tiếp tục vươn mình vượt qua cơn bão lớn, xứng đáng là nhà cung cấp Dịch vụ kỹ thuật dầu khí, công nghiệp hàng đầu khu vực.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

HOẠT ĐỘNG NĂM 2014 VÀ KẾ HOẠCH 2015 CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HĐQT

Trong năm 2014, Hội đồng Quản trị (HĐQT) Tổng công ty có sự thay đổi về nhân sự. Ngày 01/10/2014, ông Lều Minh Tiến - Thành viên HĐQT Tổng công ty đã có đơn từ nhiệm chức danh Thành viên HĐQT do đến tuổi hưởng chế độ hưu trí. Căn cứ Điều lệ Tổng công ty và pháp luật hiện hành, ngày 14/10/2014 HĐQT đã ban hành quyết định số 972/QĐ-DVKT-HĐQT miễn nhiệm chức danh Thành viên HĐQT đối với ông Lều Minh Tiến, đồng thời ban hành quyết định số 986/QĐ-DVKT-HĐQT bổ nhiệm bổ sung ông Nguyễn Văn Mậu - Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty giữ chức Thành viên HĐQT thay thế.

Cơ cấu nhân sự HĐQT của Tổng công ty PTSC và thông tin các chức danh thành viên HĐQT đang nắm giữ chức vụ tại các công ty khác hiện tại như sau:

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	CHỨC VỤ TẠI CÁC CÔNG TY KHÁC
1	Thái Quốc Hiệp	Chủ tịch HĐQT	-
2	Phan Thanh Tùng	Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc	-
3	Nguyễn Văn Dân	Thành viên HĐQT	-
4	Đoàn Minh Mẫn	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT tại Ngân hàng PV Combank
5	Nguyễn Thanh Hương	Thành viên HĐQT	-
6	Phạm Văn Dũng	Thành viên HĐQT	-
7	Nguyễn Văn Mậu	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc	Chủ tịch HĐQT tại Công ty PTSC Phú Mỹ

CƠ CẤU BAN CHUYÊN MÔN THUỘC HĐQT

Với vai trò là ban chuyên môn giúp việc cho HĐQT, năm 2014, Ban Thư ký đã hỗ trợ và giúp đẩy nhanh quá trình xử lý công việc của các Thành viên HĐQT, tổ chức các cuộc họp và triển khai thủ tục quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền HĐQT phù hợp quy định hiện hành; quản lý, cung cấp kịp thời và bảo mật thông tin trong quá trình hoạt động của HĐQT.

Nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của bộ phận giúp việc, tạo thuận lợi cho quá trình hoạt động, HĐQT đã thực hiện kiện toàn Ban Thư ký bằng việc thành lập 02 phòng chuyên môn thuộc Ban: Phòng Thư ký tổng hợp và Phòng Kiểm soát nội bộ, với mục tiêu tập trung nâng cao và chuyên môn hóa các chức năng nhiệm vụ của ban chuyên môn giúp việc trực tiếp HĐQT.

Bên cạnh đó, HĐQT cũng đã phân công các thành viên phụ trách các nhiệm vụ chuyên môn cụ thể, phù hợp với kinh nghiệm, chuyên môn, lĩnh vực công tác.



HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2014

Trong năm 2014, HĐQT đã tổ chức 6 cuộc họp trực tiếp và 79 đợt lấy ý kiến, ban hành tổng cộng 252 văn bản trong đó có 101 Nghị quyết/Quyết định và 72 văn bản khác để quản lý các mặt hoạt động của Tổng công ty. Các hoạt động chính trong năm cụ thể như sau:

Triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2014

Triển khai Nghị quyết số 380/NQ-DVKT-ĐHĐCĐ ngày 19/4/2014 của ĐHĐCĐ phê duyệt, HĐQT đã chỉ đạo thực hiện và hoàn thành hầu hết các nội dung đề ra.

- Thực hiện kế hoạch SXKD 2014: HĐQT sát cánh cùng Ban điều hành tích cực chỉ đạo thực hiện kế hoạch SXKD 2014 đã được ĐHĐCĐ giao. Năm 2014 với không ít những khó khăn, biến động, nhưng với sự đoàn kết của Tập thể Lãnh đạo, Người lao động Tổng công ty, sự chỉ đạo, hỗ trợ của Công ty Mẹ là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, của các tổ chức Chính trị - Xã hội và các cơ quan quản lý Nhà nước, Tổng công ty đã hoàn thành hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch, một số chỉ tiêu hoàn thành vượt xa mức đề ra.

- Thực hiện phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2013: Trên cơ sở phương án phân phối đã được ĐHĐCĐ phê duyệt, HĐQT đã chỉ đạo phân phối lợi nhuận và thực hiện chi trả cổ tức (12%) đúng quy định. Ngày 08/7/2014, HĐQT đã ban hành Quyết định số 699/QĐ-DVKT-HĐQT quyết định chốt danh sách cổ đông hưởng quyền nhận cổ tức 2013 vào ngày 28/7/2014 và tiến hành chi trả cổ tức bắt đầu từ 20/8/2014. Tính đến hết quý 4, Tổng công ty đã thực hiện chi trả xong hơn 99% số cổ tức 2013 phải trả cho cổ đông.

- Hoàn thành thủ tục đăng ký bổ sung ngành nghề kinh doanh và ban hành, áp dụng Điều lệ mới 2014: HĐQT đã chỉ đạo bộ phận phụ trách rút hoàn thiện hồ sơ, hoàn thành thủ tục đăng ký bổ sung ngành nghề kinh doanh cho phù hợp yêu cầu thực tế và quy định mới của pháp luật ngay sau khi được ĐHĐCĐ phê duyệt. Việc hoàn thiện nội dung dự thảo Điều lệ mới bao gồm cả việc cập nhật ngành nghề kinh doanh đăng ký bổ sung cũng đã được HĐQT quan tâm chỉ đạo. Ngày 25/4/2014, HĐQT đã ban hành Quyết định số 399/NQ-DVKT-HĐQT đánh dấu mốc áp dụng Điều lệ mới 2014 vào mọi mặt hoạt động của Tổng công ty.

- Các nội dung khác của Nghị quyết: Hoàn thành việc ký thỏa thuận khung với Công ty Mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, tạo nền tảng pháp lý cho các quan hệ giữa Công ty Mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Tổng công ty. Đồng thời, nhằm đảm bảo cơ sở pháp lý trong các quan hệ, giao dịch, sử dụng hiệu quả sức mạnh tập thể của các đơn vị thuộc Tổng công ty, HĐQT cũng đã giao Tổng Giám đốc chỉ đạo nghiên cứu xây dựng và triển khai ký thỏa thuận khung xuống cấp đơn vị của Tổng công ty.

Chỉ đạo hoạch định chiến lược phát triển Tổng công ty

Với chiến lược của Tổng công ty đã được xác định tập trung vào 6 lĩnh vực SXKD chính, HĐQT luôn xem đây là kim chỉ nam để thực hiện, hoạch định các chính sách trung và dài hạn. Trong năm 2014, trước những cơ hội, thách thức, thuận lợi, khó khăn trong và ngoài nước, HĐQT đã thực hiện đánh giá kết quả thực hiện chiến lược phát triển giai đoạn đến 2015 và định hướng đến năm 2025. Về cơ bản Tổng công ty đã thực hiện được các mục tiêu của chiến lược đề ra, thể hiện qua việc Tổng công ty đã xây dựng được thương hiệu, uy tín tại 6 loại hình dịch vụ kinh doanh chính, đảm bảo tốc độ tăng trưởng, các chỉ tiêu SXKD đã cam kết với các Nhà đầu tư và cổ đông.

Đồng thời, để nắm bắt các cơ hội thị trường, đầu tư trong tương lai, HĐQT đã chỉ đạo tăng cường năng lực cạnh tranh, tham gia nghiên cứu xem xét định hướng phát triển một số dịch vụ mới như dịch vụ hủy giếng và thu dọn mỏ, dịch vụ cơ khí dầu khí trên bờ...; xây dựng chiến lược phát triển của Tổng công ty đến 2025 và định hướng đến năm 2035; ban hành “Đề án phát triển đội tàu dịch vụ đa năng của PTSC đến năm 2015, định hướng đến năm 2025”; phê duyệt kiện toàn chức năng nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của các Ban chức năng Tổng công ty theo hướng nâng cao vai trò quản lý, điều hành, điều phối cũng như khả năng trực tiếp kinh doanh của Công ty Mẹ, đáp ứng các yêu cầu theo chiến lược phát triển của Tổng công ty.

Chỉ đạo hoàn thiện hệ thống văn bản quản trị

Nhằm nâng cao năng lực quản lý, HĐQT tiếp tục chỉ đạo đẩy mạnh xây dựng và hoàn thiện hệ thống quản trị. Năm 2014, HĐQT đã trực tiếp chỉ đạo rà soát, xây dựng dự thảo mới các quy chế, quy trình phải công bố ra công chúng theo yêu cầu của pháp luật về quản trị công ty như: Quy chế làm việc của HĐQT, Quy trình họp HĐQT, Quy trình họp Đại hội cổ đông, Quy trình công bố thông tin, Phân công công việc trong HĐQT.

Bên cạnh đó, HĐQT đã xem xét và phê duyệt sửa đổi, bổ sung, ban hành mới nhiều quy chế, quy định để kiện toàn hệ thống quản trị như: trong việc quản lý chi phí (Định mức chi phí hành chính, chi phí tiền lương, tiêu hao nguyên vật liệu, nhiên liệu...), trong việc quản lý tài chính (Quy chế tài chính, quản lý nợ...); đồng thời sửa đổi bổ sung các quy định về lao động tiền lương, quản lý, tổ chức thực hiện dự án đầu tư...

Tiếp tục chỉ đạo thực hiện hiệu quả phương án tái cấu trúc Tổng công ty

Nhằm bảo toàn vốn, tập trung tối đa nguồn lực cho các hoạt động thuộc những lĩnh vực cốt lõi, năm 2014, HĐQT tiếp tục chỉ đạo tái cấu trúc Tổng công ty trên cơ sở các quy định mới của nhà nước, chỉ đạo của Công ty Mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thực hiện giảm tỷ lệ góp vốn, thoái vốn đầu tư tại một số doanh nghiệp không thuộc ngành nghề chính, gia tăng tỷ lệ góp vốn tại các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực kinh doanh sở trường của Tổng công ty. Song song với việc xúc tiến tái cơ cấu mô hình tổ chức, HĐQT cũng đã sát sao cùng Ban Điều hành chỉ đạo triển khai quyết liệt công tác cải tiến trong lĩnh vực quản lý, điều hành nhằm nâng cao năng lực của toàn bộ máy, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công tác quản lý toàn Tổng công ty.

Giám sát đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp

Với việc đầu tư vào 11 công ty con, 8 công ty liên doanh - liên kết, việc quản lý, giám sát vốn đầu tư, hoạt động của các công ty con, công ty liên doanh - liên kết là hết sức quan trọng đối với HĐQT. Trong năm 2014, HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ quản lý giám sát thông qua việc:

- Bổ nhiệm, phê duyệt, đánh giá hoạt động của Người đại

diện Tổng công ty tại các đơn vị, gắn việc đánh giá Người đại diện với kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD của các đơn vị.

- Phê duyệt, giao kế hoạch SXKD đồng thời kiểm tra giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch SXKD trong năm.

- Phê duyệt các nội dung để Người đại diện vốn thực hiện quyền biểu quyết, quyết định các vấn đề trong hoạt động của đơn vị theo quy chế Người đại diện.

Các công tác khác

Ngoài các hoạt động trong kế hoạch năm, HĐQT đã thực hiện các nhiệm vụ khác thuộc thẩm quyền phù hợp với chức năng, nhiệm vụ theo Điều lệ và phát sinh thực tế trong quá trình hoạt động của Tổng công ty, cụ thể như: Chỉ đạo tổ chức thành công ĐHCĐ thường niên của Tổng công ty và ĐHCĐ thường niên các Đơn vị; giám sát và chỉ đạo tháo gỡ khó khăn tại các Đơn vị, dự án lớn; thực hiện công tác quan hệ với cổ đông, nhà đầu tư; thực hiện các chương trình An sinh - Xã hội; phối hợp, tạo điều kiện để các đoàn thể như Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội Cựu chiến binh... hoạt động có hiệu quả, góp phần xây dựng và củng cố văn hóa doanh nghiệp Tổng công ty, tạo môi trường làm việc đoàn kết, năng động, sáng tạo, chuyên nghiệp.

Với những kết quả đã đạt được năm 2014, HĐQT nhận thấy các hoạt động của HĐQT trong năm 2014 là đúng thẩm quyền, thực chất và hiệu quả. HĐQT đã xây dựng được một tập thể đoàn kết, từng Thành viên làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, cẩn trọng. Trong quan hệ với bộ máy điều hành và các Tổ chức Chính trị - Xã hội, HĐQT luôn tạo điều kiện và thể hiện đúng vai trò, trách nhiệm của mình.



KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2015

Với khó khăn, thách thức trên thị trường dịch vụ dầu khí do ảnh hưởng của giá dầu, áp lực cạnh tranh quốc tế, năm 2015 sẽ là năm đặt ra nhiều nhiệm vụ đối với HĐQT nhằm thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu nhiệm vụ SXKD do ĐHĐCĐ phê duyệt. Chương trình công tác năm 2015 được HĐQT đề ra tập trung vào một số nội dung trọng yếu như sau:

1. Tổ chức thành công Đại hội cổ đông thường niên 2015 của Tổng công ty.

2. Cùng Ban Tổng Giám đốc theo dõi, đánh giá các thuận lợi, khó khăn, cơ hội và thách thức để có những giải pháp thích hợp, nhằm giữ vững và phát triển thị trường trong và ngoài nước, trong đó tập trung vào xây dựng hoàn thiện và áp dụng Đề án Năng lực cạnh tranh.

3. Cùng Ban điều hành triển khai các giải pháp nhằm thực hiện thành công các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2015, quyết tâm đạt các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, cổ tức đã cam kết và được ĐHĐCĐ phê duyệt.

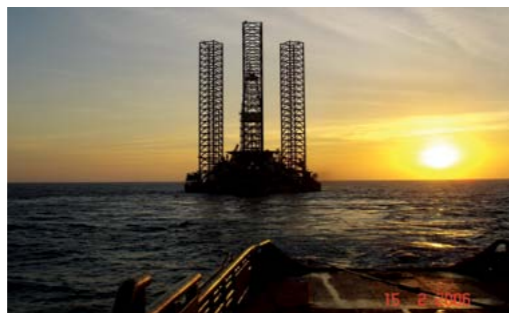
4. Thực hiện quyết định đầu tư, kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả công tác đầu tư, trong đó tập trung trực tiếp chỉ đạo triển khai các dự án đầu tư lớn ở lĩnh vực tàu dịch vụ và cảng. Kiểm tra, chỉ đạo tháo gỡ khó khăn tại các hợp đồng tổng thầu hoặc liên danh tổng thầu lớn, quan trọng nhằm giảm thiểu rủi ro đến kết quả SXKD.

5. Thực hiện công tác chỉ đạo, giám sát các hoạt động của các đơn vị thành viên thông qua việc quyết định, triển khai, các chỉ tiêu SXKD, đầu tư đảm bảo hiệu quả vốn đầu tư của Tổng công ty tại các đơn vị, phù hợp với định hướng chiến lược phát triển chung của toàn Tổng công ty.

6. Hoàn thiện hệ thống quản lý, quản trị Tổng công ty theo hướng tăng tính chủ động của Ban điều hành, đồng thời tăng cường việc kiểm tra, giám sát hoạt động và tuân thủ trên cơ sở phù hợp quy định pháp luật hiện hành và tình hình thực tế nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, hiệu quả sử dụng nguồn lực, chặt chẽ trong quản lý đánh giá. rà soát Điều lệ và một số văn bản quản trị cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp mới số 68/2014/QH13.

7. Tiếp tục triển khai thực hiện Phương án Tái cấu trúc Tổng công ty đã được phê duyệt, đồng thời tiến hành rà soát, đánh giá để cập nhật điều chỉnh Phương án tái cấu trúc Tổng công ty cho phù hợp với thực tế trên nguyên tắc hiệu quả và tính khả thi cao nhất.

8. Thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên của HĐQT Tổng công ty phù hợp với chức năng, nhiệm vụ theo Điều lệ, phát sinh thực tế trong quá trình hoạt động SXKD của Tổng công ty.



HOẠT ĐỘNG NĂM 2014 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2015 CỦA BAN KIỂM SOÁT

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2014

Ban Kiểm soát hoạt động với 03 thành viên, bao gồm 02 thành viên chuyên trách và 01 thành viên không chuyên trách. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và kế hoạch hoạt động năm 2014; Ban Kiểm soát Tổng công ty đã tiến hành thực hiện công tác kiểm tra giám sát các hoạt động của Tổng công ty theo đúng kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thông qua.

Ban Kiểm soát Tổng công ty đã nỗ lực hoàn thành tốt nhiệm vụ và đã có những đóng góp thiết thực trong quá trình quản trị tại doanh nghiệp.

Công tác kiểm tra giám sát của Ban Kiểm soát đã tập trung vào các vấn đề sau:

- Kiểm tra việc bảo toàn vốn, quản lý dòng tiền, hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp;
- Giám sát tình hình chấp hành Điều lệ, tình hình thực hiện Nghị Quyết của ĐHĐCĐ, Hội đồng quản trị Tổng

công ty;

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các Quy chế, Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đối với Tổng công ty;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các dự án đầu tư;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện phương án tái cơ cấu Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam giai đoạn 2012-2015;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các biện pháp tiết giảm chi phí;
- Thẩm định Báo cáo tài chính quý, năm;
- Giám sát việc thực hiện các kiến nghị tại Biên bản của các đoàn kiểm tra, kiểm toán đối với doanh nghiệp, các đơn vị thành viên/trực thuộc; xem xét báo cáo kiểm tra, kiểm soát nội bộ của Tổng công ty và ý kiến phản hồi của Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty;
- Thực hiện các công tác khác theo kế hoạch hoạt động năm 2014 của Ban Kiểm soát.

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2015

Thực hiện nhiệm vụ kiểm soát theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty, Ban Kiểm soát Tổng công ty đề ra kế hoạch hoạt động năm 2015 như sau:

- Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ kiểm tra giám sát các hoạt động điều hành, quản lý kinh doanh theo chức năng, nhiệm vụ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Tổng công ty;
- Giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật, điều lệ tổ chức hoạt động, tình hình thực hiện các Quy chế, Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT Tổng công ty;
- Kiểm tra giám sát tình hình triển khai công tác sản xuất kinh doanh, công tác đầu tư của Tổng công ty theo các nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch được ĐHĐCĐ và HĐQT phê duyệt;

- Thẩm định báo cáo tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ, tình hình quản lý, bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu của Tổng công ty.
- Giám sát, đánh giá các khoản đầu tư vốn của Tổng công ty tại các đơn vị thành viên;
- Giám sát việc thực hiện Phương án tái cơ cấu Tổng công ty giai đoạn 2014-2015;
- Giám sát việc xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật và các biện pháp tiết giảm chi phí quản lý, giảm giá thành sản phẩm;
- Thực hiện kế hoạch kiểm tra, kiểm soát định kỳ và đột xuất tại Tổng công ty cũng như các đơn vị thành viên;
- Thực hiện các công việc khác của Ban Kiểm soát theo yêu cầu của ĐHĐCĐ và các quy định hiện hành.

ĐÁNH GIÁ CỦA BAN KIỂM SOÁT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC NĂM 2014

Công tác chỉ đạo và điều hành sản xuất kinh doanh của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty trong năm 2014 nhìn chung đã tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ hoạt động, Nghị quyết của ĐHĐCĐ/HĐQT Tổng công ty, các quy định pháp luật có liên quan và các Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Trong năm 2014, HĐQT đã ban hành 101 Nghị quyết, Quyết định liên quan đến các vấn đề sản xuất kinh doanh, công tác đầu tư, công tác tổ chức nhân sự và công tác đổi mới doanh nghiệp nhằm hoàn thiện các quy trình, quy chế quản trị doanh nghiệp, đồng thời thực hiện tốt công tác hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh. Hội đồng Quản trị đã sát cánh cùng Ban Tổng Giám

đốc để ra các chương trình hành động và những giải pháp phù hợp để huy động hiệu quả các nguồn lực, mở rộng thị trường và thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh giúp Tổng công ty hoàn thành xuất sắc, vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014.

Bên cạnh đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đã thực hiện nhiều giải pháp, tổ chức triển khai nhiều chương trình hành động, phát động nhiều phong trào thi đua, huy động mọi nguồn lực, tập trung chỉ đạo điều hành một cách quyết liệt nhằm tối ưu quy trình hoạt động sản xuất kinh doanh, mở rộng và chiếm lĩnh thị trường, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực và tài sản, tiết kiệm chi phí, giúp Tổng công ty tăng trưởng và phát triển mạnh, bền vững.



THÙ LAO VÀ CÁC LỢI ÍCH KHÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác cho từng thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý được công bố rõ ràng và cụ thể:

THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA LÃNH ĐẠO TỔNG CÔNG TY TRONG NĂM 2014

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		(Đơn vị: đồng)
Thái Quốc Hiệp	Chủ tịch	1,314,507,900
Phan Thanh Tùng	Thành viên/ Tổng Giám đốc	1,180,873,900
Nguyễn Văn Mậu (bổ nhiệm ngày 14/10/2014)	Thành viên/ Phó Tổng Giám đốc	985,413,900
Lê Minh Tiến (miễn nhiệm ngày 21/07/2014)	Thành viên	1,141,023,900
Nguyễn Văn Dân	Thành viên	988,113,900
Phạm Văn Dũng	Thành viên	976,593,900
Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên	968,661,900
Đoàn Minh Mẫn	Thành viên	60,000,000
BAN KIỂM SOÁT		
Hồ Thị Oanh	Trưởng Ban	882,976,400
Bùi Thu Hà	Thành viên	573,053,800
Triệu Văn Nghị	Thành viên	36,000,000
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC		
Nguyễn Trần Toàn	Phó Tổng Giám đốc	984,413,900
Nguyễn Tấn Hòa	Phó Tổng Giám đốc	979,613,900
Nguyễn Hữu Hải	Phó Tổng Giám đốc	987,713,900
Lê Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc	983,413,900
Đỗ Quốc Hoan	Phó Tổng Giám đốc	927,208,723
Nguyễn Xuân Cường	Kế toán trưởng	924,674,400
TỔNG CỘNG		14,894,258,223



QUẢN TRỊ RỦI RO

RỦI RO VỀ CÔNG NGHỆ

Phần lớn các dịch vụ kinh doanh của Tổng công ty là dịch vụ dầu khí kỹ thuật cao, do vậy, các yêu cầu về đầu tư, đổi mới phương tiện, thiết bị để theo kịp sự phát triển của khoa học công nghệ là yếu tố then chốt đảm bảo khả năng cung cấp dịch vụ cũng như nâng cao năng lực cạnh tranh của Tổng công ty trên thị trường. Sự phát triển nhanh về công nghệ, đặc biệt là công nghệ mới thay thế công nghệ hiện tại với nhiều tính năng mới và khả năng khai thác vượt trội sẽ dẫn đến các phương tiện, thiết bị của Tổng công ty nhanh chóng bị lạc hậu và giảm sút về năng lực cạnh tranh trên thị trường. Do đó, Tổng công ty đã chú trọng đầu tư đổi mới công nghệ, thay thế các phương tiện, thiết bị hiện đại nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường dịch vụ kỹ thuật dầu khí công nghệ cao.

RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng công ty. Tổng công ty đã thực hiện chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi để đánh giá sự ảnh hưởng và mức độ ảnh hưởng của rủi ro tín dụng đến khả năng tài chính của Tổng công ty. Hiện tại, các khoản phải thu của Tổng công ty đối với một lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành nghề khác nhau và hoạt động tại các địa phương khác nhau, tuy nhiên Tổng công ty không có khoản rủi ro tín dụng trọng yếu nào với khách hàng hoặc đối tác.

RỦI RO TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI

Biến động về tỷ giá có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động SXKD của Tổng công ty. Rủi ro này được Tổng công ty quản trị bằng việc xin cơ chế thu trực tiếp ngoại tệ của Ngân hàng Nhà nước và cân đối nguồn thu - chi ngoại tệ nhằm đảm bảo giảm thiểu rủi ro về tỷ giá thông qua việc ký kết hợp đồng với các khách hàng theo đối ứng ngoại tệ phải trả cho nhà cung cấp và điều chỉnh linh hoạt giá bán hàng hoặc giá cung cấp dịch vụ khi có sự biến động lớn về tỷ giá.

RỦI RO LÃI SUẤT

Việc biến động của lãi suất có ảnh hưởng nhất định đến kết quả hoạt động SXKD của Tổng công ty. Hiện tại, Tổng công ty có một số khoản vay dài hạn với lãi suất thả nổi được tính trên cơ sở lãi suất huy động của các tổ chức tín dụng và biên độ lãi suất cố định được thống nhất giữa Tổng công ty với các tổ chức tín dụng, do đó, một khi lãi suất huy động của tổ chức tín dụng tăng sẽ dẫn đến lãi vay phải trả cho các khoản vay của Tổng công ty cũng tăng lên tương ứng và ngược lại. Tổng công ty đã quản trị rủi ro lãi suất bằng cách tiếp cận huy động vốn từ thị trường vốn quốc tế với chi phí vốn rẻ, duy trì mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Các dịch vụ của Tổng công ty được cung cấp chủ yếu để phục vụ cho các dự án thăm dò, khai thác dầu khí trong và ngoài nước. Do đó, khi có bất kỳ sự biến động giảm hoặc không phát sinh thêm các dự án đầu tư phát triển mỏ cũng như kế hoạch thăm dò của các nhà thầu dầu khí sẽ có tác động lớn đến việc duy trì, tăng trưởng, phát triển thị phần của Tổng công ty. Thách thức do giá dầu suy giảm đã làm tăng rủi ro thị trường cho Tổng công ty. Tổng công ty đã quản trị rủi ro thị trường cung cấp bằng cách đẩy mạnh thực hiện các dự án công trình công nghiệp trên bờ để bù đắp cho sự suy giảm các công trình dầu khí ngoài khơi, nâng cao nội lực với việc kịp thời đầu tư phương tiện, thiết bị hiện đại, quản lý hiệu quả để giảm giá thành và từng bước mở rộng, phát triển cung cấp dịch vụ ra nước ngoài.

RỦI RO VỀ NGUYÊN VẬT LIỆU

Với việc sở hữu, quản lý đội tàu dịch vụ quy mô cùng với lượng phương tiện, máy móc thiết bị đa dạng và các dự án cơ khí đã và đang triển khai thì lượng tiêu hao nguyên nhiên, vật liệu để chế tạo, vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng hàng năm của Tổng công ty là rất lớn. Bất kỳ sự biến động về giá nguyên nhiên vật liệu sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động SXKD của Tổng công ty. Tổng công ty đã quản trị rủi ro nguyên vật liệu thông qua việc ký kết hợp đồng với các khách hàng có điều khoản điều chỉnh linh hoạt giá bán hàng hoặc giá cung cấp dịch vụ khi có sự biến động lớn về giá nguyên vật liệu.

RỦI RO VỀ CHÍNH SÁCH

Khi các rào cản bảo hộ của Chính phủ dần gỡ bỏ theo các hiệp định khi gia nhập WTO, AFTA và sắp tới là TPP sẽ làm gia tăng sự cạnh tranh giữa Tổng công ty với các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài với tiềm lực vượt trội về công nghệ và tài chính, có năng lực, uy tín và chuyên nghiệp trên thế giới cùng tham gia vào thị trường dịch vụ trong nước. Trong khi đó, hàng rào kỹ thuật hợp lý để tạo sự bảo hộ cho doanh nghiệp trong nước của Việt Nam chưa đủ mạnh để bảo vệ các doanh nghiệp trong nước. Đối diện với rủi ro này, Tổng công ty đã hạn chế tối đa sự cạnh tranh bằng cách tăng cường hợp tác, liên doanh liên kết với các đối tác có năng lực, kinh nghiệm để khai thác tối đa nguồn lực cơ sở vật chất và kinh nghiệm của nhau, tránh đối đầu trực tiếp.

Tận dụng mọi cơ hội, thuận lợi và triệt để hạn chế rủi ro từ cơ chế, chuẩn bị các điều kiện tốt nhất nhằm thích ứng với sự cạnh tranh của quá trình hội nhập, giữ vững thị trường trong nước.



CÔNG TÁC AN SINH - XÃ HỘI

PTSC
cam kết sẽ không ngừng nỗ lực nhằm đem lại cuộc sống tốt đẹp hơn đến những khu vực còn nhiều khó khăn trên khắp cả nước.

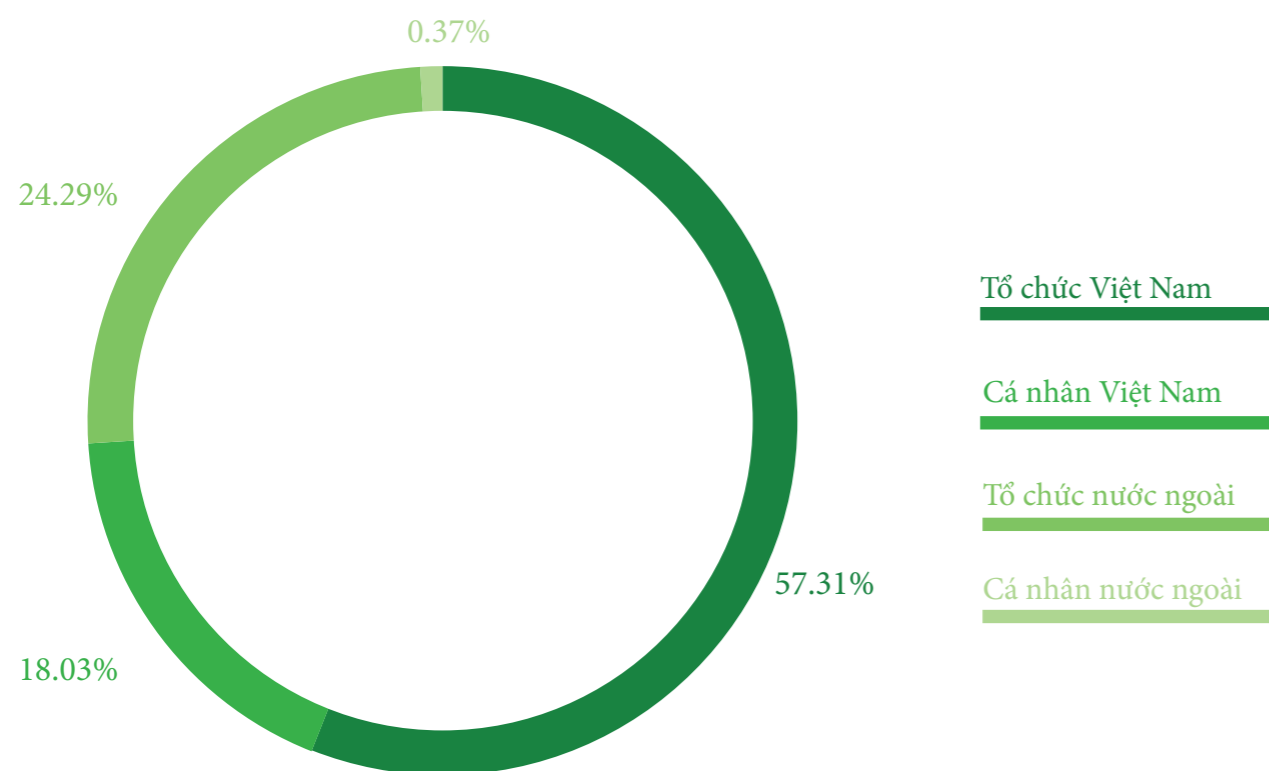


Trên đây là một số hình ảnh hoạt động công tác an sinh xã hội Tổng công ty đã thực hiện trong năm 2014. Có thể kể đến việc bàn giao công trình Nhà chống Nhiễm khuẩn tại Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân, Thanh Hóa; bàn giao Trạm y tế tại xã Xuân Phong, Nam Định; bàn giao công trình trường tiểu học xã Bạch Long, Nam Định; chương trình tặng quà Tết cho người nghèo tại một số địa phương khác.

CHỨNG KHOÁN PVS

CỔ ĐÔNG

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG



DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN	TỶ LỆ SỞ HỮU
1 Tập Đoàn Dầu Khí Việt Nam	229500000	51.38%
2 Nhóm cổ đông do VinaCapital đại diện		
Vietnam Investment Property Holdings Limited	16548022	3,71%
Vietnam Investment Limited	4358600	0,98%
Vietnam Infrastructure Holding LTD	3754348	0,84%

(Dữ liệu tại ngày 19/3/2015)

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ TRONG KỲ

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	SỐ LƯỢNG SỞ HỮU HIỆN TẠI	CÁC GIAO DỊCH ĐÃ THỰC HIỆN TRONG KỲ	
				BÁN	MUA
1	Thái Quốc Hiệp	Chủ tịch HĐQT	357,233	-	-
2	Phan Thanh Tùng	Thành viên HĐQT/TGĐ	45,375	-	-
3	Nguyễn Văn Dân	Thành viên HĐQT	6,956	-	-
4	Phạm Văn Dũng	Thành viên HĐQT	1,295	-	-
5	Nguyễn Văn Mậu	Thành viên HĐQT/PTGD	40,000	-	-
6	Hồ Thị Oanh	Trưởng Ban KS	87	100	-
7	Triệu Văn Nghị	Thành viên BKS	172	-	-
8	Nguyễn Tấn Hòa	Phó TGĐ	219	-	-
9	Nguyễn Trần Toàn	Phó TGĐ	3,546	-	-
10	Lê Mạnh Cường	Phó TGĐ	51,799	-	-
11	Nguyễn Hữu Hải	Phó TGĐ	51,069	-	-
12	Đỗ Quốc Hoan	Phó TGĐ	10,680	13,000	-
13	Nguyễn Xuân Cường	Kế toán trưởng	18	-	-

(Dữ liệu tại ngày 19/3/2015)

HỢP ĐỒNG GIAO DỊCH VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ CỦA TỔNG CÔNG TY

Trong năm 2014 không phát sinh giao dịch giữa Tổng công ty với các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty

QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

Tăng cường đối thoại, đảm bảo minh bạch thông tin và bảo vệ tối đa quyền lợi của các cổ đông, nhằm góp phần nâng cao uy tín thương hiệu là những mục tiêu quan trọng của công tác quan hệ cổ đông, nhà đầu tư mà Tổng công ty luôn nỗ lực hướng tới trong nhiều năm qua.

- Năm 2014, bên cạnh thông lệ tổ chức gặp gỡ các nhà đầu tư của Tổng công ty định kỳ hàng quý, Tổng công ty đã hân hạnh được đón tiếp nhiều Nhà đầu tư quan tâm tìm hiểu thông tin tại trụ sở và thăm các đơn vị. Ngoài ra, Tổng công ty thường xuyên giải đáp các vấn đề liên quan đến quyền và lợi ích của các cổ đông, cung cấp thông tin đầy đủ, đúng quy định về tình hình sản xuất kinh doanh của Tổng công ty cho các cổ đông.

- Nhằm đảm bảo các thông tin công bố được minh bạch và kịp thời, Tổng công ty đã tăng cường áp dụng các giải pháp công nghệ thông tin như: sử dụng hệ thống công bố thông tin qua CIMS của Sở giao dịch chứng khoán; đăng tải, cập nhật các thông tin công bố trên trang Cổ đông tại website của Tổng công ty, đồng thời áp dụng nhiều hình thức công bố khác như đăng báo, tạp chí (đối với Báo cáo tài chính, thư mời họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo phát hành cổ phiếu,...) và dịch vụ công bố thông tin trên thị trường chứng khoán - Ezsearch.

- Ngoài ra, để hỗ trợ các cổ đông và nhà đầu tư có cái nhìn tổng quát và nhanh nhất về thị trường chứng khoán, cổ phiếu PVS, Tổng công ty thường xuyên cung cấp, cập nhật các thông tin tổng hợp, các bài phân tích về chứng khoán PVS và thị trường chứng khoán trên mục Thời sự chứng khoán tại website của Tổng công ty.

- Nhằm đảm bảo tất cả các cổ đông được hưởng đầy đủ các quyền của mình theo quy định, như: quyền tham dự và biểu quyết tại đại hội, quyền nhận cổ tức, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, quyền tiếp cận thông tin..., bộ phận quan hệ cổ đông của Tổng công ty luôn làm việc với tinh thần trách nhiệm cao nhất, đáp ứng các điều kiện tốt nhất, xử lý linh hoạt và nhanh chóng tất cả các yêu cầu từ cổ đông về việc thực hiện quyền cổ đông.

- Năm 2014, bộ phận quan hệ cổ đông của Tổng công ty đã xử lý trên 50 hồ sơ cổ đông đề nghị điều chỉnh thông tin, giải quyết gần 300 hồ sơ thanh toán cổ tức cho cổ đông chưa lưu ký, và nhiều hồ sơ liên quan đến chuyển nhượng quyền sở hữu, cấp lại giấy chứng nhận sở hữu cổ phần, hỗ trợ lưu ký cổ phiếu.

Các sự kiện liên quan đến cổ đông trong kỳ:

- Ngày 19/3/2014: Chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội cổ đông thường niên 2014.
- Ngày 19/4/2014: Tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên 2014
- Ngày 28/7/2014: Chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức năm 2014 bằng tiền (12%).
- Tháng 8/2014 : Tổ chức Analyst Meeting.
- Ngày 19/3/2015: Chốt danh sách cổ đông tham dự ĐHĐCĐ thường niên 2015.
- Ngày 24/4/2015: Tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2015.

CỔ PHIẾU PVS

PVS - THÔNG TIN CƠ BẢN

Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành	446.700.421
Khối lượng cổ phiếu đang niêm yết	446.000.421
Cổ phiếu quỹ	0
Vốn hóa thị trường (tỷ đồng)	10.318,78
Room NN còn lại (%)	23,9 (%)
EPS cơ bản (VNĐ)	3.940
EPS pha loãng (VNĐ)	3.940
P/E	5,86
Giá trị sổ sách /cp (VNĐ)	20.810
Giá giao dịch cao nhất trong năm 2014 (VNĐ)	45.200
Giá giao dịch thấp nhất trong năm 2014 (VNĐ)	20.300

LỊCH SỬ TRẢ CỔ TỨC

Năm	Tỷ lệ chi trả	Ngày chốt danh sách
2007	14%	Ngày 14/03/2008
2008 (đợt 1)	10%	Ngày 20/11/2008
2008 (đợt 2)	5%	Ngày 25/6/2009
2009	20%	Ngày 12/5/2010
2010	15%	Ngày 13/12/2010
2011	20%	Ngày 25/5/2012
2012 (đợt 1)	10%	Ngày 17/1/2013
2012 (đợt 2)	5%	Ngày 5/9/2013
2013	12%	Ngày 28/7/2014
Kế hoạch 2014	12%	Chưa xác định



PVSVƯỢT QUA THÁCH THỨC

Năm 2014, Thị trường chứng khoán Việt Nam đã trải qua một năm biến động khó lường. Xen kẽ trong năm có những yếu tố vĩ mô bất lợi ảnh hưởng đến sự phát triển của TTCK như tình hình Biển Đông, giá dầu quốc tế giảm mạnh và một số điều chỉnh của chính sách tiền tệ. Nhưng trên hết, thị trường đạt được sự tăng trưởng và xác lập mặt bằng cao, vững chắc hơn so với năm trước.

Cổ phiếu nhóm Dầu khí nói chung, PVS nói riêng đã tạo nên cơn bùng nổ và là yếu tố dẫn dắt cả hai chỉ số VN-Index và HNX-Index trong hầu hết các phiên giao dịch của năm 2014. Đánh dấu bằng sự bứt phá vào những tháng đầu năm 2014 với giá đã đạt tới 32.100 đồng/cp, PVS sau đó đã giảm mạnh tại những phiên giao dịch đầu tháng 5 bởi ảnh hưởng của sự kiện Trung Quốc hạ đặt trái phép giàn khoan HD981 tại Biển Đông. Tuy nhiên, với kết quả kinh doanh khả quan và các yếu tố nội tại cơ bản vững mạnh, cùng với đà tăng trưởng chung của thị trường, PVS đã vượt lên mạnh mẽ và lần đầu tiên trở thành cổ phiếu lớn nhất HNX kể từ khi niêm yết, với vốn hóa thị trường đạt hơn 16.600 tỷ đồng, tương đương 13,3% tổng giá trị niêm yết của sàn Hà Nội (tại ngày 18/8/2014 ở mức giá 37.200 đồng/cp), và lập đỉnh sau 5 năm tại mức giá 45.200 đồng/cp vào ngày 16/9/2014, góp phần giúp chỉ số HNX-Index lập đỉnh sau 3 năm (tại mức điểm 92,99). Các yếu tố thuận lợi cả về thông tin vĩ mô nền kinh tế cũng như những kết quả thắng lợi về sản xuất kinh doanh khiến tất cả các nhà đầu tư rất lạc quan. Niềm tin thể hiện qua chuỗi phiên giao dịch tăng điểm và khối lượng giao dịch luôn duy trì ở mức cao. Phiên ngày 19/9/2014 chứng kiến khối lượng kỷ lục của PVS với 9,5 triệu đơn vị được giao dịch, tương đương giá trị gần 400 tỷ đồng được trao tay (không bao gồm giao dịch thỏa thuận).

Tuy nhiên, sự nhạy cảm và dễ tổn thương vốn có của Thị trường chứng khoán lại đứng trước thử thách khó khăn hơn mang tên “Giá dầu”. Nếu sự kiện Biển Đông tác động đến tâm lý nhà đầu tư chứng khoán thuộc nhóm ngành dầu khí chỉ mang tính nhất thời, ở quy mô khu vực thì việc giá dầu lao dốc những tháng cuối năm 2014 lại là vấn đề cơ bản nội tại của các Công ty hoạt động trong lĩnh vực Dầu khí với phạm vi ảnh hưởng toàn cầu. Biểu đồ thể hiện giá Chứng khoán của các công ty hoạt động trong lĩnh vực Dầu mỏ và Biểu đồ giá Dầu thô đang gần như biến thiên đồng dạng. Không nằm ngoài xu hướng đó, chốt phiên năm 2014, giá của PVS đã quay về mức 26.900 đồng/cp giảm 41% so với giá đỉnh của năm (nhưng vẫn cao hơn 25% so với phiên mở cửa năm 2014 - giá 20.300 đồng/cp).

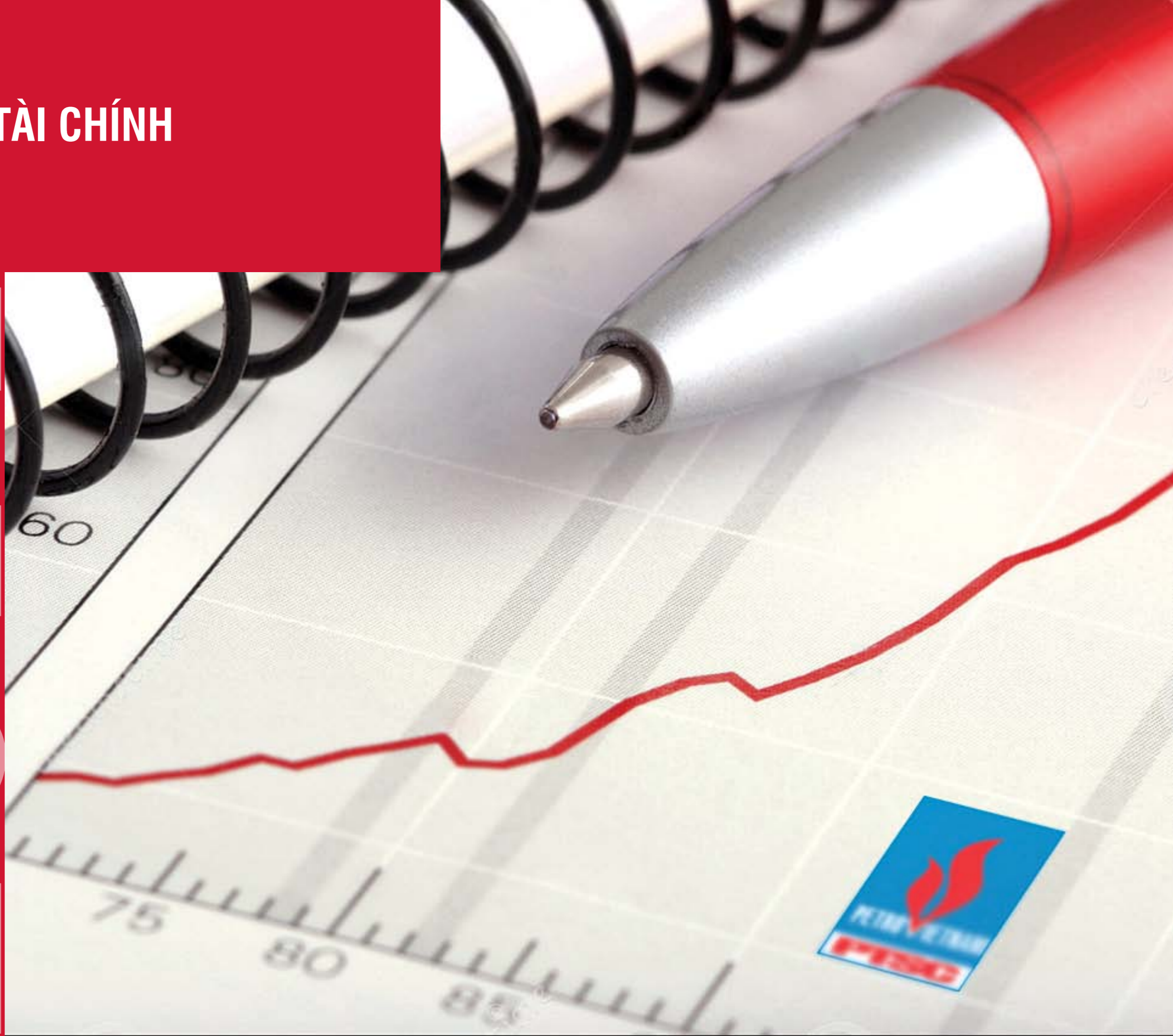
Bước vào năm 2015, yếu tố cơ bản là giá dầu vẫn duy trì ở mức thấp (dao động quanh mức 50USD/thùng) và chưa có tín hiệu khả quan. Giá PVS hiện đang ở mức tạo nên các chỉ số rất hấp dẫn (P/E = 6.22; EPS = 4.060 đồng). Với tình hình khó khăn bởi giá dầu, trong ngắn hạn, kết quả kinh doanh chắc chắn có những ảnh hưởng nhất định. Tuy nhiên, là đơn vị kinh doanh dịch vụ kỹ thuật dầu khí, công nghiệp với ngành nghề tương đối đa dạng, đội ngũ lãnh đạo năng động và dày dặn kinh nghiệm, các giải pháp vượt khó đã và đang được triển khai quyết liệt để duy trì nhịp độ phát triển. Các nhà đầu tư có quyền hi vọng vào một PVS ổn định trước các thách thức hiện tại.

Lịch sử từ những ngày đầu niêm yết cho thấy, PVS thực sự là cổ phiếu của những nhà đầu tư giá trị, với bản lĩnh và sự kiên trì trước sóng gió thị trường.

PVS vẫn sẽ là một BLUECHIP bản lĩnh!

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2014



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAMLầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con được gọi chung là “Tổng công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đã điều hành Tổng công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Thái Quốc Hiệp	Chủ tịch
Ông Phan Thanh Tùng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Mậu	Thành viên (bổ nhiệm ngày 14 tháng 10 năm 2014)
Ông Lê Minh Tiến	Thành viên (miễn nhiệm ngày 21 tháng 7 năm 2014)
Ông Nguyễn Văn Dân	Thành viên
Ông Phạm Văn Dũng	Thành viên
Bà Nguyễn Thanh Hương	Thành viên
Ông Đoàn Minh Mẫn	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phan Thanh Tùng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tấn Hòa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trần Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Mậu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Quốc Hoan	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

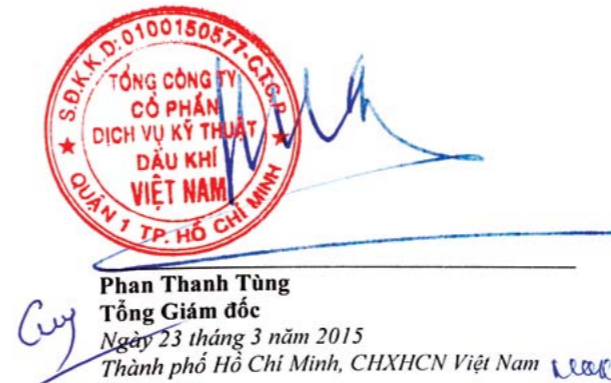
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAMLầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Phan Thanh Tùng
Tổng Giám đốc
Ngày 23 tháng 3 năm 2015
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con được gọi chung là “Tổng công ty”) được lập ngày 23 tháng 3 năm 2015, từ trang 5 đến trang 49, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Võ Thái Hòa
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0138-2013-001-1
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 23 tháng 3 năm 2015
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Đào Thái Thịnh
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1867-2013-001-1

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		17.019.865.844.827	14.274.189.103.314
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	8.199.395.568.055	5.856.522.432.948
1. Tiền	111		4.271.825.574.947	3.768.758.071.985
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.927.569.993.108	2.087.764.360.963
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4.110.000.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		4.110.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		7.533.533.384.926	7.533.115.591.334
1. Phải thu khách hàng	131		5.646.895.381.826	5.691.052.445.269
2. Trả trước cho người bán	132		208.600.589.533	241.445.601.195
3. Các khoản phải thu khác	135	6	1.719.315.800.084	1.627.931.536.499
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(41.278.386.517)	(27.313.991.629)
IV. Hàng tồn kho	140	7	898.590.509.484	715.172.489.050
1. Hàng tồn kho	141		903.248.770.304	718.739.559.325
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.658.260.820)	(3.567.070.275)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		384.236.382.362	169.378.589.982
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		46.904.669.115	45.759.440.870
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		174.003.277.948	82.428.585.076
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		50.630.728.443	21.860.262.638
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		112.697.706.856	19.330.301.398
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260)	200		9.418.575.008.427	9.542.323.732.634
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		30.000.000	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	684.403.704
2. Phải thu dài hạn khác	218		30.000.000	578.011.961
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	(1.262.415.665)
II. Tài sản cố định	220		4.718.143.259.969	5.313.423.672.637
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	4.601.222.404.035	5.280.432.849.351
- Nguyên giá	222		10.674.309.633.119	10.390.923.629.472
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.073.087.229.084)	(5.110.490.780.121)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	25.601.411.271	7.192.244.792
- Nguyên giá	228		58.824.135.445	34.434.831.214
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(33.222.724.174)	(27.242.586.422)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	91.319.444.663	25.798.578.494
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		4.045.642.651.413	3.630.817.465.435
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	12	3.886.533.596.834	3.434.088.882.491
2. Đầu tư dài hạn khác	258	13	197.685.874.301	232.750.449.076
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	13	(38.576.819.722)	(36.021.866.132)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		654.759.097.045	598.082.594.562
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	652.105.153.551	595.432.314.610
2. Tài sản dài hạn khác	268		2.653.943.494	2.650.279.952
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		26.438.440.853.254	23.816.512.835.948

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		15.650.967.735.873	14.119.990.665.342
I. Nợ ngắn hạn	310		12.387.152.455.358	10.496.051.815.426
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	15	751.764.086.591	1.052.154.168.923
2. Phải trả người bán	312		5.118.264.822.271	3.547.067.886.609
3. Người mua trả tiền trước	313		2.090.126.777.779	1.870.980.045.690
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	352.909.921.821	425.645.394.730
5. Phải trả người lao động	315		424.254.456.352	448.860.968.738
6. Chi phí phải trả	316	17	2.257.413.411.257	1.478.702.441.962
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	18	1.173.182.888.149	1.506.475.934.261
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		219.236.091.138	166.164.974.513
II. Nợ dài hạn	330		3.263.815.280.515	3.623.938.849.916
1. Phải trả dài hạn người bán	331	19	132.535.870.219	265.071.740.439
2. Phải trả dài hạn khác	333		636.932.135	596.944.750
3. Vay và nợ dài hạn	334	20	1.827.999.608.092	2.471.700.422.001
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	22	107.157.361.894	5.501.918.305
5. Dự phòng phải trả dài hạn	337	21	1.148.486.853.990	875.639.176.417
6. Doanh thu chưa thực hiện	338		17.195.508.087	5.428.648.004
7. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		29.803.146.098	-
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400		9.351.776.094.550	8.271.188.224.918
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	9.351.776.094.550	8.271.188.224.918
1. Vốn điều lệ	411		4.467.004.210.000	4.467.004.210.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		39.545.660.000	39.539.239.837
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.555.192.138.475	1.129.645.527.690
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		292.018.013.810	213.347.636.321
5. Lợi nhuận chưa phân phối	420		2.998.016.072.265	2.421.651.611.070
C. LỢI ÍCH CÓ ĐỒNG THIỂU SỐ	439	24	1.435.697.022.831	1.425.333.945.688
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		26.438.440.853.254	23.816.512.835.948

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2014	31/12/2013
Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ (USD)	134.350.464	112.270.999
Euro (EUR)	18.933	18.933
Đô la Singapore (SGD)	117.762	-
Bảng Anh (GBP)	2.989	2.131



Nguyễn Quang Chánh
Người lập biểu



Nguyễn Xuân Cường
Kế toán trưởng



Phan Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2015
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 02-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2014		2013	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	31.516.161.203.972	25.429.479.570.872		
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	26	-	10.960.647.543		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	26	31.516.161.203.972	25.418.518.923.329		
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	27	29.070.471.588.799	22.749.774.068.644		
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		2.445.689.615.173	2.668.744.854.685		
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	218.211.425.598	270.416.634.554		
7. Chi phí tài chính	22	30	193.415.402.193	287.592.034.118		
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		95.491.794.579	147.673.940.613		
8. Chi phí bán hàng	24		116.107.066.644	108.408.454.910		
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		710.659.081.658	640.043.470.800		
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		1.643.719.490.276	1.903.117.529.411		
11. Thu nhập khác	31	31	160.933.654.896	95.623.794.485		
12. Chi phí khác	32	32	20.694.364.339	49.598.043.668		
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		140.239.290.557	46.025.750.817		
14. Lợi nhuận thuần từ các công ty liên kết, liên doanh	45	33	543.824.853.736	319.397.075.604		
15. Lợi nhuận trước thuế (50=30+40+45)	50		2.327.783.634.569	2.268.540.355.832		
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	34	402.398.791.071	527.436.010.409		
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	22	101.655.443.589	41.437.184.380		
18. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		1.823.729.399.909	1.699.667.161.043		
<i>Phân phối cho:</i>						
Lợi ích của cổ đông thiểu số	61	23	10.293.170.900	124.078.338.447		
Lợi ích của cổ đông của Tổng công ty	62		1.813.436.229.009	1.575.588.822.596		
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	4.060	3.683		


 Nguyễn Quang Chánh
 Người lập biểu


 Nguyễn Xuân Cường
 Kế toán trưởng


 Phan Thanh Tùng
 Tổng Giám đốc
 Ngày 23 tháng 3 năm 2015
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2014		2013	
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
1. Lợi nhuận trước thuế	01	2.327.783.634.569	2.268.540.355.832		
2. Điều chỉnh cho các khoản:					
Khấu hao tài sản cố định	02	982.679.200.495	975.446.893.645		
Các khoản dự phòng	03	16.348.123.358	20.472.978.742		
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	19.124.728.474	30.596.301.838		
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(154.147.964.541)	(197.159.970.927)		
Chi phí lãi vay	06	95.491.794.579	147.673.940.613		
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	3.287.279.516.934	3.245.570.499.743		
Thay đổi các khoản phải thu	09	(88.425.664.741)	(2.205.303.003.640)		
Thay đổi hàng tồn kho	10	(184.174.496.116)	(74.793.919.957)		
Thay đổi các khoản phải trả	11	1.583.132.549.994	2.015.225.919.185		
Thay đổi chi phí trả trước	12	(57.180.080.060)	(91.929.521.865)		
Tiền lãi vay đã trả	13	(102.733.432.479)	(256.821.750.241)		
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(509.399.228.960)	(542.675.357.067)		
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	16.293.404.013	11.937.498.777		
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(179.574.281.572)	(129.341.670.509)		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	3.765.218.287.013	1.971.868.694.426		
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ					
1. Tiền chi mua và xây dựng tài sản cố định	21	(268.530.345.894)	(437.992.253.330)		
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	9.237.911.657	3.119.511.001		
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(4.110.000.000)	-		
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	36.197.370.505	214.604.964.517		
5. Đầu tư vào các công ty khác và đầu tư dài hạn khác	25	(36.571.200.000)	(1.278.096.220.192)		
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	321.557.196.151		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	140.878.011.344	205.488.767.073		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(122.898.252.388)	(971.318.034.780)		
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH					
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	1.042.307.330.000		
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	28.594.428.783	3.500.000.000		
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(774.463.151.130)	(1.112.517.306.642)		
4. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(573.205.286.335)	(791.875.741.991)		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.319.074.008.682)	(858.585.718.633)		
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	2.323.246.025.943	141.964.941.013		
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	5.856.522.432.948	5.709.908.975.761		
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	19.627.109.164	4.648.516.174		
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	8.199.395.568.055	5.856.522.432.948		

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAMLầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua và xây dựng tài sản cố định không bao gồm số tiền 752.037.147.525 đồng là giá trị tài sản mua sắm chưa thanh toán cho người bán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 639.830.116.868 đồng). Theo đó, một khoản tiền tương ứng được điều chỉnh trên phần biến động các khoản phải trả.

Cổ tức đã trả cho cổ đông không bao gồm số tiền 7.226.542.273 đồng là khoản cổ tức chưa thanh toán cho cổ đông tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 6.512.583.673 đồng). Theo đó, một khoản tiền tương ứng được điều chỉnh trên phần biến động các khoản phải trả.



Nguyễn Quang Chánh
Người lập biểu

Nguyễn Xuân Cường
Kế toán trưởng

Phan Thanh Tùng
Tổng Giám đốc
Ngày 23 tháng 3 năm 2015
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAMLầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con được gọi chung là “Tổng công ty”) được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015198 cấp ngày 29 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 6 số 0100150577 ngày 22 tháng 5 năm 2014 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Cổ phiếu của Tổng công ty được niêm yết chính thức tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 20 tháng 9 năm 2007 với mã chứng khoán là PVS. Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “PVN”) là cổ đông chính và là công ty mẹ của Tổng công ty.

Tổng số nhân viên của Tổng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 9.004 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 6.546 người).

Tổng công ty có 11 công ty con và 07 chi nhánh trực thuộc như sau:

- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam tại Hà Nội
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng PTSC
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban Quản lý dự án Nhiệt điện Long Phú
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí Quảng Bình
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khảo sát Công trình ngầm PTSC
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC
- Công ty TNHH Khảo sát Địa vật lý PTSC CGGV
- Công ty TNHH MTV Khách sạn Dầu khí PTSC
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC
- Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa
- Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ
- Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam.

Hoạt động chính

Dịch vụ phục vụ hoạt động khảo sát địa vật lý - địa chất công trình, dịch vụ lặn, dịch vụ cung cấp ROV phục vụ công tác tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí và công trình công nghiệp, dân dụng; dịch vụ vận hành và bảo dưỡng các công trình khai thác dầu khí; sửa chữa các công trình dầu khí biển; các dịch vụ sinh hoạt dầu khí (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar); dịch vụ quản lý, khai thác các tàu chứa dầu (FSO), tàu chứa xử lý dầu thô (FPSO), các tàu dịch vụ, tàu vận chuyển các sản phẩm dầu và khí; dịch vụ quản lý điều hành kinh doanh, khai thác cảng, căn cứ dịch vụ kỹ thuật dầu khí; dịch vụ quản lý tổ chức thực hiện các hoạt động trong lĩnh vực cơ khí hàng hải; dịch vụ chế tạo, sửa chữa, bảo dưỡng cơ khí, vật tư, thiết bị, thực phẩm phục vụ ngành dầu khí, dịch vụ thử tải, kiểm tra không phá hủy, xử lý nhiệt trước và sau hàn, dịch vụ hạ thủy, nâng hạng nặng, cân.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Những thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho các quy định trong phần XIII của Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”.

Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng các thông tư này đến các báo cáo tài chính hợp nhất trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số liệu thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con là giống nhau.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong Tổng công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty mẹ trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty mẹ có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty mẹ. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty mẹ vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty mẹ tại công ty liên kết đó không được ghi nhận.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty mẹ và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty mẹ lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, các khoản góp vốn liên doanh được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty mẹ vào phần tài sản thuần của công ty liên doanh sau ngày góp vốn vào công ty liên doanh.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, đầu tư tài chính và các khoản ký quỹ.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và chi phí liên quan để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 40
Máy móc, thiết bị	03 - 20
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản khác	04 - 14

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và các phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất lâu dài theo quy định hiện hành thì không tính khấu hao. Phần mềm máy tính được khấu hao trong thời gian 3 năm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cấp có thẩm quyền.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm quyền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền thuê văn phòng, chi phí thiết bị sửa chữa, giá trị còn lại của tài sản cố định không đủ tiêu chuẩn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo thời gian sử dụng của lô đất.

Tiền thuê văn phòng trả trước liên quan đến việc thuê văn phòng Tổng công ty tại tòa nhà số 1-5 Lê Duẩn với thời hạn 50 năm bắt đầu từ tháng 10 năm 2010. Tổng công ty phân bổ khoản tiền thuê này vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo thời gian thuê và diện tích sử dụng hàng năm.

Các chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm các công cụ dụng cụ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng công ty với thời hạn từ một năm trở lên, và tài sản cố định không thỏa mãn điều kiện là tài sản cố định theo hướng dẫn của Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013. Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng thực tế.

Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư vào cổ phiếu với tỷ lệ sở hữu nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư, các khoản cho vay và đầu tư dài hạn khác được hạch toán theo giá gốc bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định hiện hành.

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Tổng công ty là bên cho thuê

Doanh thu từ các khoản cho thuê hoạt động được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Chi phí trực tiếp phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tổng công ty là bên đi thuê

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu khi ký hợp đồng thuê được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAMLầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)****MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng công ty có quyền nhận khoản lãi (trừ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, liên doanh).

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính được tính bằng tỷ lệ giữa khối lượng công việc thực tế hoàn thành và khối lượng công việc theo kế hoạch, hoặc tính bằng tỷ lệ giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc năm tài chính so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Tổng công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng tài sản cố định cho năm tài chính trước khi được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản (được vốn hóa); chi phí đi vay phát sinh sau khi tài sản đã đưa vào sử dụng, kinh doanh được ghi nhận vào chi phí trong năm.

Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAMLầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)****MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp và Tổng công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Tổng công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sâu cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	5.851.935.643	5.953.172.178
Tiền gửi ngân hàng	4.265.737.696.117	3.762.787.202.400
Tiền đang chuyển	235.943.187	17.697.407
Các khoản tương đương tiền	3.927.569.993.108	2.087.764.360.963
	<u>8.199.395.568.055</u>	<u>5.856.522.432.948</u>

Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại trong nước có thời hạn gửi dưới 3 tháng với lãi suất từ 4%/năm đến 6%/năm và bao gồm số tiền 3.146.882.778 đồng là khoản được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo các khoản vay của Tổng công ty và số tiền 2.000.000.000 đồng là khoản ký quỹ để được thực hiện dịch vụ cung ứng lao động.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAMLầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất (i)	124.740.417.492	135.242.585.846
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú - Sông Hậu (ii)	587.655.082.100	561.165.082.100
Công ty Saipem Asia Sdn Bhd (iii)	11.691.853.169	11.691.853.169
Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Tàu Dầu khí Nhơn Trạch (iv)	230.819.875.570	230.819.875.570
Talisman Malaysia Limited (viii)	56.924.499.844	16.483.209.377
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) (xi)	16.850.156.471	2.927.589.014
Công ty Liên doanh Điều hành Cừ Long (xii)	2.020.879.757	3.087.424.212
CGG Services (Singapore) Pte Ltd (xi)	110.355.008	48.426.101.429
Công ty TNHH Một Thành Viên Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí Trong nước (xi)	1.730.764.700	438.604.519
PVEP Overseas Exploration Production Operating Co., Ltd (xi)	9.223.591.072	9.097.799.325
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển công nghệ Điện tử Viễn thông	11.516.550.273	11.516.550.273
Thuế GTGT chưa được khấu trừ	60.908.377.685	27.060.352.873
Thuế GTGT nhà thầu nước ngoài chưa đủ điều kiện được khấu trừ	5.784.454.294	37.859.426.760
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	2.322.297.651	23.719.193.800
Tổ hợp nhà Thầu JGCS (v)	99.000.802.393	-
Công ty Liên doanh PTSC Asia Pacific Pte Ltd (vi)	89.385.784.972	-
Văn phòng điều hành tại TP.HCM - Pearl Oil (Tephrite) Limited (vii)	171.155.857.061	-
Ban Quản lý dự án công trình Liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn (ix)	52.345.374.030	-
Công ty SK Engineering & Construction Co., Ltd (x)	28.743.632.143	-
Văn phòng điều hành		
Murphy Nha Trang Oil Co., Ltd	10.298.289.965	-
Boskalis International B.V	3.775.555.347	-
Talisman Vietnam 135 - 136 B.V	3.954.942.900	-
Văn phòng điều hành Công ty TNHH Origin Energy (Song Hong) - Lô 121	9.540.977.852	-
TL Offshore Sdn Bhd	9.990.954.859	-
Japan Vietnam Petroleum Corporation (JVPC)	5.013.338.694	-
CGG Services (Malaysia) Sdn Bhd (xi)	6.713.954.986	-
CGG Services SA (xi)	5.530.556.379	-
Liên doanh Dầu khí Việt Nga (xi)	-	15.747.405.061
PT CGG Services Indonesia (xi)	-	128.543.085.418
Công ty Liên doanh Điều hành Hoàng Long	-	19.724.468.088
Giá trị XDCB điều chỉnh tạm thời của Kiểm toán Nhà nước năm 2012	-	11.316.565.122
Văn phòng đại diện của Eni Vietnam BV - Lô 120	-	8.066.649.677
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	-	228.630.275.888
Công ty Cổ phần Thương Mại Dầu khí (Petechim)	-	18.360.000.000
Gulf Marine Far East (Pte) Ltd	-	4.059.696.445
Yinson Offshore Ltd	-	4.262.499.740
Phải thu khác	101.566.623.417	69.685.242.793
	1.719.315.800.084	1.627.931.536.499

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAMLầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

- (i) Phải thu khác từ Công ty Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất là khoản phải thu về việc chuyển nhượng 15 triệu cổ phần sở hữu tại Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Tàu dầu khí Nhơn Trạch (trước đây là Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Phương tiện nổi PTSC). Khoản phải thu này có thể được bù trừ với khoản công nợ phải trả liên quan đến dự án này cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam sau khi việc chuyển nhượng dự án Nhà máy Đóng tàu Đặc chủng Nhơn Trạch được phê duyệt chính thức.
- (ii) Khoản phải thu từ Ban Quản lý Dự án Điện Lực Dầu Khí Long Phú - Sông Hậu - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam bao gồm khoản phải thu từ doanh thu trích trước theo tiến độ hoàn thành từ mốc số 9 đến mốc số 16 của hạng mục san lấp mặt bằng và doanh thu phí quản lý.
- (iii) Khoản phải thu từ Công ty Saipem Asia Sdn Bhd là khoản chi hộ của dịch vụ đại lý tàu biển mà Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí thực hiện cho Công ty Saipem Asia Sdn Bhd.
- (iv) Phải thu khác từ Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Tàu Dầu khí Nhơn Trạch thể hiện khoản phải thu liên quan đến việc chuyển giao giá trị xây dựng cơ bản dở dang của Dự án Nhà máy Đóng tàu Đặc chủng Nhơn Trạch mà Tổng công ty nhận bàn giao từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "PVN") theo Nghị quyết số 7090/NQ-DKVN ngày 12 tháng 8 năm 2010 của PVN và Nghị quyết số 2047/NQ-DVKT-HDQT ngày 05 tháng 7 năm 2011 của Tổng công ty. Khoản phải thu này có thể được điều chỉnh và được bù trừ với khoản công nợ phải trả liên quan đến dự án này cho PVN sau khi việc chuyển nhượng dự án Nhà máy Đóng tàu Đặc chủng Nhơn Trạch được phê duyệt chính thức.
- (v) Khoản phải thu Tổ hợp nhà thầu JGCS là khoản phải thu trích trước doanh thu dịch vụ thực hiện các gói thầu UGPX, Tank 04, SFF2 thuộc Dự án xây dựng nhà máy lọc dầu Nghi Sơn.
- (vi) Phải thu khác từ Công ty Liên doanh PTSC Asia Pacific Pte Ltd là chủ yếu khoản tiền đầu mua hộ PTSC Asia Pacific từ Lam Son POC để chạy thử hệ thống máy phát điện.
- (vii) Khoản phải thu Pearl Oil (Tephrite) Limited là khoản phải thu trích trước doanh thu về cung cấp dịch vụ khảo sát địa chấn ba chiều (3D) ở Lô 04-2 ngoài khơi thềm lục địa Việt Nam, thuộc dự án Mubadala Việt Nam.
- (viii) Khoản phải thu Talisman Malaysia Limited là khoản phải thu về trích trước doanh thu dịch vụ đã cung cấp trong năm 2014 cho Talisman Malaysia Limited.
- (ix) Khoản phải thu Ban Quản lý dự án công trình Liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn là khoản phải thu về trích trước doanh thu khối lượng thi công nạo vét thuộc dự án nạo vét Cảng Nghi Sơn theo hợp đồng số 01 và 02/2013/HD/LDNS.
- (x) Khoản phải thu Công ty SK Engineering & Construction Co., Ltd là khoản phải thu về trích trước doanh thu thi công xây dựng cầu cảng gói thầu B2 đã thực hiện trong năm 2014 thuộc dự án xây dựng nhà máy lọc dầu Nghi Sơn.
- (xi) Phải thu khác từ CGG Services (Singapore) Pte Ltd, Tập Đoàn Dầu khí Việt Nam, Công ty Liên doanh Điều hành Cừ Long, Công ty TNHH Một Thành Viên Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí Trong nước, PVEP Overseas Exploration Production Operating Co., Ltd, là những khoản trích trước doanh thu của dịch vụ khảo sát địa chấn 2D/3D đã thực hiện trong năm 2014.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAMLầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***7. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	3.034.660.599	3.314.387.789
Nguyên liệu, vật liệu	147.919.120.379	142.644.312.563
Công cụ, dụng cụ	16.915.174.403	9.542.370.236
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	729.575.235.940	555.428.278.750
Hàng hóa	5.804.578.983	7.810.209.987
	903.248.770.304	718.739.559.325
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(4.658.260.820)	(3.567.070.275)
	898.590.509.484	715.172.489.050

(*) Chi tiết chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú	274.383.581.140	266.751.089.849
Dự án Ruby A Gaslift	10.744.625.541	86.734.905.657
Dự án Huc Mộc Tinh	-	26.703.440.438
Dự án Bio Ethanol	64.070.272.727	68.951.881.380
Dịch vụ tàu dầu khí	-	53.538.470.711
Dịch vụ căn cứ cảng	-	18.772.064.355
Dự án MLS - Maharaja Lela South	142.262.779.762	-
Dự án Pipeline Thái Bình Hàm Rồng	126.288.439.590	-
Dịch vụ sửa chữa thay thế xích neo cho Mỏ Đại Hùng	13.317.849.342	-
Dự án nạo vét Cảng Nghi Sơn	15.984.472.469	-
Dự án nhà máy lọc dầu Nghi Sơn Jetty	196.457.882	-
Dự án nhà máy lọc dầu Nghi Sơn SMP9	11.136.658.756	-
Dịch vụ FSO/FPSO	-	13.696.724.603
Khác	71.190.098.731	20.279.701.757
	729.575.235.940	555.428.278.750

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAMLầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND		
NGUYÊN GIÁ											
Tại ngày 01/01/2014	1.347.165.346.495	2.924.717.793.928	1.338.544.738.527	6.036.933.473.935	87.794.423.849	2.933.199.233	10.390.923.629.472	207.924.541.739	80.964.941.371	10.108.449.682	5.240.731.012
Mua sắm trong năm	164.952.097.459	15.864.231.952	98.772.420.972	70.761.794.463	20.663.531.252	1.862.563.100	-	-	-	-	(19.903.570.344)
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	314.702.656	75.385.886.569	5.579.054.802	-	-	-	-	-	-	-	(949.089.813)
Tăng do mua bán, chuyển đổi	1.640.330.184	925.575.697	155.000.000	7.469.372.468	1.558.501.517	-	-	-	-	-	10.108.449.682
Tăng khác	-	5.240.731.012	-	-	-	-	-	-	-	-	5.240.731.012
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(5.062.146.418)	(14.279.916.637)	(561.507.289)	-	-	-	-	-	(19.903.570.344)
Giảm khác	-	-	(267.200.000)	-	(681.889.813)	-	-	-	-	-	(949.089.813)
Tại ngày 31/12/2014	1.514.072.476.794	3.022.134.219.158	1.437.721.867.883	6.100.884.724.229	108.773.059.516	4.795.762.333	10.674.309.633.119	1.671.985.008	6.073.087.229.084	6.073.087.229.084	10.674.309.633.119
GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ											
Tại ngày 01/01/2014	1.347.165.346.495	1.347.165.346.495	551.480.638.431	3.148.293.325.670	62.330.778.568	1.220.690.957	5.110.490.780.121	977.137.492.871	4.231.006.003	1.640.330.184	5.110.490.780.121
Trích khấu hao trong năm	164.952.097.459	15.864.231.952	179.837.501.056	615.677.929.907	16.218.670.398	451.294.051	977.137.492.871	4.231.006.003	1.640.330.184	(19.611.774.742)	977.137.492.871
Tăng do mua bán, chuyển đổi	314.702.656	314.702.656	53.819.448	3.259.385.671	603.098.228	-	-	-	-	-	4.231.006.003
Tăng khác	1.640.330.184	1.640.330.184	-	-	-	-	-	-	-	-	1.640.330.184
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(4.916.318.709)	(14.133.948.744)	(561.507.289)	-	-	-	-	-	(19.611.774.742)
Giảm khác	-	-	(103.451.965)	(44.908.342)	(652.245.046)	-	-	-	-	-	(800.605.353)
Tại ngày 31/12/2014	1.514.072.476.794	1.514.072.476.794	726.352.188.261	3.753.051.784.162	77.938.794.859	1.671.985.008	6.073.087.229.084	6.073.087.229.084	6.073.087.229.084	6.073.087.229.084	6.073.087.229.084
GIÁ TRỊ CÒN LẠI											
Tại ngày 31/12/2014	1.508.061.742.364	1.508.061.742.364	711.369.679.622	2.347.832.940.067	30.834.264.657	3.123.777.325	4.601.222.404.035	4.601.222.404.035	4.601.222.404.035	4.601.222.404.035	4.601.222.404.035
Tại ngày 31/12/2013	1.577.552.447.433	1.577.552.447.433	787.064.100.096	2.888.640.148.265	25.463.645.281	1.712.508.276	5.280.432.849.351	5.280.432.849.351	5.280.432.849.351	5.280.432.849.351	5.280.432.849.351

Như trình bày tại Thuyết minh số 20, Tổng công ty đã thế chấp các tài sản hình thành từ vốn vay với nguyên giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 4.118.965 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 4.304.009 triệu đồng) để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 2.066.522 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 1.972.575 triệu đồng).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2014	1.310.220.000	33.124.611.214	-	34.434.831.214
Mua trong năm	-	23.446.114.231	-	23.446.114.231
Tăng do mua bán, chuyển đổi	-	911.190.000	32.000.000	943.190.000
Tại ngày 31/12/2014	1.310.220.000	57.481.915.445	32.000.000	58.824.135.445
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2014	-	27.242.586.422	-	27.242.586.422
Khấu hao trong năm	-	5.533.686.062	8.021.562	5.541.707.624
Tăng do mua bán, chuyển đổi	-	420.381.611	18.048.517	438.430.128
Tại ngày 31/12/2014	-	33.196.654.095	26.070.079	33.222.724.174
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2014	1.310.220.000	24.285.261.350	5.929.921	25.601.411.271
Tại ngày 31/12/2013	1.310.220.000	5.882.024.792	-	7.192.244.792

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
PTSC Tower Vũng Tàu	8.620.653.020	8.620.653.020
Phần mềm Quản lý nhân sự tiền lương	-	1.079.746.500
Cầu tháp 16 tầng số 03	4.039.334.818	-
Văn phòng làm việc PTSC Hà Nội	2.784.490.476	1.925.111.065
Phần mềm giải pháp PDMS	-	4.935.870.720
Máy cắt thép tấm CNC	-	3.358.044.916
Nâng cấp bến Sà lan Cảng Phú Mỹ	-	3.523.360.000
Đầu tư xây dựng mở rộng cầu Cảng Đình Vũ	3.444.071.479	600.244.983
Cải tạo xử lý nước thải KSDK Vũng Tàu	1.047.770.000	-
Đầu tư Bến số 2- Cảng Tổng Hợp Dung Quất	51.440.892.500	-
Hệ thống thu gom và trạm xử lý nước thải tập trung	15.746.865.753	-
Dự án nâng cấp cầu Cảng PTSC Thanh Hóa	2.105.470.000	-
Xây dựng cơ bản dở dang khác	2.089.896.617	1.755.547.290
	91.319.444.663	25.798.578.494

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Tên công ty con	Địa điểm	Tỷ lệ sở hữu %		Hoạt động chính
		Theo giấy phép đầu tư	Theo vốn thực góp	
Công ty TNHH MTV Dịch vụ cơ khí Hàng hải PTSC	Việt Nam	100,00	100,00	Dịch vụ chế tạo, lắp đặt công trình dầu khí
Công ty TNHH MTV Khách sạn Dầu khí PTSC	Việt Nam	100,00	100,00	Dịch vụ khách sạn
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khảo sát và Công trình ngầm PTSC	Việt Nam	100,00	100,00	Dịch vụ khảo sát và công trình ngầm
Công ty TNHH Khảo sát Địa vật lý PTSC CGGV	Việt Nam	51,00	51,00	Dịch vụ thu nhận dữ liệu địa chấn 2D, 3D
Công ty Cổ phần Dịch vụ dầu khí Quảng Ngãi PTSC	Việt Nam	95,19	95,19	Thương mại, xây dựng
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC	Việt Nam	84,95	84,95	Vận hành và bảo dưỡng công trình dầu khí
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa	Việt Nam	54,69	54,69	Dịch vụ căn cứ cảng
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	Việt Nam	51,00	51,00	Dịch vụ căn cứ cảng
Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	Việt Nam	51,00	51,00	Dịch vụ khai thác kho chứa nổi FSO, FPSO
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ	Việt Nam	59,61	59,61	Dịch vụ căn cứ cảng
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam (i)	Việt Nam	51,00	69,91	Dịch vụ dầu khí

- (i) Ngày 17 tháng 10 năm 2013, Hội đồng Quản trị Tổng công ty đã ban hành nghị quyết số 802/NQ-DVKT-HĐQT về việc nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam (PV Security). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tổng công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 420.000 cổ phần của Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn tại công ty PV Security, theo đó, số lượng cổ phần sở hữu của Tổng công ty tại PV Security tăng từ 1.110.000 cổ phần, tương đương 37% vốn điều lệ lên 1.530.000 cổ phần, tương đương 51% vốn điều lệ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, PV Security đã trở thành công ty con của Tổng công ty theo quy định.

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Giá trị khoản đầu tư gốc	2.820.333.240.787	2.799.062.040.787
Phần kết quả thuần từ các công ty liên kết, liên doanh:		
Lũy kế các năm trước	635.026.841.704	449.856.787.600
Lợi nhuận trong năm	543.824.853.736	319.397.075.604
Trừ: Cổ tức được chia trong năm	(111.215.970.000)	(134.227.021.500)
Điều chỉnh lợi nhuận các năm trước	(1.435.369.393)	-
	3.886.533.596.834	3.434.088.882.491

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAMLầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết, liên doanh tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Tên công ty	Địa điểm	Tỷ lệ sở hữu %		Hoạt động chính
		Theo giấy phép đầu tư	Theo vốn thực góp	
Công ty Liên doanh Rông Đồi MV12	Singapore	33,00	33,00	Dịch vụ đầu khí
Malaysia Vietnam Offshore Terminal Limited (i)	Malaysia	49,00	49,00	Dịch vụ khai thác kho chứa nổi FSO, FPSO
Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited (ii)	Malaysia	60,00	60,00	Dịch vụ khai thác kho chứa nổi FSO, FPSO
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Dầu khí Sao Mai - Bến Đình	Việt Nam	42,05	42,05	Dịch vụ căn cứ cảng
Công ty Cổ phần chế tạo Giàn khoan Dầu khí	Việt Nam	28,75	28,75	Dịch vụ chế tạo, lắp đặt công trình dầu khí
Công ty Liên doanh PTSC South East Asia Pte Ltd (iii)	Singapore	51,00	51,00	Dịch vụ khai thác kho chứa nổi FSO, FPSO
Công ty Liên doanh PTSC Asia Pacific Pte Ltd (iv)	Singapore	51,00	51,00	Dịch vụ khai thác kho chứa nổi FSO, FPSO
Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp Dịch vụ Dầu khí Sơn Trà (v)	Việt Nam	49,95	49,95	Dịch vụ căn cứ cảng

(i) Malaysia Vietnam Offshore Terminal Limited (gọi tắt là "MVOT") là liên doanh đồng kiểm soát được thành lập giữa Tổng công ty và đối tác Malaysia International Shipping Corporation Berhard từ năm 2009 để đầu tư kho nổi FSO "Orkid" sức chứa 650.000 thùng dầu để cho khách hàng Talisman Malaysia Limited thuê trong vòng 10 năm, phục vụ khai thác dầu ngoài khơi tại khu vực chông lán thương mại PM-3 giữa Việt Nam và Malaysia. Kho nổi FSO "Orkid" đã đi vào hoạt động từ năm 2009.

(ii) Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited là liên doanh đồng kiểm soát được thành lập giữa Tổng công ty và đối tác Malaysia International Shipping Corporation Berhard từ năm 2009, trong đó Tổng công ty chiếm 60% vốn sở hữu, quản lý, và khai thác kho nổi chứa dầu FPSO "Ruby II" phục vụ hoạt động thăm dò khai thác dầu khí của khách hàng Petronas. Từ tháng 6 năm 2010, kho nổi "FPSO Ruby II" đã bắt đầu hoạt động và đưa vào vận hành khai thác.

(iii) Công ty Liên doanh PTSC South East Asia Pte Ltd (gọi tắt là "PTSC SEA") là liên doanh đồng kiểm soát được thành lập trong tháng 9 năm 2011 bởi Tổng công ty cùng với đối tác Yinson Holdings Berhad (Malaysia) theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 474/BKHDT-DTRNN do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 31 tháng 10 năm 2011 để đầu tư đóng mới và cho thuê kho nổi chứa, xuất dầu (FSO) phục vụ Dự án Biên Đông 1. Dự án có tổng vốn đầu tư là 149.318.329 Đô la Mỹ, tương đương 3.071.478 triệu đồng, trong đó vốn góp là 37.329.582 Đô la Mỹ chiếm 25% vốn đầu tư, còn lại là vốn vay. Trong đó vốn góp của Tổng công ty là 19.038.087 Đô la Mỹ, tương đương 391.613 triệu đồng chiếm 51% vốn điều lệ. Hoạt động của liên doanh là đầu tư và sở hữu FSO "PTSC Biển Đông 01"; cho Tổng công ty thuê tàu trần FSO; tiếp thị và cho thuê tàu sau khi hết hạn hợp đồng; các nội dung công việc khác theo điều lệ công ty. PTSC SEA đã đi vào hoạt động từ năm 2011. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2014, Tổng công ty đã thực hiện góp vốn vào Liên doanh PTSC SEA là 16.320.000 Đô la Mỹ, tương đương 340.800.232.500 đồng.

(iv) Công ty Liên doanh PTSC Asia Pacific Pte Ltd (gọi tắt là "PTSC AP") là liên doanh đồng kiểm soát, được thành lập trong năm 2012 bởi Tổng công ty cùng đối tác Yinson Holding Berhad theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 561/BKHDT-DTRNN ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư để góp vốn đầu tư kinh doanh kho nổi chứa, xuất và xử lý dầu (FPSO) cho Công ty Điều hành chung Lam Sơn (Lam Sơn JOC) thuê phục vụ phát triển lô 01/97 và lô 02/97 thuộc vùng trũng Cửu Long tại vùng biển Việt Nam. Dự án có tổng vốn đầu tư là 429.977.481 Đô la Mỹ, tương đương 9.113.372.709.795 đồng, trong đó, vốn góp của các bên là 119.996.426 Đô la Mỹ chiếm 27,9% vốn đầu tư, còn lại là vốn vay. Trong đó, Tổng công ty góp là 61.198.177 Đô la Mỹ, tương đương 1.272.922.081.600 đồng chiếm 51% vốn điều lệ. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tổng công ty đã thực hiện góp vốn vào Liên doanh PTSC AP là 51.000.000 Đô la Mỹ, tương đương 1.069.026.300.000 đồng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAMLầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

(v) Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp Dịch vụ Dầu khí Sơn Trà là Công ty cổ phần được thành lập từ vốn góp của Tổng công ty, Công ty TNHH MTV Cảng Đà Nẵng và một cá nhân khác theo Giấy Đăng ký kinh doanh số 0401539487 cấp ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng. Công ty có vốn điều lệ là 250.000.000.000 đồng, trong đó vốn góp của Tổng công ty là 124.875.000.000 đồng, tương đương 49,95% vốn điều lệ của Công ty.

13. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Cho vay Công ty Liên doanh Rông Đồi MV12 (i)	63.902.830.591	98.967.405.366
Đầu tư góp vốn vào công ty cổ phần khác	133.783.043.710	133.783.043.710
	197.685.874.301	232.750.449.076
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (ii)	(38.576.819.722)	(36.021.866.132)
	159.109.054.579	196.728.582.944

(i) Khoản cho vay Công ty Liên doanh Rông Đồi MV12 được hưởng lãi suất BBA LIBOR cộng biên độ cố định và sẽ được hoàn trả hết vào ngày 30 tháng 9 năm 2016. Khoản cho vay nói trên được thực hiện theo thỏa thuận của Hợp đồng số 235-2006/PTSC-TCKT/MDV ngày 22 tháng 11 năm 2006 với Công ty Liên doanh Rông Đồi MV Pte, Ltd., và không có bảo đảm. Mục đích của khoản cho vay này nhằm cung cấp vốn đóng mới tàu "Rông Đồi MV12" (FSO). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, số dư khoản cho vay này tương đương 2.988.907 Đô la Mỹ, tương đương 63.902.830.591 đồng.

(ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tổng công ty đã xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư dài hạn khác và trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư này theo các quy định hiện hành.

Chi tiết biến động trong năm và năm trước của các khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Đầu tư dài hạn khác
	VND
Tại ngày 31/12/2012	15.441.609.335
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	20.675.870.467
Hoàn nhập dự phòng	(95.613.670)
Tại ngày 31/12/2013	36.021.866.132
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	2.554.953.590
Tại ngày 31/12/2014	38.576.819.722

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAMLầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuê văn phòng tại số 1-5 Lê Duẩn (i)	313.390.953.975	317.886.539.863
Thuê đất tại Khu kinh tế Đình Vũ (ii)	124.616.395.331	128.470.510.655
Chi phí sửa chữa tàu Bình Minh 02	6.436.940.821	15.019.528.597
Chi phí vật tư, thiết bị tàu CGG Amadeus, Bình Minh 02 (iii)	123.310.141.986	108.716.320.328
Giá trị còn lại của TSCĐ không đủ tiêu chuẩn theo TT45 chờ phân bổ	265.057.729	2.017.650.859
Giá trị công cụ dụng cụ chờ phân bổ	642.441.361	2.086.515.337
Phân bổ chi phí sửa chữa tàu PTSC Surveyor	884.263.660	4.421.318.308
Chi phí trang thiết bị, dụng cụ nội thất văn phòng mới	7.087.084.058	1.646.419.718
Chi phí sửa chữa tàu PTSC Researcher 106	13.882.764.492	-
Chi phí pre operation dự án FPSO Lam Sơn	42.536.101.769	-
Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác	19.053.008.369	15.167.510.945
	<u>652.105.153.551</u>	<u>595.432.314.610</u>

- (i) Khoản trả trước tiền thuê văn phòng tại số 1-5 Lê Duẩn bắt đầu từ tháng 10 năm 2010, thời hạn thuê 50 năm. Tổng công ty phân bổ khoản tiền thuê này vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo thời gian thuê và diện tích sử dụng hàng năm.
- (ii) Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ đã thực hiện thuê 138.269 m² đất tại Khu kinh tế Đình Vũ - Hải Phòng của Công ty Liên doanh TNHH Phát triển Đình Vũ (nay là Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Đình Vũ) với mục đích đầu tư xây dựng Căn cứ Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí và Cảng phục vụ Khu Công nghiệp. Thời hạn thuê đất từ tháng 10 năm 2007 đến tháng 4 năm 2047. Giá trị quyền sử dụng đất thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ tháng 7 năm 2008 đến hết thời hạn của hợp đồng thuê đất.
- (iii) Chi phí vật tư, thiết bị tàu CGG Amadues, Bình Minh 02 thể hiện các khoản chi phí sửa chữa, bảo trì các thiết bị trên tàu Amadues và Bình Minh 02. Chi phí thiết bị được phân bổ theo phương pháp đường thẳng từ 2 năm đến 6 năm.

15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vay ngắn hạn	5.463.872.936	228.630.275.888
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 20)	746.300.213.655	823.523.893.035
	<u>751.764.086.591</u>	<u>1.052.154.168.923</u>

Khoản vay ngắn hạn thể hiện khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương được đảm bảo bằng tiền gửi có kỳ hạn. Khoản vay này được giải ngân bằng Đồng Việt Nam với lãi suất là 7,7%/năm, ngày đáo hạn là ngày 16 tháng 01 năm 2015.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAMLầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	69.099.721.128	56.158.384.238
Thuế xuất, nhập khẩu	17.268.174	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	153.537.065.312	231.089.022.957
Thuế thu nhập cá nhân	22.023.558.796	20.659.990.884
Các loại thuế khác	108.232.308.411	117.737.996.651
	<u>352.909.921.821</u>	<u>425.645.394.730</u>

Chi tiết tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế với Nhà nước theo từng loại thuế như sau:

	31/12/2013	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	56.158.384.238	1.204.987.964.003	1.192.046.627.113	69.099.721.128
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	90.415.625.888	90.415.625.888	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	908.501.799	908.501.799	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	27.836.222.456	27.818.954.282	17.268.174
Thuế thu nhập doanh nghiệp	209.235.499.003	403.070.066.827	509.399.228.960	102.906.336.870
Thuế thu nhập cá nhân	20.653.252.200	172.086.887.717	170.716.581.122	22.023.558.795
Thuế tài nguyên	-	877.650.001	877.650.001	-
Thuế nhà đất	-	4.279.259.813	4.253.796.026	25.463.787
Thuế môn bài	-	53.000.000	53.000.000	-
Các loại thuế khác	117.737.996.651	881.734.800.193	891.265.952.220	108.206.844.624
Các khoản khác	-	706.538.492	706.538.492	-
	<u>403.785.132.092</u>	<u>2.786.956.517.189</u>	<u>2.888.462.455.903</u>	<u>302.279.193.378</u>

Trong đó

Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	21.860.262.638	50.630.728.443
Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	425.645.394.730	352.909.921.821

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAMLầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Dự án Biển Đông	542.570.393.646	376.007.151.363
Dự án Maharaja Lela South (MLS)	336.111.283.249	-
Dự án Hải Sư Trắng Đen	330.407.263.475	534.661.402.034
Chi phí thực hiện dịch vụ tàu CGG Amadeus, Bình Minh 02	103.586.367.328	47.355.178.996
Dự án Sư Tử Nâu	127.221.130.859	-
Giá vốn Dự án Nạo vét Cảng Nghi Sơn	37.146.692.300	-
Giá vốn dịch vụ thực hiện cho Dự án Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn	130.755.252.186	-
Trích chi phí dự án Thái Bình Hàm Rồng	42.922.266.838	-
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú	96.572.281.670	96.572.281.670
Chi phí dịch vụ khảo sát địa chấn, địa chất và khảo sát công trình ngầm	30.510.134.076	-
Dự án Booster Compressor	2.477.411.076	31.064.607.924
Trích giá vốn liên quan đến cung cấp dịch vụ cho Talisman	41.444.878.536	-
Chi phí hoạt động khảo sát tàu địa chấn 2D/3D	-	100.083.268.686
Lãi vay phải trả các Tổ chức tín dụng	15.479.172.332	28.089.718.081
Lãi vay phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	104.637.167.612
Lãi trả chậm phải trả PVEP do nhận chuyển nhượng tàu Bình Minh 02	13.253.587.022	16.566.983.777
Dự án Thăng Long - Đông Đô	27.728.599.736	8.242.348.865
Chi phí hoạt động tàu FPSO Ruby II	8.248.328.571	12.312.448.662
Dự án khối thượng tầng giàn Công nghệ trung tâm Heera (HRD)	88.975.832.848	72.664.480.009
Trích trước chi phí sửa chữa lớn Sà lan PTSC 01 và POS 01	32.557.029.441	13.488.000.000
Trích trước dự án Huc Zawtica & Cow	-	10.952.047.938
Chi phí dự phòng Dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú	147.505.000.000	-
Trích trước chi phí hoạt động tàu FPSO Lam Sơn	9.828.882.901	-
Dự án Sư Tử Trắng	8.572.399.818	-
Trích trước chi phí dự án vận chuyển ống cho TLO	12.805.849.919	-
Chi phí marketing	6.604.699.124	-
Chi phí thuê bãi Vinashin	5.000.000.000	-
Dự án Ruby B Gastlift	5.909.043.537	-
Chi phí phải trả khác	53.219.630.769	26.005.356.345
	<u>2.257.413.411.257</u>	<u>1.478.702.441.962</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAMLầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (i)	382.752.004.016	651.690.052.096
Tổng công ty Công nghiệp Tàu Thủy ("Vinashin") (ii)	400.700.531.130	392.423.879.800
Công ty Điều hành chung Lam Sơn (iii)	83.202.468.286	-
Tổng công ty Xây dựng Đường Thủy (iv)	55.561.395.338	10.686.875.586
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (iv)	40.518.408.320	9.141.595.771
Tiền lương thưởng phải trả người lao động	48.404.069.023	21.289.294.687
Phải trả cổ tức các cổ đông	7.226.542.273	6.512.583.673
Liên doanh PTSC Asia Pacific Pte Ltd	-	210.710.000.000
Gulf Marine Far East (Pte) Ltd	-	19.360.675.470
Intermore Pte Ltd	-	19.526.026.027
Công ty TNHH Một thành viên Cảng Thanh Hóa (thuộc UBND Thanh Hóa)	39.338.750.137	39.338.750.137
PC Vietnam Limited ("Petronas")	-	8.273.086.586
Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí trong nước	-	6.736.023.440
Nordic Maritime Pt. Ltd	6.414.000.000	6.321.300.000
Mastek Oil Tools Sdn.Bhd	-	15.526.461.240
Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam	-	5.647.399.623
Các khoản khác liên quan đến hoạt động SXKD OffShore Ltd	9.637.417.250	10.694.553.341
Chi Cục Hải Quan Cửa Khẩu Cảng Dung Quất	7.552.986.709	-
Tạm thu thuế TNCN người lao động	12.284.228.892	-
Thuế nhà thầu phải nộp	9.901.812.844	-
Thuế nhà thầu phải nộp	6.554.086.832	-
Khác	63.134.187.099	72.597.376.784
	<u>1.173.182.888.149</u>	<u>1.506.475.934.261</u>

(i) Khoản phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam bao gồm các khoản chính như giá trị chuyển nhượng Nhà máy Đóng tàu Nhơn Trạch 355.559.451.500 đồng và các khoản phải trả khác liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

(ii) Khoản phải trả cho Vinashin là khoản thanh toán đợt cuối chi phí đóng mới kho nổi chứa dầu FSO5 mà Công ty mẹ là chủ đầu tư và Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam (Vinashin) là nhà thầu thực hiện.

(iii) Khoản phải trả cho Công ty Điều hành chung Lam Sơn ("Lam Sơn POC") là chủ yếu khoản tiền đầu mua hộ PTSC Asia Pacific từ Lam Sơn POC để chạy thử hệ thống máy phát điện.

(iv) Khoản phải trả Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam, Tổng công ty Xây dựng Đường thủy là khoản phải trả liên quan đến Dự án Nạo vét cảng Nghi Sơn được giữ lại theo thỏa thuận liên danh đã ký kết.

19. PHẢI TRẢ DÀI HẠN NGƯỜI BÁN

Phải trả dài hạn người bán thể hiện khoản công nợ liên quan đến giá trị chuyển nhượng tàu Bình Minh 02 từ Tổng Công ty Thăm dò và Khai thác Dầu khí. Khoản nợ này được thanh toán đều trong vòng 8 năm với số tiền 66.267.935.110 đồng/năm, kể từ ngày 04 tháng 11 năm 2011 và kết thúc vào ngày 01 tháng 01 năm 2018.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAMLầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***20. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Đồng Việt Nam	634.763.611.654	895.459.691.297
Đô la Mỹ	1.939.536.210.093	2.399.764.623.739
	2.574.299.821.747	3.295.224.315.036

Vay dài hạn bằng Đồng Việt Nam bao gồm các khoản vay từ các ngân hàng thương mại cổ phần trong nước. Các khoản vay này có lãi suất vay từ lãi suất từ 4,1%/năm đến 10,5%/năm.

Vay dài hạn bằng Đô la Mỹ bao gồm các khoản vay từ các ngân hàng thương mại cổ phần trong nước và các chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam. Các khoản lãi vay này có lãi suất vay từ 1,63%/năm đến 5,65%/năm.

Mục đích các khoản vay dài hạn của Tổng công ty chủ yếu là đầu tư tài sản dài hạn như Cảng, tàu dịch vụ dầu khí, thiết bị chuyên ngành dịch vụ kỹ thuật dầu khí phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và góp vốn liên doanh các dự án FSO/FPSO với các đối tác nước ngoài.

Các khoản vay dài hạn được bảo lãnh bởi Tập đoàn Dầu khí Việt Nam hoặc bảo đảm bằng tài sản và chi phí xây dựng cơ bản dở dang hình thành từ các khoản vay như đã trình bày trong Thuyết minh số 8 hoặc không có bảo đảm.

Số dư các khoản vay bằng Đô la Mỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 tương đương 90.717.310 Đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 113.863.135 Đô la Mỹ).

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Trong vòng 1 năm	746.300.213.655	823.523.893.035
Năm thứ 2	1.209.681.880.620	757.947.843.922
Từ năm thứ 3 đến năm thứ 5	585.398.262.499	1.622.859.278.217
Trên 5 năm	32.919.464.973	90.893.299.862
	2.574.299.821.747	3.295.224.315.036

Trừ số vay dài hạn phải trả trong vòng 1 năm

(trình bày trong phần vay và nợ ngắn hạn)

(Thuyết minh số 15)

Số phải trả sau 12 tháng

	746.300.213.655	823.523.893.035
	1.827.999.608.092	2.471.700.422.001

21. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện khoản dự phòng bảo hành các công trình dầu khí tại Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAMLầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***22. THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI**

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả do Tổng công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm và năm trước.

	Chi phí phải trả và các khoản dự phòng khác VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện VND	Lợi nhuận chưa thực hiện VND	Khấu hao TSCĐ VND	Lợi nhuận từ công ty liên doanh VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2013	33.508.706.840	(7.245.817.063)	5.576.953.747	100.639.194.524	(96.543.771.973)	35.935.266.075
Chi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	23.727.826.948	1.742.742.549	(4.444.979.900)	(33.295.242.931)	(29.167.531.046)	(41.437.184.380)
Tại ngày 31/12/2013	57.236.533.788	(5.503.074.514)	1.131.973.847	67.343.951.593	(125.711.303.019)	(5.501.918.305)
Chi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	(9.829.425.344)	(1.341.159.503)	2.581.415.412	(18.062.394.998)	(75.003.879.156)	(101.655.443.589)
Tại ngày 31/12/2014	47.407.108.444	(6.844.234.017)	3.713.389.259	49.281.556.595	(200.715.182.175)	(107.157.361.894)

Một số khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được bù trừ theo quy định kế toán hiện hành cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(207.559.416.192)	(131.214.377.533)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	100.402.054.298	125.712.459.228
	(107.157.361.894)	(5.501.918.305)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, công ty con là Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC có các khoản lỗ tính thuế là 407.564.359.506 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 430.088.941.645 đồng) có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai. Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC không ghi nhận tài sản thuế hoãn lại cho khoản lỗ này do không chắc chắn về lợi nhuận thu được trong tương lai. Khoản lỗ này có thể được mang sang trong thời hạn tối đa 5 năm kể từ năm phát sinh lỗ, theo đó, khoản lỗ này sẽ hết hạn vào năm 2017.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAMLầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần	31/12/2014	31/12/2013
- Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	446.700.421	446.700.421
- Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng	446.700.421	446.700.421
- Số lượng cổ phần đang lưu hành	446.700.421	446.700.421

Tổng công ty chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Tổng công ty.

Chi tiết vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Theo Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi, vốn đầu tư và vốn điều lệ của Tổng công ty là 4.467.004.210.000 đồng (năm 2013: 4.467.004.210.000 đồng). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Tại ngày 31/12/2014		Tại ngày 31/12/2013	
	Tỷ lệ %	VND	Tỷ lệ %	VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	51,38	2.295.000.000.000	51,38	2.295.000.000.000
Công ty TNHH Vina Capital				
Corporate Financial Việt Nam	6,12	273.403.700.000	-	-
Nhóm quỹ FTIF-Templeton				
Frontier Markets	5,79	258.800.740.000	6,14	274.181.740.000
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam ("PVcombank")	3,14	140.196.000.000	5,84	260.945.000.000
Các cổ đông khác	33,57	1.499.603.770.000	36,64	1.636.877.470.000
	100,00	4.467.004.210.000	100,00	4.467.004.210.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAMLầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Thay đổi của vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Các quỹ VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2013	2.978.020.940.000	486.222.151.515	11.368.196.468	1.201.827.912.561	1.618.854.509.603	6.296.293.710.147
Tăng vốn điều lệ	1.488.983.270.000	(446.675.940.000)	-	-	-	1.042.307.330.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	1.699.667.161.043	1.699.667.161.043
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	(124.078.338.447)	(124.078.338.447)
Trích lập các quỹ	-	-	-	145.677.698.472	(309.814.421.463)	(164.136.722.991)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(521.152.304.500)	(521.152.304.500)
PTSC M&C tăng vốn điều lệ từ vốn và quỹ khác	-	-	(10.123.134.893)	(3.593.293.177)	13.716.428.070	-
Điều chỉnh Lợi ích cổ đông thiểu số năm trước	-	-	-	-	34.373.000.506	34.373.000.506
Thanh lý khoản đầu tư công ty con	-	-	-	-	6.554.412.671	6.554.412.671
Khác	-	(6.971.678)	(1.245.061.575)	(919.153.845)	3.531.163.587	1.359.976.489
Tại ngày 31/12/2013	4.467.004.210.000	39.539.239.837	1.245.061.575	1.342.993.164.011	2.421.651.611.070	8.271.188.224.918
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	1.813.436.229.009	1.813.436.229.009
Điều chỉnh mua PVS	-	-	-	3.357.513.142	4.032.829.340	7.390.342.482
Trích lập các quỹ	-	-	-	500.859.475.132	(698.443.805.057)	(197.584.329.925)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(536.040.505.200)	(536.040.505.200)
Điều chỉnh lợi nhuận các công ty liên doanh, liên kết các năm trước	-	-	-	-	(1.435.369.393)	(1.435.369.393)
Khác	-	6.420.163	-	-	(5.184.917.504)	(5.178.497.341)
Tại ngày 31/12/2014	4.467.004.210.000	39.545.660.000	1.245.061.575	1.847.210.152.285	2.998.016.072.265	9.351.776.094.550

Theo Nghị quyết số 380/QĐ-DVKT-ĐHDCD ngày 19 tháng 4 năm 2014 của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam, các cổ đông của Công ty mẹ đã phê duyệt tỷ lệ chia cổ tức của năm 2013 là 12% trên mệnh giá cổ phần với số tiền 536.040.505.200 đồng, trích Quỹ dự phòng tài chính là 57.581.519.955 đồng, trích Quỹ khen thưởng và phúc lợi là 138.195.647.893 đồng, trích Quỹ đầu tư phát triển là 419.812.726.060 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tổng công ty đã thực hiện chi trả cổ tức cho năm 2013 và đã thực hiện trích lập các quỹ theo nghị quyết nêu trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU B 09 - DN/HN

24. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con. Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số được xác định như sau:

Đơn vị: VND

	Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng công trình dầu khí biển PTSC	Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ
Vốn điều lệ của công ty con (đồng)	400.000.000.000	200.000.000.000	300.000.000.000	350.000.000.000
<i>Trong đó:</i>				
Vốn phân bổ cho Tổng công ty (đồng)	339.800.000.000	102.000.000.000	285.570.000.000	208.635.000.000
Vốn phân bổ cho cổ đông thiểu số (đồng)	60.200.000.000	98.000.000.000	14.430.000.000	141.365.000.000
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số	15.05%	49.00%	4.81%	40.39%

	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	Công ty TNHH Khảo sát Địa vật lý PTSC-CGGV	Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	Tổng
	400.000.000.000	400.000.000.000	1.171.498.641.420	21.885.800.000	3.243.384.441.420
	218.760.000.000	204.000.000.000	597.815.756.717	15.300.000.000	1.971.880.756.717
	181.240.000.000	196.000.000.000	573.682.884.703	6.585.800.000	1.271.503.684.703
	45.31%	49.00%	48.97%	30.09%	

Lợi ích của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh trong năm như sau:

Đơn vị: VND

	Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng công trình dầu khí biển PTSC	Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ
Lợi nhuận trong năm (đồng)	408.499.081.246	42.646.770.389	16.693.438.639	13.924.877.149
Lợi nhuận của cổ đông thiểu số (đồng)	61.471.962.994	20.896.917.491	802.342.306	5.623.860.027

	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	Công ty TNHH Khảo sát Địa vật lý PTSC-CGGV	Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	Tổng
	17.667.782.088	26.044.598.776	(207.331.638.981)	7.515.710.892	325.660.620.198
	8.004.697.861	12.761.853.400	(101.530.065.167)	2.261.601.988	10.293.170.900

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của các công ty con
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

	Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng công trình dầu khí biên PTSC	Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	Công ty TNHH Khảo sát Địa vật lý PTSC-CGGV	Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	Tổng
Tổng tài sản	2.832.468.166.290	524.559.203.572	842.907.702.320	498.284.192.678	529.958.947.680	658.626.357.185	2.344.430.183.391	95.867.524.096	8.327.102.277.212
Tổng nợ phải trả	1.901.472.750.295	274.460.615.692	922.828.762.198	132.079.790.494	102.546.296.318	241.812.335.127	1.077.216.912.204	60.796.538.854	4.713.214.001.182
Tài sản thuần	930.995.415.995	250.098.587.880	(79.921.059.878)	366.204.402.184	427.412.651.362	416.814.022.058	1.267.213.271.187	35.070.985.242	3.613.888.276.030
<i>Chi tiết như sau:</i>									
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	400.000.000.000	200.000.000.000	300.000.000.000	350.000.000.000	400.000.000.000	400.000.000.000	1.171.498.641.420	21.885.800.000	3.243.384.441.420
Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-	-	(140.000.000)	(140.000.000)	--	(140.000.000)	(140.000.000)
Quỹ đầu tư phát triển	8.715.964.235	1.558.742.623	2.488.791.808	9.300.175.388	9.171.641.621	-	-	3.201.824.016	34.437.139.691
Quỹ dự phòng tài chính	29.120.000.000	4.653.235.786	2.218.458.743	581.260.962	573.227.654	573.227.654	1.600.912.009	381.700.952.009	38.747.095.154
Lợi nhuận chưa phân phối/ (Lỗ lũy kế)	493.159.451.760	43.886.609.471	(384.628.310.429)	6.322.965.834	17.667.782.087	16.954.022.058	95.714.629.767	8.382.449.217	297.459.599.765
Lợi ích của cổ đông thiểu số									
<i>Chi tiết như sau:</i>									
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	60.193.000.000	98.000.000.000	14.419.000.000	141.355.000.000	181.227.000.000	196.000.000.000	573.681.537.420	6.585.800.000	1.271.461.337.420
Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-	-	(68.600.000)	(68.600.000)	--	(68.600.000)	(68.600.000)
Quỹ đầu tư phát triển	1.311.600.088	763.783.885	119.619.630	3.756.075.120	4.155.372.740	-	-	963.481.920	11.069.933.383
Quỹ dự phòng tài chính	4.382.050.400	2.280.085.535	106.626.522	234.754.695	259.710.820	259.710.820	481.740.960	7.741.974.090	7.744.968.932
Lợi nhuận chưa phân phối/ (Lỗ lũy kế)	74.211.867.199	21.504.438.641	(18.486.518.694)	2.553.665.244	8.004.697.861	8.307.470.808	46.871.344.120	2.522.417.917	145.489.383.096
	140.098.517.687	122.548.308.061	(3.841.272.542)	147.899.495.059	193.646.781.421	204.238.870.808	620.552.881.540	10.553.440.797	1.435.697.022.831

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU B 09 - DN/HN

25. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng công ty được chia thành bảy bộ phận kinh doanh với hoạt động chủ yếu như sau:

Bộ phận kinh doanh

Dịch vụ tàu kỹ thuật dầu khí
Dịch vụ cung ứng tàu chứa và xử lý dầu thô FSO/FPPO
Dịch vụ khảo sát địa chấn địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng thiết bị ROV

Cung cấp dịch vụ cấn cứ cặng

Cơ khí, đóng mới và xây lắp
Sửa chữa, vận hành và lắp đặt

Cung cấp các dịch vụ khác

Hoạt động

Cho thuê và cho thuê lại tàu dịch vụ dầu khí

Dịch vụ cung cấp kho nổi, chứa, xử lý và xuất dầu thô

Cung cấp dịch vụ quản lý, vận hành tàu khảo sát địa chấn 2D, 3D, khảo sát địa chất, khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng thiết bị ROV

Cung cấp dịch vụ cấn cứ cặng, cho thuê văn phòng và cung cấp dịch vụ khác có liên quan

Gia công, lắp ráp, chế tạo các cấu kiện, thiết bị dầu khí

Sửa chữa, vận hành, lắp đặt và bảo dưỡng các công trình khai thác dầu khí

Cung cấp các dịch vụ khác phục vụ cho ngành dầu khí

Tổng công ty lập báo cáo bộ phận theo bảy bộ phận kinh doanh như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014:

	Dịch vụ tàu kỹ thuật dầu khí	Dịch vụ cung ứng tàu chứa và xử lý dầu thô FSO/FPPO	Khảo sát địa chấn, địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng thiết bị ROV	Dịch vụ cấn cứ cặng	Cơ khí, đóng mới và xây lắp	Sửa chữa, bảo dưỡng, vận hành và xây dựng lắp đặt công trình biển	Dịch vụ khác	Loại trừ	Tổng
Tài sản									
Tài sản bộ phận	2.875.338.577.599	3.826.753.352.989	3.072.589.383.475	4.309.396.063.152	9.407.284.151.333	3.288.649.360.450	419.102.812.303	(4.212.779.326.469)	22.986.334.374.832
Lãi từ công ty liên kết									1.066.200.356.047
Tài sản không phân bổ									2.385.906.122.375
Tổng tài sản hợp nhất									26.438.440.853.254
Nợ phải trả									
Nợ phải trả bộ phận	2.882.818.979.209	1.574.519.598.780	1.861.492.388.214	2.099.922.993.998	8.384.084.602.267	2.306.521.735.797	112.239.514.170	(4.212.779.326.469)	15.008.820.485.966
Nợ phải trả không phân bổ									642.147.249.907
Tổng nợ phải trả hợp nhất									15.650.967.735.873

Đơn vị: VND

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU B 09 - DN/HN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013:

	Dịch vụ tàu kỹ thuật dầu khí	Dịch vụ cung ứng tàu chứa và xử lý dầu thô FSO/FPPO	Khảo sát địa chấn, địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng thiết bị ROV	Dịch vụ cấn cứ cặng	Cơ khí, đóng mới và xây lắp	Sửa chữa, bảo dưỡng, vận hành và xây dựng lắp đặt công trình biển	Dịch vụ khác	Loại trừ	Tổng
Tài sản									
Tài sản bộ phận	3.950.157.803.115	3.324.152.944.199	3.644.560.087.326	4.465.165.109.962	6.937.519.536.823	2.040.666.681.074	340.027.294.432	(3.865.067.468.483)	20.837.181.988.448
Lãi từ công ty liên kết	-	-	-	-	-	-	-	-	635.026.841.704
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	2.344.304.005.796
Tổng tài sản hợp nhất									23.816.512.835.948
Nợ phải trả									
Nợ phải trả bộ phận	3.734.679.583.793	1.174.247.351.168	2.238.411.605.130	2.808.083.569.616	6.172.700.523.962	1.475.375.291.159	138.603.304.788	(3.865.067.468.483)	13.877.039.066.237
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	242.951.599.105
Tổng nợ phải trả hợp nhất									14.119.990.665.342

Đơn vị: VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) MẪU B 09 - DN/HN
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

26. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2014	2013
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng	3.573.228.237.295	2.425.390.134.332
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	19.647.625.179.744	15.491.755.044.363
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	8.295.307.786.933	7.512.334.392.177
	31.516.161.203.972	25.429.479.570.872
Các khoản giảm trừ doanh thu		
- Giảm giá hàng bán	-	423.147.543
- Chiết khấu thương mại	-	10.537.500.000
	31.516.161.203.972	25.418.518.923.329

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2014	2013
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	3.419.784.979.482	2.300.117.624.394
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	17.679.687.745.126	13.316.343.617.453
Giá vốn hợp đồng xây dựng	7.970.998.864.191	7.133.312.826.797
	29.070.471.588.799	22.749.774.068.644

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2014	2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.815.399.749.076	5.142.801.151.977
Chi phí nhân công	2.628.792.483.957	1.963.908.513.478
Chi phí khấu hao tài sản cố định	982.679.200.495	975.446.893.645
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.679.230.141.123	14.731.159.541.611
Chi phí khác	516.169.854.693	754.969.286.672
	33.622.271.429.344	23.568.285.387.383

29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2014	2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	142.736.236.861	195.623.036.075
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	4.251.257.500
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	75.475.140.226	68.254.130.922
Lãi thanh lý các khoản đầu tư dài hạn	-	2.109.158.145
Doanh thu hoạt động tài chính khác	48.511	179.051.912
	218.211.425.598	270.416.634.554

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) MẪU B 09 - DN/HN
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2014	2013
	VND	VND
Chi phí lãi vay	95.491.794.579	147.673.940.613
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	54.555.328.864	44.114.549.108
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	19.124.728.474	30.596.301.838
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	1.094.697.330
Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn	2.554.953.590	20.580.256.797
Chi phí tài chính khác	21.688.596.686	43.532.288.432
	193.415.402.193	287.592.034.118

31. THU NHẬP KHÁC

	2014	2013
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	10.528.694.729	3.119.511.001
Thu từ bồi thường	23.487.546.542	18.740.452.573
Hoàn nhập các chi phí liên quan đến dự án sửa chữa tàu biển Nghi Sơn	29.621.687.266	-
Hoàn nhập các chi phí liên quan đến dự án nhà máy đóng tàu Nhơn Trạch	18.320.980.480	-
Hoàn nhập khoản trích trước lãi phải trả dự án bến số 1, 2 Cảng Nghi Sơn - Thanh Hoá	51.900.455.018	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản đem đi góp vốn	-	6.903.284.511
Thu nhập cung cấp nhân sự quản lý cho MVOT	10.410.540.000	25.258.369.270
Hoàn nhập dự phòng chi phí thanh lý tàu Ruby Princess	-	20.319.272.698
Hoàn nhập bảo hành dự án Topaz	7.474.540.648	-
Các khoản thu nhập khác	9.189.210.213	21.282.904.432
	160.933.654.896	95.623.794.485

32. CHI PHÍ KHÁC

	2014	2013
	VND	VND
Phạt, bồi thường	1.844.236.434	21.574.579.826
Chi thanh lý tài sản cố định	1.290.783.072	2.597.036.964
Chi phí dự án Cảng quốc tế PVTrans đã dừng triển khai	-	5.833.899.600
Chi tài trợ xây dựng Trường cấp II Hoàng Xuân Hãn	3.000.000.000	-
Các khoản chi phí khác	14.559.344.833	19.592.527.278
	20.694.364.339	49.598.043.668

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAMLầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

33. LỢI NHUẬN THUẦN TỪ CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	5.806.828.970	(60.126.368.169)
Công ty Liên doanh Rông Đồi MV12	7.633.904.772	22.281.341.857
Malaysia VietNam Offshore Terminal Limited	133.346.688.843	120.401.897.637
Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited	(2.427.350.335)	19.124.617.908
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai Bến Đình	555.589.384	444.219.410
Công ty Cổ phần Bảo vệ An ninh Dầu khí		2.070.493.455
Công ty Liên doanh PTSC SEA	261.955.817.126	215.607.284.427
Công ty Liên doanh PTSC AP	138.657.006.647	(892.114.046)
Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp - Dịch vụ Dầu khí Sơn Trà	(1.703.631.671)	485.703.125
	<u>543.824.853.736</u>	<u>319.397.075.604</u>

34. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận trước thuế	2.327.783.634.569	2.268.540.355.832
Điều chỉnh lợi nhuận năm trước	-	(13.687.770.538)
Các khoản điều chỉnh tăng	510.054.403.774	491.295.678.184
Các khoản điều chỉnh giảm	(850.659.802.660)	(528.402.006.611)
Thu nhập chịu thuế	1.987.178.235.683	2.217.746.256.867
Chuyển lỗ các năm trước	(22.524.582.139)	(15.693.309.217)
Thu nhập tính thuế	1.964.653.653.544	2.202.052.947.650
Thuế thu nhập doanh nghiệp	432.223.803.780	550.513.236.913
Miễn giảm thuế (i)	(9.633.447.464)	(3.029.072.722)
Điều chỉnh thuế	(20.191.565.243)	(20.048.153.782)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thuần	<u>402.398.791.071</u>	<u>527.436.010.409</u>

Theo Thông tư số 78/2014/TT- BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Công ty mẹ và các công ty con có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 22% từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 và thuế suất 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 trên thu nhập chịu thuế.

(i) Miễn giảm thuế chủ yếu thể hiện số thuế được miễn trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo của Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ và Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAMLầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

35. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty mẹ được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Tổng công ty	1.813.436.229.009	1.575.588.822.596
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.813.436.229.009	1.575.588.822.596
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	446.700.421	427.853.220
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>4.060</u>	<u>3.683</u>

36. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tổng công ty có các khoản cam kết thuê tàu hoạt động; thuê đất tại Vũng Tàu với mục đích làm văn phòng cho Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí và Công ty Cổ phần Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC; thuê đất với mục đích kinh doanh dịch vụ Cảng của Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ; thuê tài sản với mục đích kinh doanh dịch vụ khách sạn của Công ty TNHH MTV Khách sạn Dầu khí PTSC không hủy ngang với tổng số tiền thuê là 2.875.778 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 1.016.964 triệu đồng).

Các hợp đồng thuê tàu được ký với thời hạn từ 1 năm đến 5 năm tính từ năm 2013. Hợp đồng thuê đất tại Vũng Tàu được ký với kỳ hạn thuê là 50 năm tính từ năm 2002. Thỏa thuận trong hợp đồng thuê tài sản đến năm 2021.

37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Tổng công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 15 và 20, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Tổng công ty (bao gồm vốn điều lệ, thặng dư vốn cổ phần, các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản vay	2.579.763.694.683	3.523.854.590.924
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	8.199.395.568.055	5.856.522.432.948
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	9.351.776.094.550	8.271.188.224.918
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>-</u>	<u>-</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAMLầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.199.395.568.055	5.856.522.432.948
Phải thu khách hàng và phải thu khác	7.324.962.795.393	7.291.669.990.139
Đầu tư tài chính	159.109.054.579	196.728.582.944
Các khoản ký quỹ	115.351.650.350	21.980.581.350
Tổng cộng	15.798.819.068.377	13.366.901.587.381
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	2.579.763.694.683	3.523.854.590.924
Phải trả người bán và phải trả khác	7.517.476.755.468	6.167.049.804.130
Chi phí phải trả	2.257.413.411.257	1.478.702.441.962
Tổng cộng	12.354.653.861.408	11.169.606.837.016

Tổng công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tổng công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá các khoản đầu tư và giá hàng hóa), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Rủi ro này được Tổng công ty quản trị bằng chính sách cân đối nguồn thu và chi ngoại tệ nhằm đảm bảo giảm thiểu rủi ro về tỷ giá thông qua việc ký kết hợp đồng với các khách hàng theo đối ứng ngoại tệ phải trả cho nhà cung cấp và điều chỉnh linh hoạt giá bán hàng hoặc giá cung cấp dịch vụ khi có sự biến động lớn về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAMLầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	8.303.999.643.650	7.452.433.742.526	5.557.748.268.060	5.073.887.497.916
Bảng Anh (GBP)	97.858.222	6.303.774.358	1.575.903.529	6.135.753.123
Euro (EUR)	474.720.597	541.578.835	11.031.403.493	1.832.023.638
Đô la Singapore (SGD)	1.866.054.297	6.466.886.581	13.217.059.863	16.586.826.102

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Tổng công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Tổng công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 1% so với Đô la Mỹ. Tỷ lệ thay đổi 1% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 1% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng 1% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Tổng công ty sẽ tăng/(giảm) các khoản tương ứng như sau:

	2014	2013
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	27.462.513.756	23.785.462.446

Dựa trên sự phân tích tương tự cho các ngoại tệ khác thì không có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tổng công ty chịu rủi ro lãi suất khi các đơn vị thuộc Tổng công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Tổng công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Tổng công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 sẽ giảm/tăng 46.555.672.691 đồng (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 sẽ giảm/tăng 52.810.187.057 đồng).

Quản lý rủi ro về giá các khoản đầu tư

Tổng công ty chịu rủi ro về giá của các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Hội đồng Quản trị của Tổng công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Tổng công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAMLầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng công ty. Tổng công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tổng công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Tổng công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phù hợp giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phải sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng công ty phải trả. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Tổng công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 – 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.199.395.568.055	-	-	8.199.395.568.055
Phải thu khách hàng và phải thu khác	7.324.962.795.393	-	-	7.324.962.795.393
Đầu tư tài chính	-	159.109.054.579	-	159.109.054.579
Các khoản ký quỹ	112.697.706.856	2.653.943.494	-	115.351.650.350
Tổng cộng	15.637.056.070.304	161.762.998.073	-	15.798.819.068.377
31/12/2014				
Các khoản vay	751.764.086.591	1.795.080.143.119	32.919.464.973	2.579.763.694.683
Phải trả người bán và phải trả khác	7.280.610.953.114	236.827.802.354	38.000.000	7.517.476.755.468
Chi phí phải trả	2.257.413.411.257	-	-	2.257.413.411.257
Tổng cộng	10.289.788.450.962	2.031.907.945.473	32.957.464.973	12.354.653.861.408
Chênh lệch thanh khoản thuần	5.347.267.619.342	(1.870.144.947.400)	(32.957.464.973)	3.444.165.206.969
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 – 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.856.522.432.948	-	-	5.856.522.432.948
Phải thu khách hàng và phải thu khác	7.291.669.990.139	-	-	7.291.669.990.139
Đầu tư tài chính	-	160.948.555.561	35.780.027.383	196.728.582.944
Các khoản ký quỹ	19.330.301.398	2.650.279.952	-	21.980.581.350
Cộng	13.167.522.724.485	163.598.835.513	35.780.027.383	13.366.901.587.381
31/12/2013				
Các khoản vay	1.052.154.168.923	2.380.807.122.139	90.893.299.862	3.523.854.590.924
Phải trả người bán và phải trả khác	5.025.741.942.524	1.141.307.861.606	-	6.167.049.804.130
Chi phí phải trả	1.478.702.441.962	-	-	1.478.702.441.962
Cộng	7.556.598.553.409	3.522.114.983.745	90.893.299.862	11.169.606.837.016
Chênh lệch thanh khoản thuần	5.610.924.171.076	(3.358.516.148.232)	(55.113.272.479)	2.197.294.750.365

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAMLầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

38. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ
Ban quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn	Công ty trong Tập đoàn PVN
Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú Sông Hậu	Công ty trong Tập đoàn PVN
Ban quản lý Dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất	Công ty trong Tập đoàn PVN
Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	Công ty trong Tập đoàn PVN
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	Công ty trong Tập đoàn PVN
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	Công ty trong Tập đoàn PVN
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	Công ty trong Tập đoàn PVN
Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Dầu khí	Công ty trong Tập đoàn PVN
Tổng công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	Công ty trong Tập đoàn PVN
Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	Công ty trong Tập đoàn PVN
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Công ty trong Tập đoàn PVN
Tổng công ty Công nghệ năng lượng Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ p	Công ty trong Tập đoàn PVN
Tổng công ty Dung dịch khoan & Hóa phẩm Dầu khí - Công ty Cổ phả	Công ty trong Tập đoàn PVN
Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	Công ty trong Tập đoàn PVN
Tổng công ty Phân bón và hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	Công ty trong Tập đoàn PVN
Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	Công ty trong Tập đoàn PVN
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	Công ty trong Tập đoàn PVN
Tổng công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần	Công ty trong Tập đoàn PVN
Tổng công ty Dầu Việt Nam	Công ty trong Tập đoàn PVN
Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp dầu khí	Công ty trong Tập đoàn PVN
Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau	Công ty trong Tập đoàn PVN
Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Công ty trong Tập đoàn PVN

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Trong năm, Tổng công ty đã có các giao dịch trọng yếu sau với các bên liên quan:

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	8.777.764.566	758.017.792.712
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	30.262.015.835	35.666.719.499
Ban quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn	525.171.582.365	28.582.404.428
Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú Sông Hậu	26.673.456.000	18.893.926.400
Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	794.118.548.584	1.896.902.323.653
Tổng công ty Phân bón và hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	56.860.345.195	3.758.995.842
Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	679.330.328.621	3.799.854.078
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	88.804.102.263	4.888.242.329
Tổng công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	84.452.267.877	125.188.037.728
Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	8.888.751.599	8.939.955.000
Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp dầu khí	21.696.012.254	13.579.851.296
Tổng công ty Dung dịch khoan & Hóa phẩm Dầu khí - Công ty Cổ phần	64.196.241.124	41.660.324.235
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	331.374.556.079	280.850.673.095
Tổng công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần	-	2.107.490.926
Tổng công ty Dầu Việt Nam	614.200.093	2.490.364.244
Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau	9.563.197.808	-
Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	10.582.079.687	-
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	12.845.062.223	8.801.029.998
	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>

Chi phí lãi vay		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	34.563.214.776	49.538.678.196

Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm:

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền lương và các khoản thu nhập khác	14.798.258.223	15.527.863.636

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Số dư với các bên liên quan:

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản phải thu		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.633.504.194	4.580.315.570
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	30.991.247.047	18.473.875.576
Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	1.875.755.310	7.171.374.343
Tổng công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	27.894.552.013	49.000.669.734
Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	1.777.110.030	4.254.769.478
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	3.749.097.717	2.709.341.693
Tổng công ty Dầu Việt Nam	527.591.353	918.940.058
Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	54.582.444.790	5.970.175.906
Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	1.488.549.560	10.159.091.019
Tổng công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần	1.432.781.848	9.751.021.867
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	14.740.122.147	6.513.479.106
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú Sông Hậu	442.519.421.436	442.519.421.436
Tổng công ty Dung dịch khoan & Hóa phẩm Dầu khí - Công ty Cổ phần	17.101.243.976	7.193.244.591
Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	148.086.003.194	736.548.467.927
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	5.103.370.822	4.152.619.603
Ban quản lý Dự án Công trình Liên hợp lọc hóa dầu Nghi Sơn	70.647.079.041	-
Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau	14.638.025.942	-
Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	995.937.211	-

Trả trước cho người bán		
Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	-	73.838.109.358
Tổng công ty Công nghệ năng lượng Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	1.316.952.000	1.301.175.000
Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	2.190.360.938	1.365.372.431
Tổng công ty CP Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	1.305.777.000	-

Các khoản phải thu khác		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	16.850.156.471	2.927.589.014
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	-	228.630.275.888
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú Sông Hậu	587.655.082.100	561.165.082.100
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	355.560.293.062	366.062.461.416
Ban quản lý dự án Công trình liên hợp lọc hóa dầu Nghi Sơn	52.345.374.030	-
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	1.892.898.197	1.502.213.982

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải trả		
Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp dầu khí	103.343.940.905	108.411.358.633
Tổng công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	39.610.321.438	32.674.250.812
Tổng công ty Công nghệ năng lượng Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	1.134.150.638	2.630.261.701
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	19.587.497.969	27.281.978.123
Tổng công ty Dầu Việt Nam	8.258.364.149	9.880.549.209
Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	265.071.740.439	331.339.675.549
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	21.066.031.627	12.790.568.758
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	92.400.000	836.080.938
Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	50.950.862.754	8.544.942.891
Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí (PVTrans)	184.538.450	-
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	-	2.170.560.392
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	72.150.000
Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	804.286.664	7.959.841.947
Tổng công ty Dung dịch khoan & Hóa phẩm Dầu khí - Công ty Cổ phần	-	1.764.165.795
Ngân hàng Thương mại CP Đại chúng Việt Nam	77.000.000	-
Tổng công ty Phân bón và hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ Phần	56.591.385	-
Tổng công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần	29.330.715	-
Người mua trả tiền trước		
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú Sông Hậu	1.331.640.082.386	1.325.908.043.665
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	174.510.601	48.528.274.692
Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	224.677.744.137	173.645.399.729
Ban quản lý dự án Công trình liên hợp lọc hóa dầu Nghi Sơn	27.698.260.149	196.033.825.148
Phải trả khác		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	382.752.004.016	651.690.052.096
Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	40.518.408.320	9.141.595.771
Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp dầu khí	700.144.263	-
Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	-	5.647.399.623
Vay ngắn hạn		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	-	246.386.969.750
Vay dài hạn		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	718.740.168.254	743.282.265.084



Nguyễn Quang Chánh
Người lập biểu




Nguyễn Xuân Cường
Kế toán trưởng



Phan Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2015

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam 



PTSC

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2014





Tên giao dịch: **Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam**

Số chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: **0100150577**

Địa chỉ: Tầng 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM

Số điện thoại: **(+84).8.39102828** Fax: **(+84).8.39102929**

Website: www.ptsc.com.vn